

Khái quát về kinh tế vĩ mô

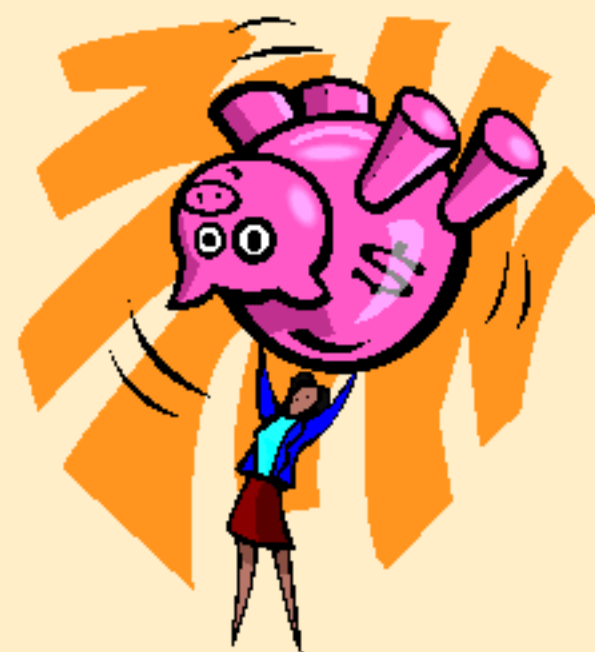
1

Khoa học kinh tế

- Hộ gia đình và nền kinh tế đối mặt với nhiều quyết định:
 - Ai sẽ làm việc gì?
 - Những hàng hóa nào sẽ được sản xuất và sản xuất với số lượng bao nhiêu?
 - Sử dụng nguồn lực nào để sản xuất?
 - Bán hàng hóa với giá nào?

KHAN HIỂM

**XÃ HỘI CÓ NHỮNG
NHU CẦU VÔ HẠN ...**



**NHỮNG NGUỒN LỰC THÌ
GIỚI HẠN HOẶC KHAN HIỂM!**

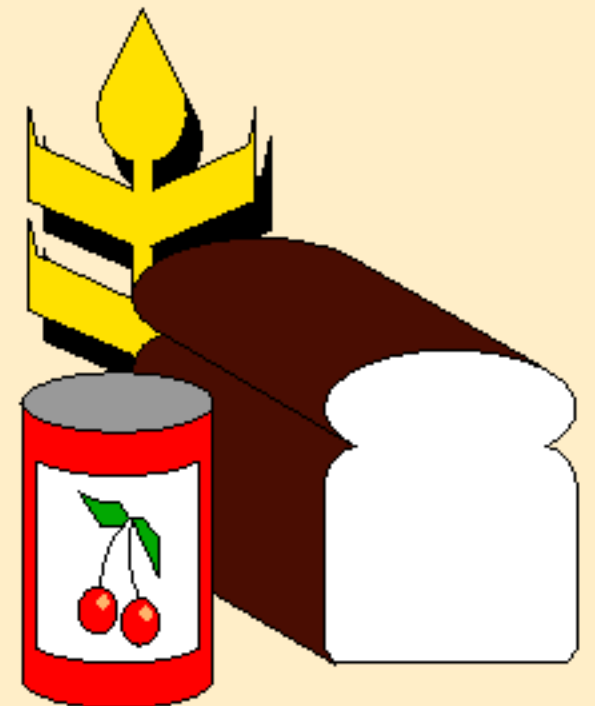
Khan hiếm

Xã hội và nguồn lực khan hiếm:

- Việc quản lý nguồn lực xã hội là quan trọng vì nguồn lực có tính khan hiếm.
- *Khan hiếm*. . . Có nghĩa là nguồn lực bị giới hạn và do đó không thể sản xuất tất cả hàng hóa và dịch vụ đáp ứng mong muốn của mọi người.

Nhu cầu về hàng hóa và dịch vụ...

NHU CẦU



NGUỒN LỰC

ĐẤT ĐAI

VỐN

LAO ĐỘNG

KHẢ NĂNG KINH DOANH

*Được biết như
là*

*Các yếu tố
Đầu vào của
Sản xuất*

Các vấn đề kinh tế cơ bản

Khan hiếm



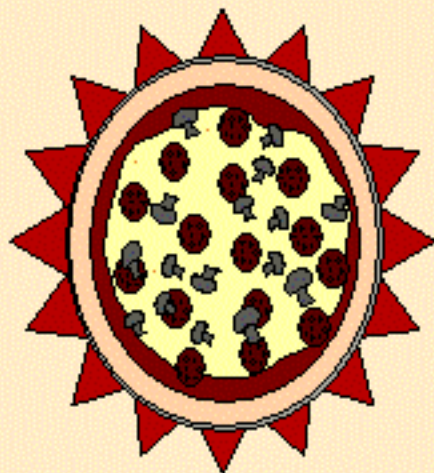
Phải lựa chọn

- 1. Sản xuất cái gì?**
- 2. Sản xuất như thế nào?**
- 3. Sản xuất cho ai?**

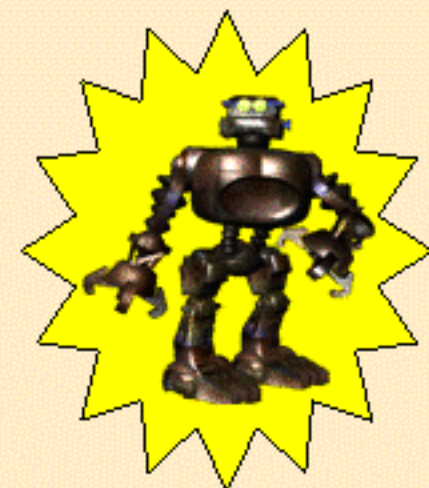
Đường giới hạn khả năng SX

Chúng ta có thể sử dụng nguồn lực để SX ...

10,000 Robots



Hoặc



400,000 Pizzas

***Sử dụng tất cả nguồn lực,
để có thêm Pizza,
chúng ta phải từ bỏ Robots!
Ví dụ...***

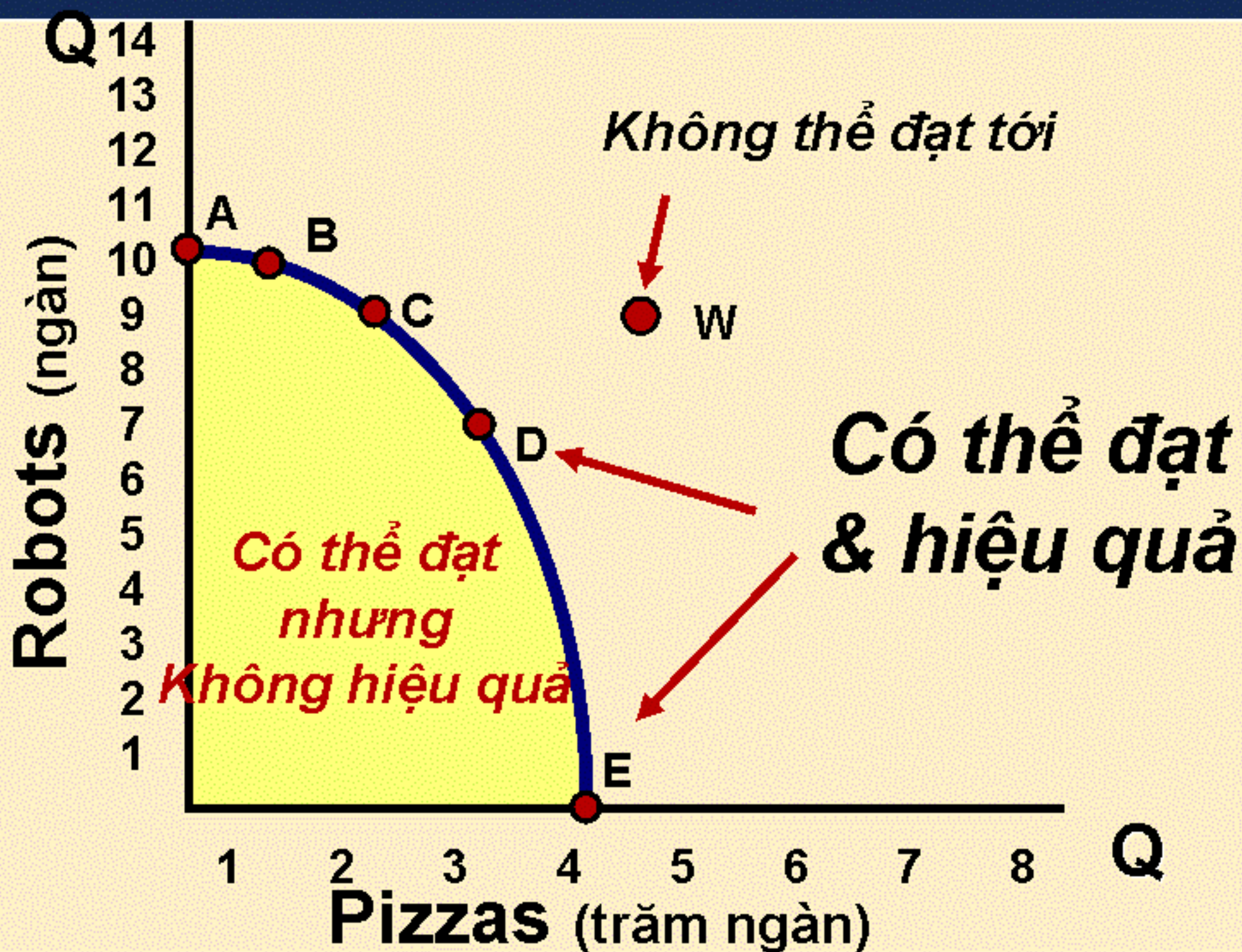
Đường giới hạn khả năng SX

Nguồn lực giới hạn có

Nghĩa là sản lượng giới hạn...

*Tại bất kỳ thời điểm nào, nền kinh tế đã sử dụng hết mọi nguồn lực, để có thêm nhiều hơn SP **Y** thì nền KT phải từ bỏ một số SP **X**.*

Đường giới hạn khả năng SX



Nguyên lý 1: Con người đối mặt với sự đánh đổi (Trade-off)

“Không có cái gì là cho không!”



Nguyên lý 1: Con người đối mặt với sự đánh đổi

Để có được một thứ, chúng ta phải từ bỏ thứ khác

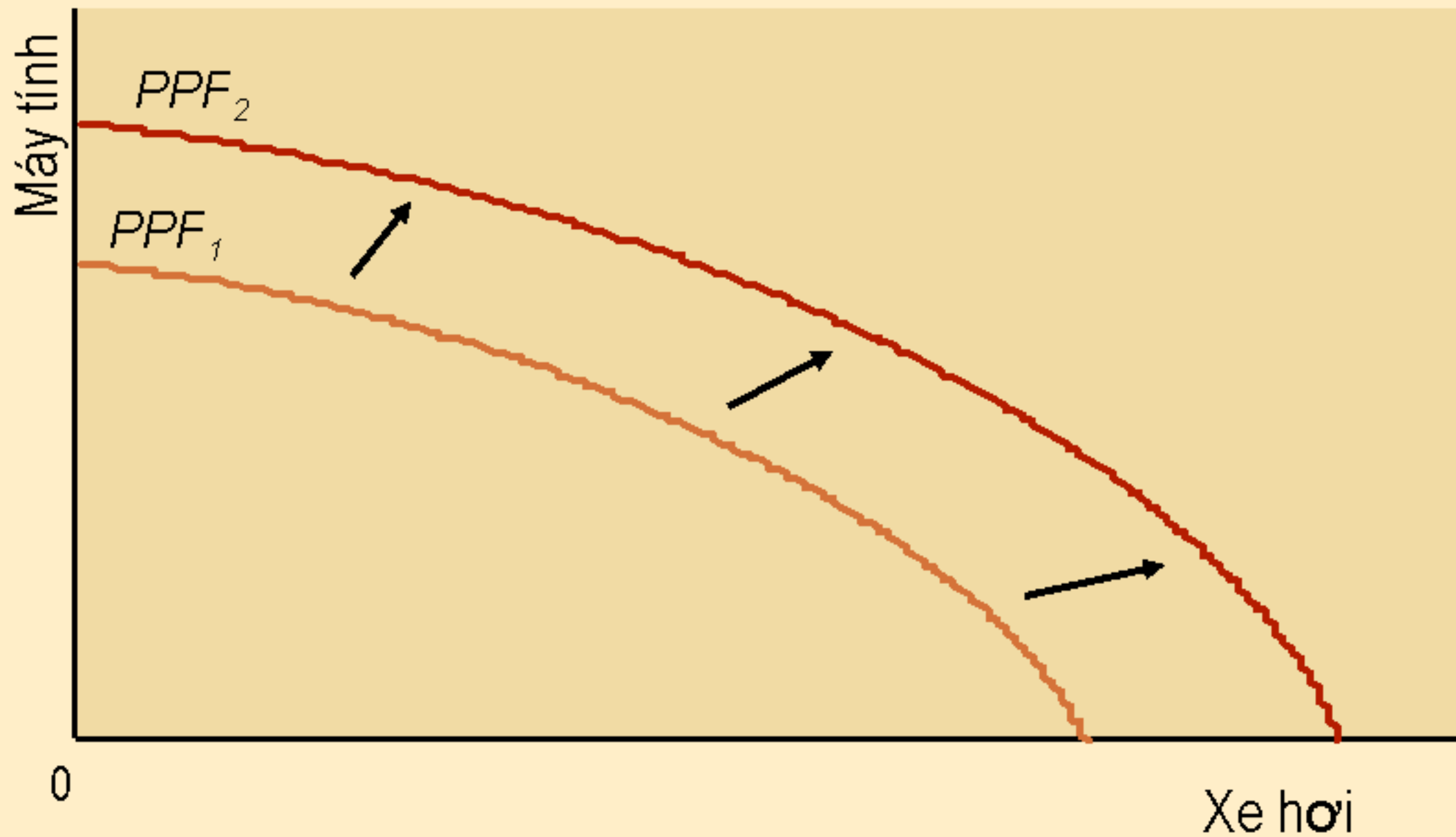
- Lương thực v. quần áo
- Thời gian rảnh rỗi v. công việc
- Hiệu quả v. công bằng

Ra quyết định đòi hỏi phải đánh đổi mục tiêu này để có được mục tiêu khác

Chi phí cơ hội

- Chi phí cơ hội là những hàng hóa muốn có nhất bị bỏ qua để đạt được những mục đích khác.
- Mong muốn > Nguồn lực → Chi phí cơ hội.

Tăng trưởng kinh tế



Kinh tế học là gì?

Kinh tế học là việc nghiên cứu cách thức phân bổ nguồn lực khan hiếm một cách hiệu quả nhất.

Khan hiếm và Kinh tế học

- Nguồn lực khan hiếm và sự lựa chọn – là nguồn gốc của mọi vấn đề được nghiên cứu trong kinh tế học.
- Hộ gia đình phân bổ thu nhập hạn chế cho hàng hóa và dịch vụ.
- Doanh nghiệp lựa chọn sản xuất cái gì và bao nhiêu với chi phí giới hạn.
- Chính phủ lựa chọn các mục tiêu để thực hiện với ngân sách giới hạn.
- Các nhà kinh tế nghiên cứu các quyết định này để:
 - Giải thích sự vận hành của hệ thống kinh tế
 - Dự báo nền kinh tế trong tương lai
 - Đề nghị những biện pháp làm cho nền kinh tế tốt hơn

Kinh tế vi mô (Microeconomics)

- Vi mô (Micro)
 - Micro đến từ tiếng Hy Lạp “*mikros*”, có nghĩa là “nhỏ”
- Kinh tế vi mô
 - Nghiên cứu hành vi của hộ gia đình, doanh nghiệp và Chính phủ.
 - Các sự lựa chọn
 - Sự tương tác trên các thị trường cụ thể
- Tập trung vào những thành phần riêng lẻ của nền kinh tế chứ không phải của tổng thể nền kinh tế.

Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)

- Vĩ mô (Macro)
 - Macro đến từ tiếng Hy Lạp , *makros*, nghĩa là “lớn”
- Kinh tế vĩ mô
 - Nghiên cứu nền kinh tế tổng thể
- Tập trung vào bức tranh lớn mà không quan tâm tới hành vi của từng cá nhân

Kinh tế học thực chứng (Positive Economics)

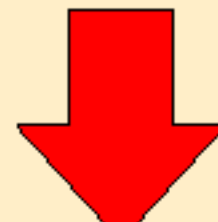
- Các nhận định thực chứng mang tính chất mô tả. Chúng khẳng định rằng thế giới là như thế nào.
- Sự chuẩn xác của nhận định thực chứng có thể được kiểm tra bằng các bằng chứng thực tế.
- Ex.: Tăng lương tối thiểu sẽ gây ra thất nghiệp

Kinh tế học chuẩn tắc (Normative Economics)

- Các nhận định chuẩn tắc có tính chất khuyến nghị. Chúng khẳng định rằng thế giới **cần phải** như thế nào.
 - Việc đánh giá nhận định chuẩn tắc liên quan đến cả các giá trị và thực tế
 - Nhận định chuẩn tắc không thể chỉ được đánh giá bằng số liệu. Nó còn gắn với các vấn đề đạo đức, tôn giáo, chính trị.
 - Ex: Chính phủ cần tăng tiền lương tối thiểu

Nhu cầu

**Nguồn lực
khan hiếm**



Khan hiếm tương đối



Các vấn đề kinh tế cơ bản



Hệ thống kinh tế

Các hệ thống kinh tế

- **Kinh tế thị trường**
- **Kinh tế mệnh lệnh**
- **Kinh tế hỗn hợp**

Kinh tế thị trường

- Đặc trưng cơ bản của cơ chế thị trường là tín hiệu giá (Bàn tay vô hình).
- Bàn tay vô hình sẽ quyết định sản xuất cái gì, như thế nào và cho ai.
- Ex: Hộ gia đình quyết định sẽ mua gì và ai sẽ làm việc? Doanh nghiệp quyết định sẽ thuê ai và sẽ sản xuất cái gì? ...

Kinh tế mệnh lệnh

- Marx cho rằng Chính phủ không chỉ can thiệp mà còn phải sở hữu các nguồn lực.
- Cơ chế thị trường sẽ để cho người giàu nắm phần lớn sản phẩm xã hội nên Chính phủ phải uốn nắn sự bất công này.

Kinh tế hỗn hợp

- Kinh tế hỗn hợp sử dụng cả tín hiệu thị trường và sự điều tiết của chính phủ để phân bổ nguồn lực và hàng hóa.
- Hầu hết các nền kinh tế đều sử dụng một sự phối hợp cả tín hiệu thị trường và sự điều tiết của chính phủ để lựa chọn hiệu quả kinh tế.

Thất bại thị trường

- Thất bại thị trường (*market failure*) là những khiếm khuyết của cơ thể thị trường ngăn cản hiệu quả kinh tế tối ưu.
- Nếu các tín hiệu thị trường không đem lại một hỗn hợp sản lượng mà xã hội mong muốn nhất thì chúng ta nói nó đã thất bại.

Nguồn gốc của thất bại thị trường

- Hàng hóa công cộng
- Ngoại ứng
- Sức mạnh thị trường
- Sự công bằng

Thị trường thất bại → Chính phủ can thiệp

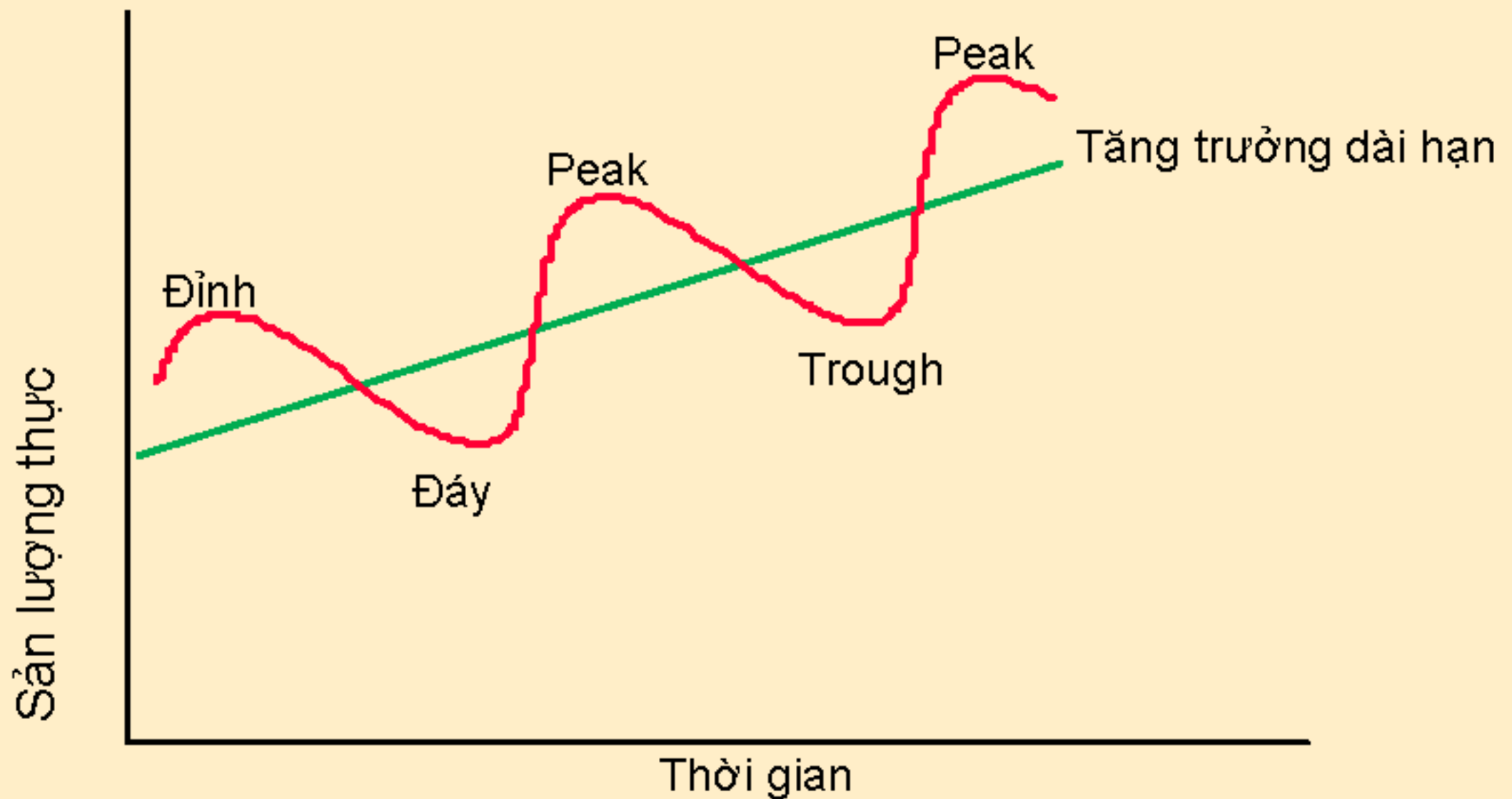
Thất bại của Chính phủ

- Sự can thiệp của chính phủ có thể là đáng mong muốn nhưng đôi khi nó cũng thất bại.
- Sự thất bại của chính phủ (*government failure*) xảy ra khi sự can thiệp của chính phủ không cải thiện được hiệu quả thị trường

Tìm kiếm sự cân bằng

- Sự thách thức đối với xã hội là phải tìm ra một sự cân bằng hợp lý giữa tín hiệu thị trường và sự điều tiết của chính phủ để giảm thiểu những thất bại.

CHU KỲ KINH DOANH (Business Cycle)



Ổn định hay bất ổn định?

- Trước những năm 1930, các nhà kinh tế vĩ mô nghĩ rằng không bao giờ có đại suy thoái.
- Họ tin rằng nền kinh tế thị trường là ổn định và không cần đến sự can thiệp của chính phủ.

Lý thuyết Cổ điển

- *Các nhà kinh tế thuộc trường phái cổ điển cho rằng hãy để thị trường tự do (Laissez faire) , tự nó sẽ điều chỉnh và không có những thất bại vĩ mô kéo dài.*
- *Quan điểm của trường phái này là giá và lương linh hoạt*

Thất bại thị trường

- Cuộc đại khủng hoảng làm choáng váng các nhà kinh tế học cổ điển.
- Sản xuất sụt giảm, thất nghiệp tăng cho dù giá cả và tiền lương giảm.

Ba đặc điểm cơ bản về biến động kinh tế

- ❑ Các biến động kinh tế diễn ra bất thường và không thể dự báo.
 - Các biến động của nền kinh tế thường được gọi là chu kỳ kinh doanh (**business cycle**).
- ❑ Hầu hết các đại lượng kinh tế vĩ mô biến động cùng nhau.
- ❑ Khi sản lượng giảm thì thất nghiệp tăng.

Các lực lượng ảnh hưởng hiệu quả vĩ mô

- **Các lực lượng thị trường bên trong** – tăng trưởng dân số, hành vi chi tiêu, phát minh sáng kiến, ...
- **Các cú sốc bên ngoài** – chiến tranh, thiên tai, gián đoạn buôn bán, ...
- **Những đòn bẩy chính sách** – chính sách thuế, chi tiêu chính phủ, thay đổi cung tiền tệ, điều tiết tín dụng, ...

Nền kinh tế vĩ mô

Yếu tố quyết định

Lực lượng TT bên trong

Sức bên ngoài

Chính sách



Kết quả

Sản lượng

Việc làm

Giá

Tăng trưởng

Cân đối quốc tế

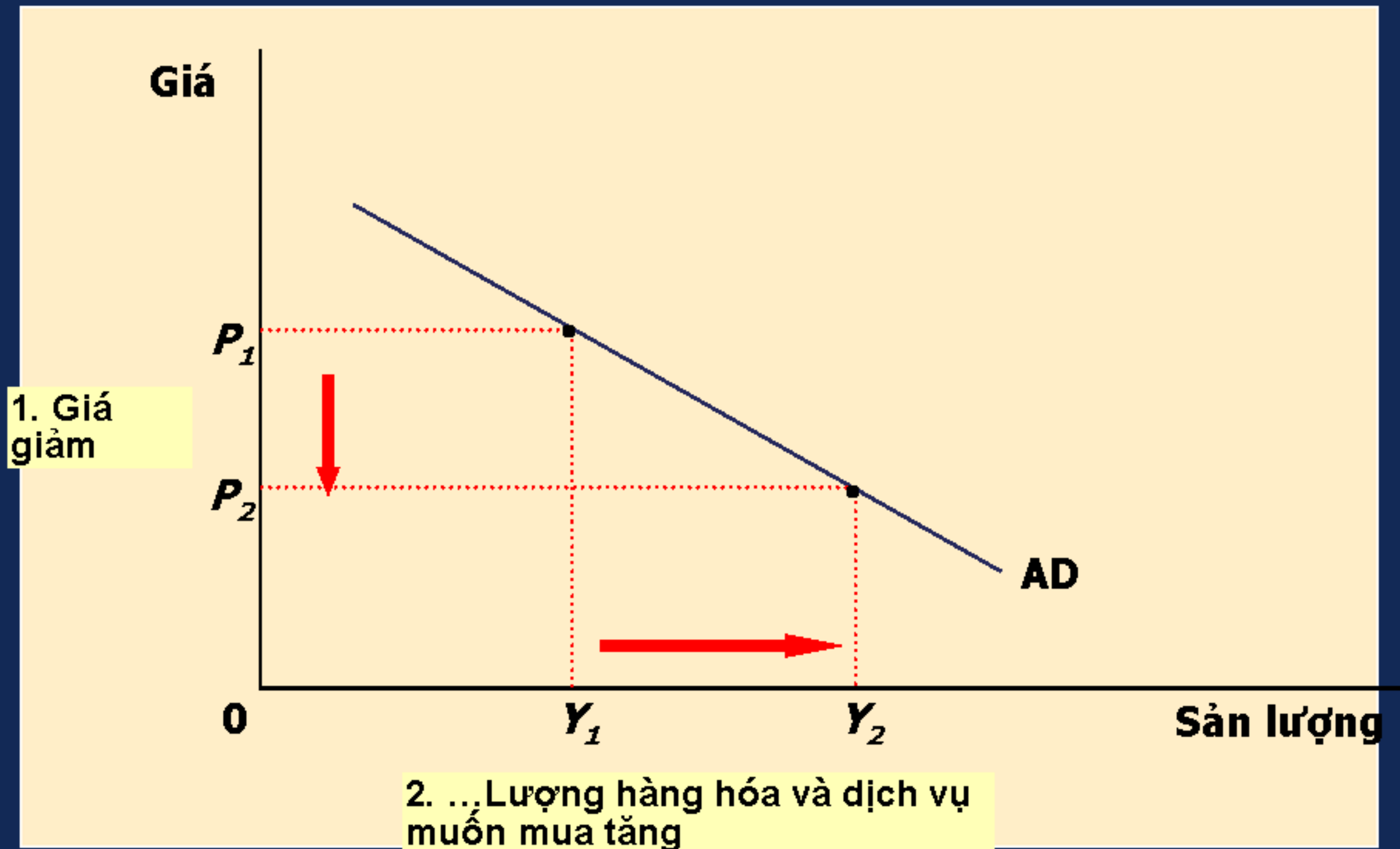
Tổng cầu (AD) và tổng cung (AS)

- Toàn bộ hiệu quả vĩ mô là kết quả của sự giao dịch thị trường. Bất kỳ ảnh hưởng nào tới hiệu quả vĩ mô phải được truyền dẫn qua cung và cầu.

Tổng cầu (AD)

- *Tổng cầu (Aggregate demand) là tổng lượng hàng hóa và dịch vụ trong nước mà mọi người muốn mua ở mỗi mức giá trong một thời kỳ nhất định, các yếu tố khác không thay đổi.*
- Nó được sử dụng để chỉ ứng xử tập thể của tất cả những người mua trên thị trường.

Đường tổng cầu...



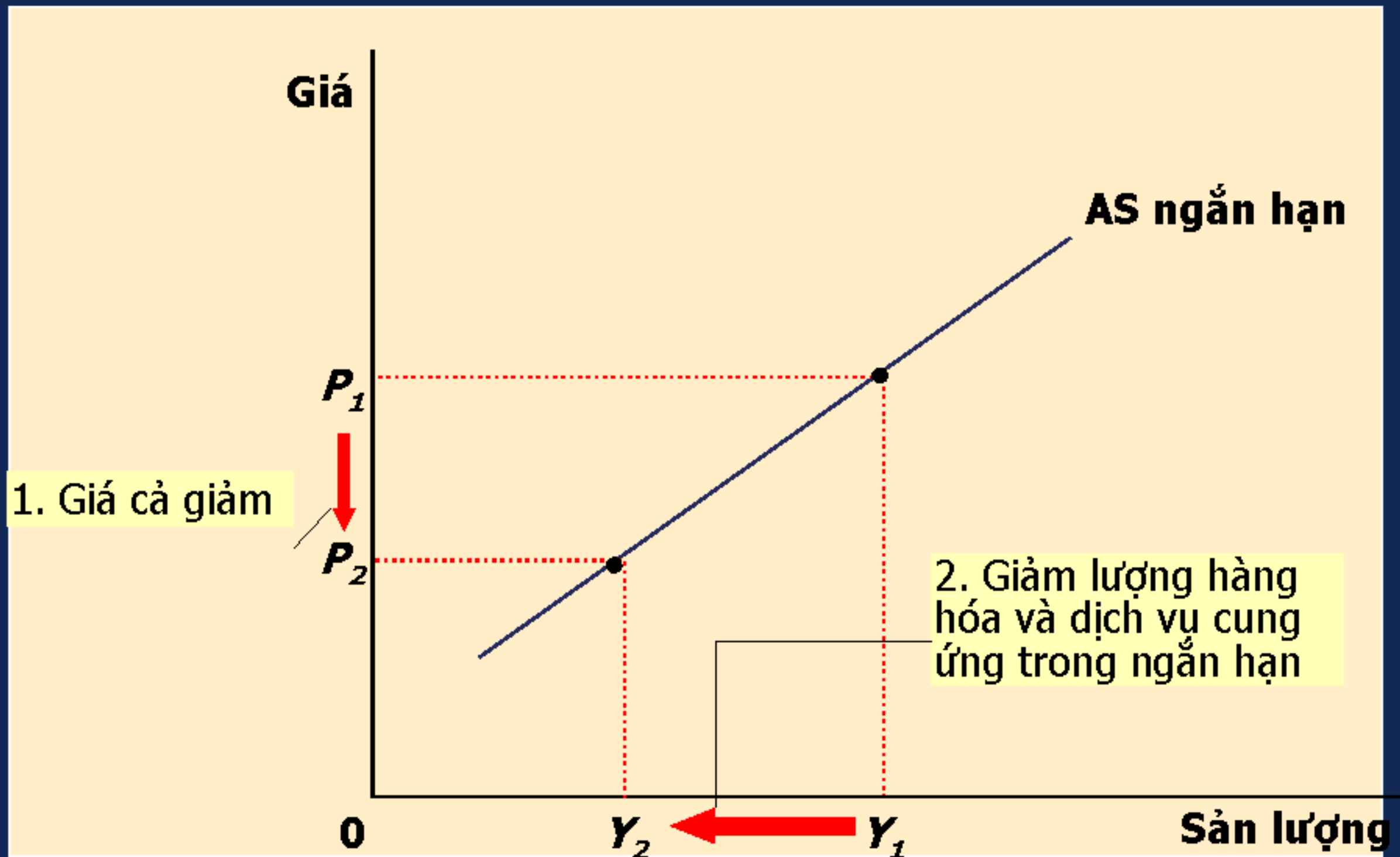
Tổng cầu (AD)

- 3 lý do giải thích vì sao đường tổng cầu dốc xuống:
 - Hiệu ứng của cải.
 - Hiệu ứng ngoại thương.
 - Hiệu ứng lãi suất.

Tổng cung (AS)

- *Tổng cung (Aggregate supply) là tổng lượng hàng hóa và dịch vụ mà các doanh nghiệp sản xuất và muốn bán ra tại mỗi mức giá trong một thời kỳ nhất định, các yếu tố khác không đổi.*

Đường tổng cung ngắn hạn...



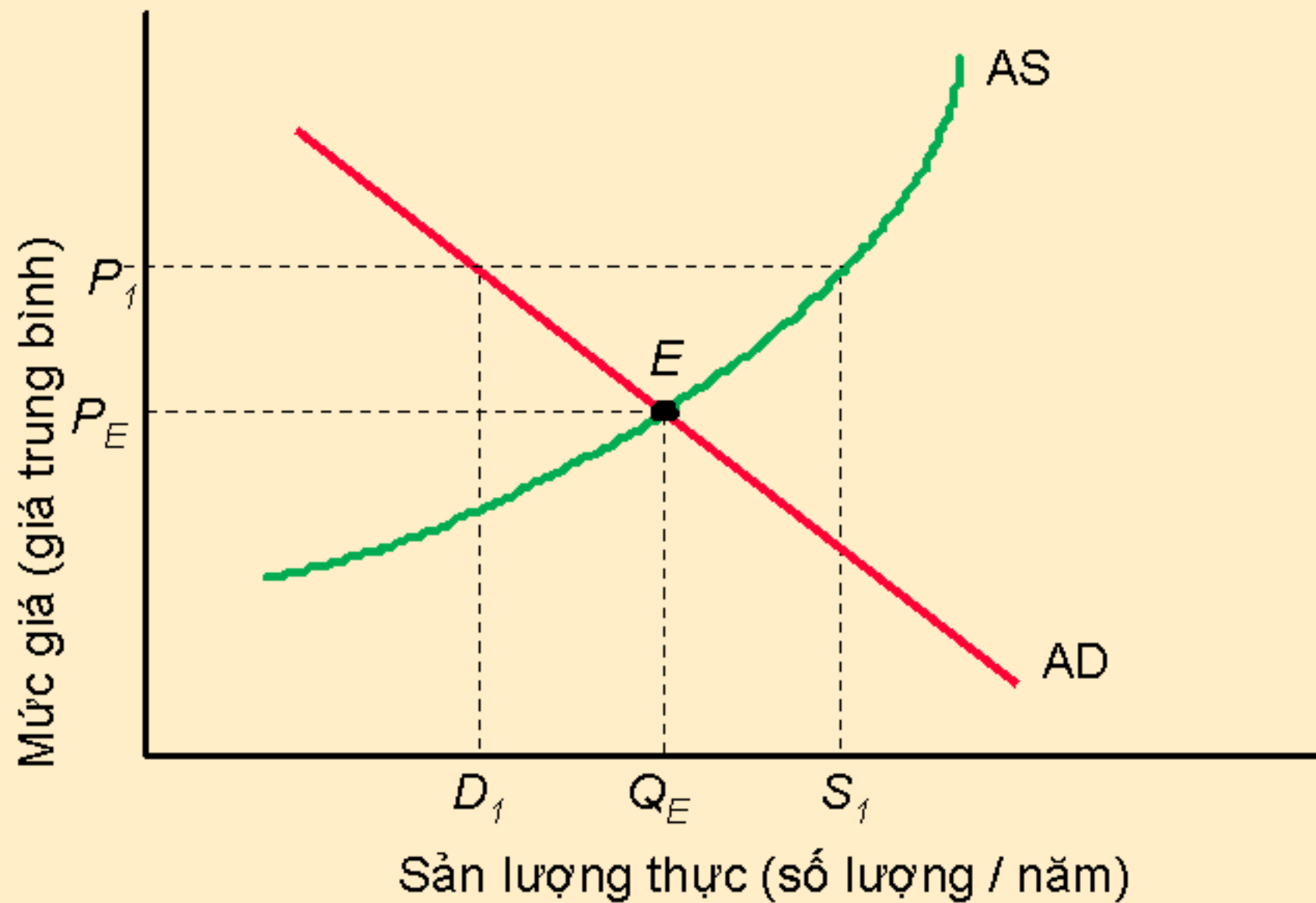
Tổng cung (AS)

- Hai lý do giải thích vì sao đường tổng cung ngắn hạn dốc lên:
 - Hiệu ứng lợi nhuận.
 - Hiệu ứng chi phí.

Cân bằng vĩ mô

- *Cân bằng vĩ mô (Macro equilibrium) là sự kết hợp giữa mức giá và sản lượng phù hợp với tổng cung và tổng cầu.*

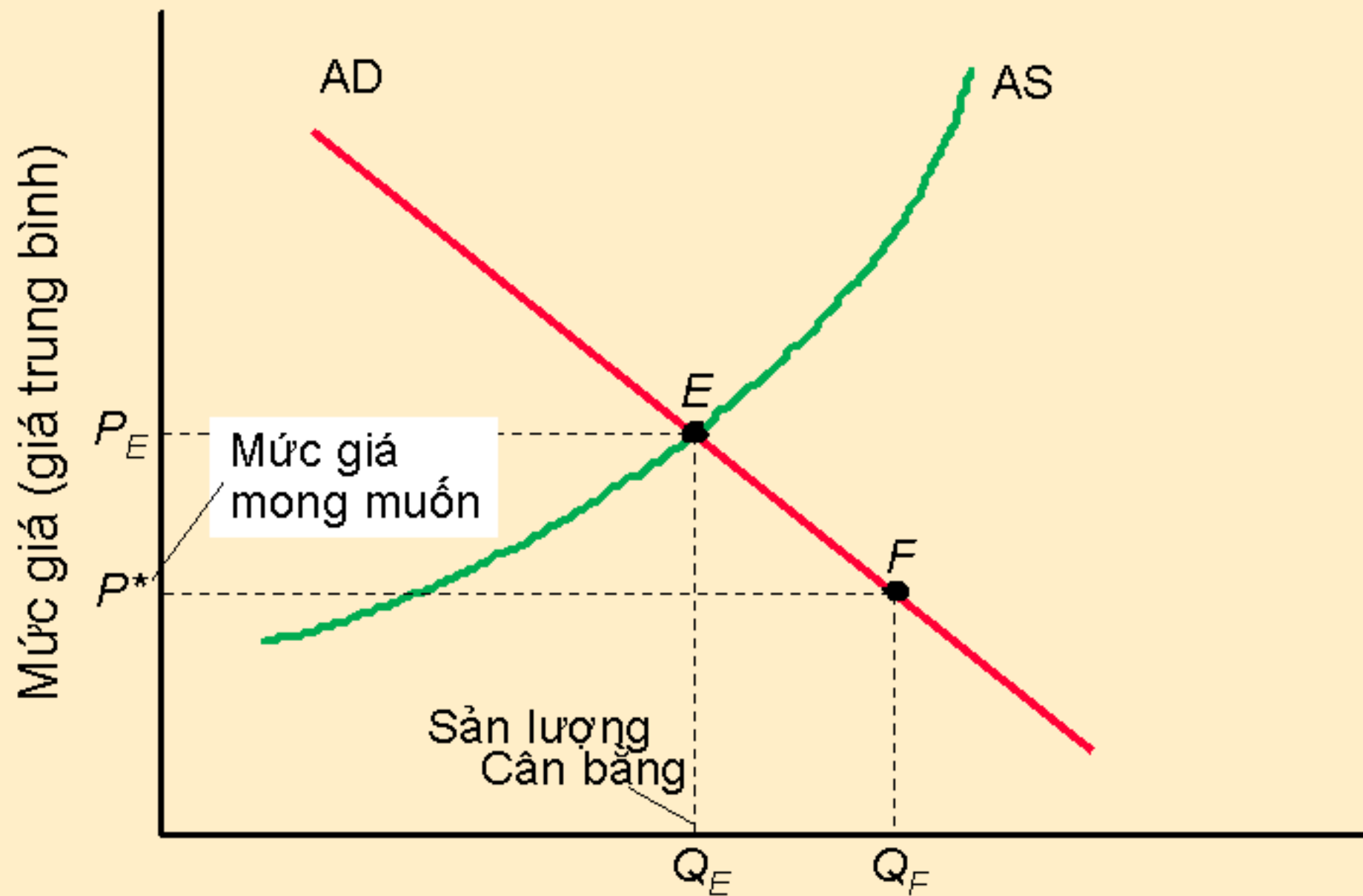
Cân bằng vĩ mô



Thất bại vĩ mô

- Có hai vấn đề tiềm tàng liên quan đến cân bằng vĩ mô:
 - **Không đạt được mục đích (Undesirability)** – quan hệ cân bằng giữa giá cả - sản lượng không đáp ứng được các mục tiêu kinh tế vĩ mô.
 - **Bất ổn định (Instability)** – Ngay cả khi đã được cân bằng vĩ mô tối ưu thì nó vẫn có thể bị thay thế bởi những rối loạn vĩ mô.

Cân bằng không mong muốn



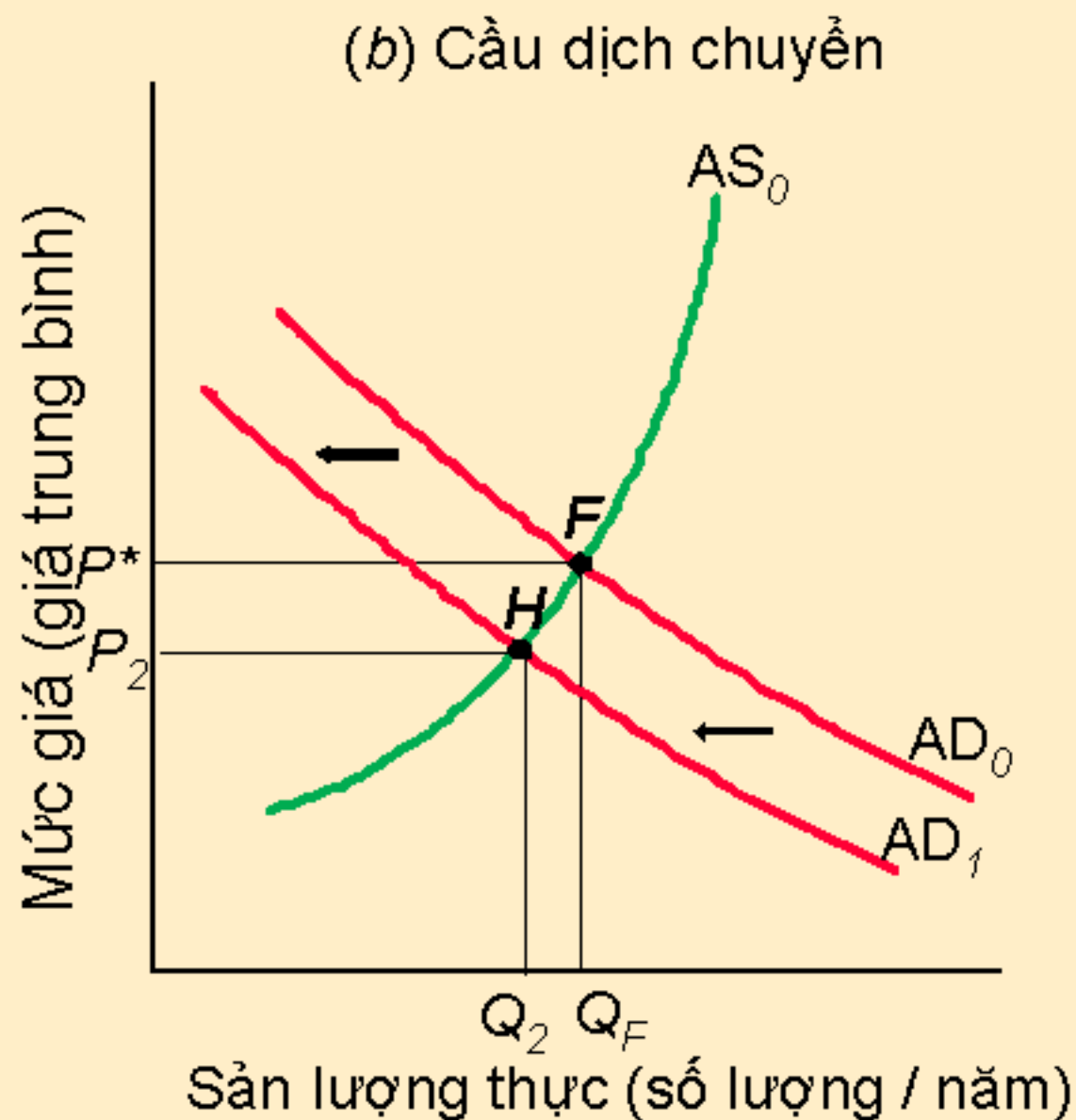
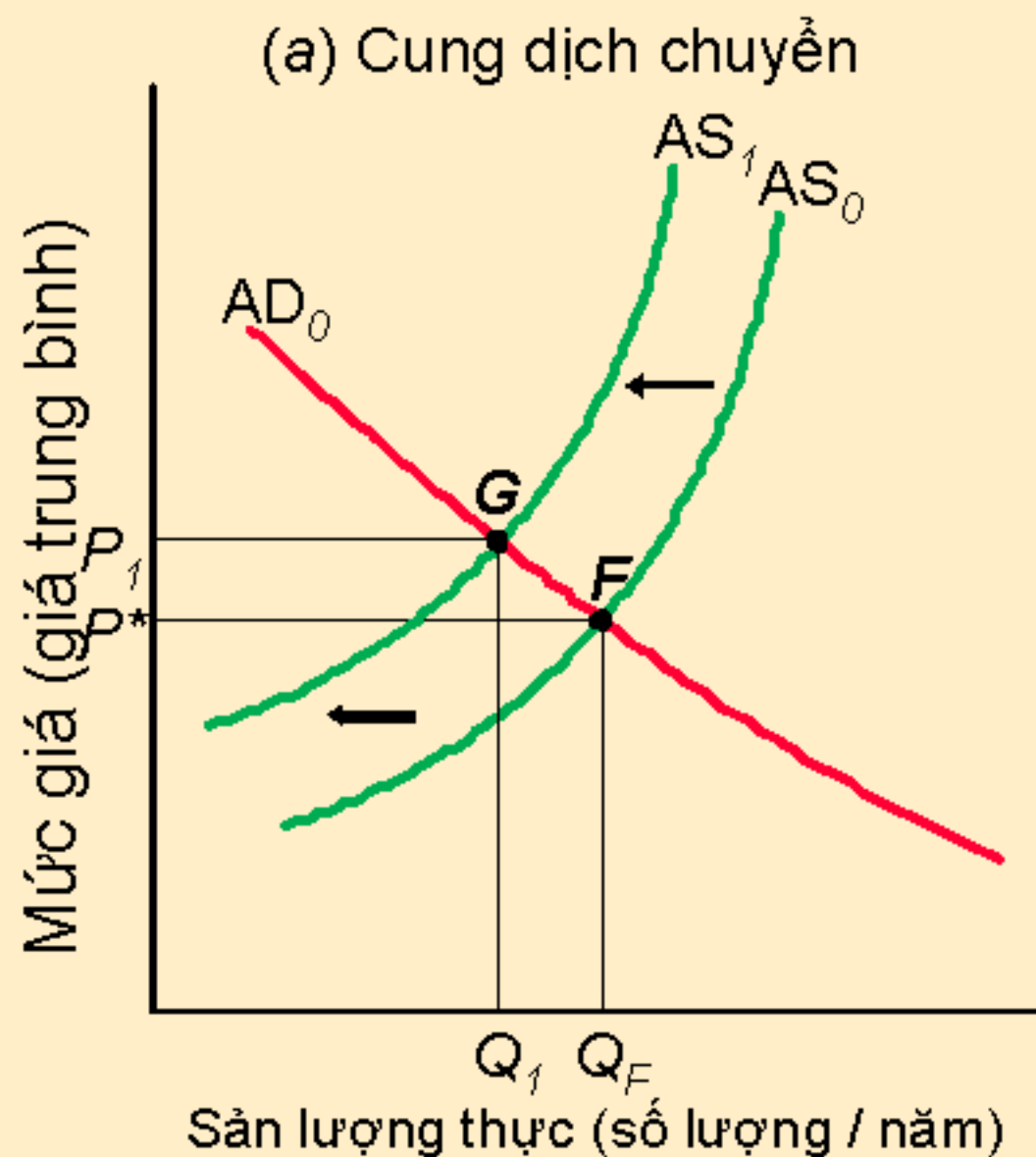
Không đạt được mục đích

- *Sản lượng tiềm năng (potential GDP) là giá trị thị trường của tất cả hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được sản xuất trong một thời kỳ nhất định ở tình trạng toàn dụng hay tình trạng việc làm đầy đủ (Full-employment GDP);*
- Nếu sản lượng cân bằng thấp hơn sản lượng ở mức việc làm đầy đủ, chúng ta không đạt được mục tiêu có việc làm đầy đủ.

Không đạt được mục đích

- Các vấn đề tương tự có thể nảy sinh từ giá cả cân bằng.
- Mức giá cân bằng lớn hơn P^* . Nếu ứng xử thị trường quyết định giá, mức giá sẽ tăng cao hơn mong muốn.

Những bất ổn vĩ mô



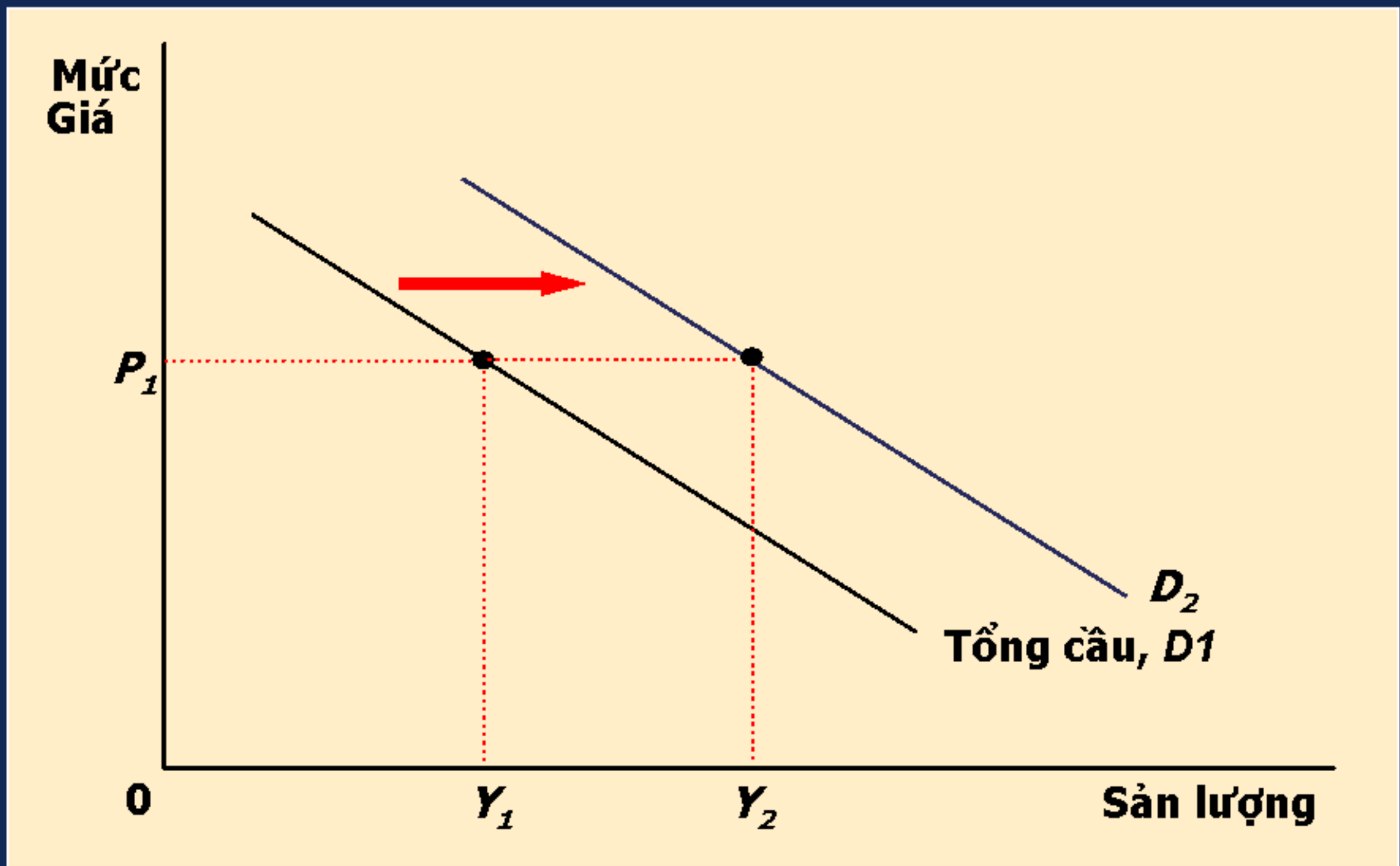
Tại sao đường AD có thể dịch chuyển

- u Sự dốc xuống của đường AD cho biết sự giảm giá làm tăng lượng cầu về hàng hóa và dịch vụ.
- u Tuy nhiên, còn nhiều yếu tố khác ảnh hưởng đến lượng cầu hàng hóa và dịch vụ tại một mức giá cho trước.
- u Khi một trong những yếu tố này thay đổi, đường AD sẽ dịch chuyển.

Tại sao đường AD có thể dịch chuyển

- u Sự dịch chuyển phát sinh từ tiêu dùng
- u Sự dịch chuyển phát sinh từ đầu tư
- u Sự dịch chuyển phát sinh từ chi tiêu Chính phủ
- u Sự dịch chuyển phát sinh từ xuất khẩu ròng.

Đường AD dịch chuyển



Tại sao đường AS có thể dịch chuyển

- u Những thay đổi phát sinh từ lao động
- u Những thay đổi phát sinh từ vốn (tư bản)
- u Những thay đổi phát sinh từ tài nguyên thiên nhiên.
- u Những thay đổi phát sinh từ công nghệ.
- u Những thay đổi phát sinh từ chi phí

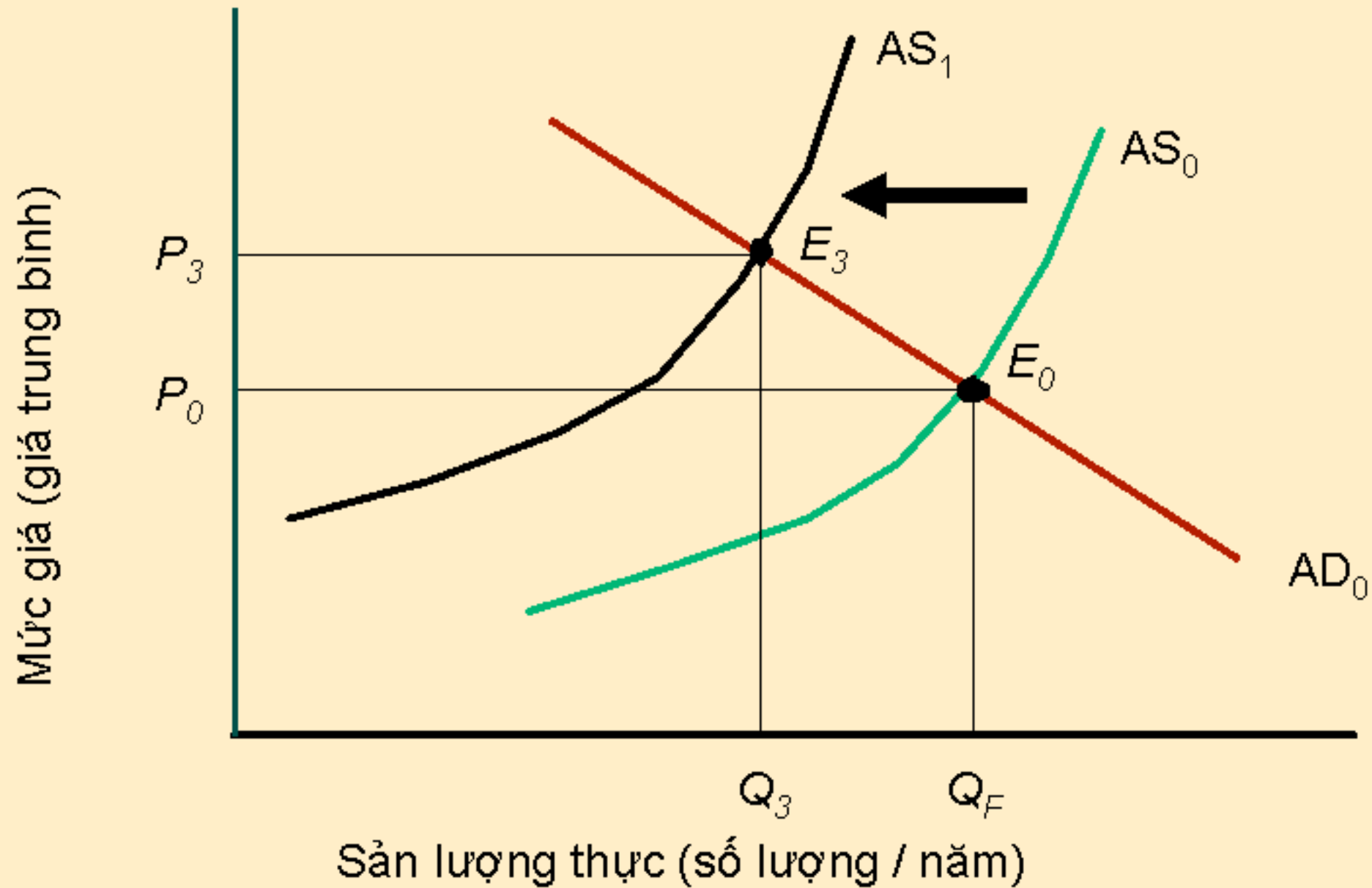
Học thuyết trọng cầu

- Keynes cho rằng chi tiêu thiếu hiệu quả thường làm đình trệ nền kinh tế.
- Keynes kết luận rằng tổng cầu không đủ sẽ gây ra thất nghiệp cao trong thời gian dài.

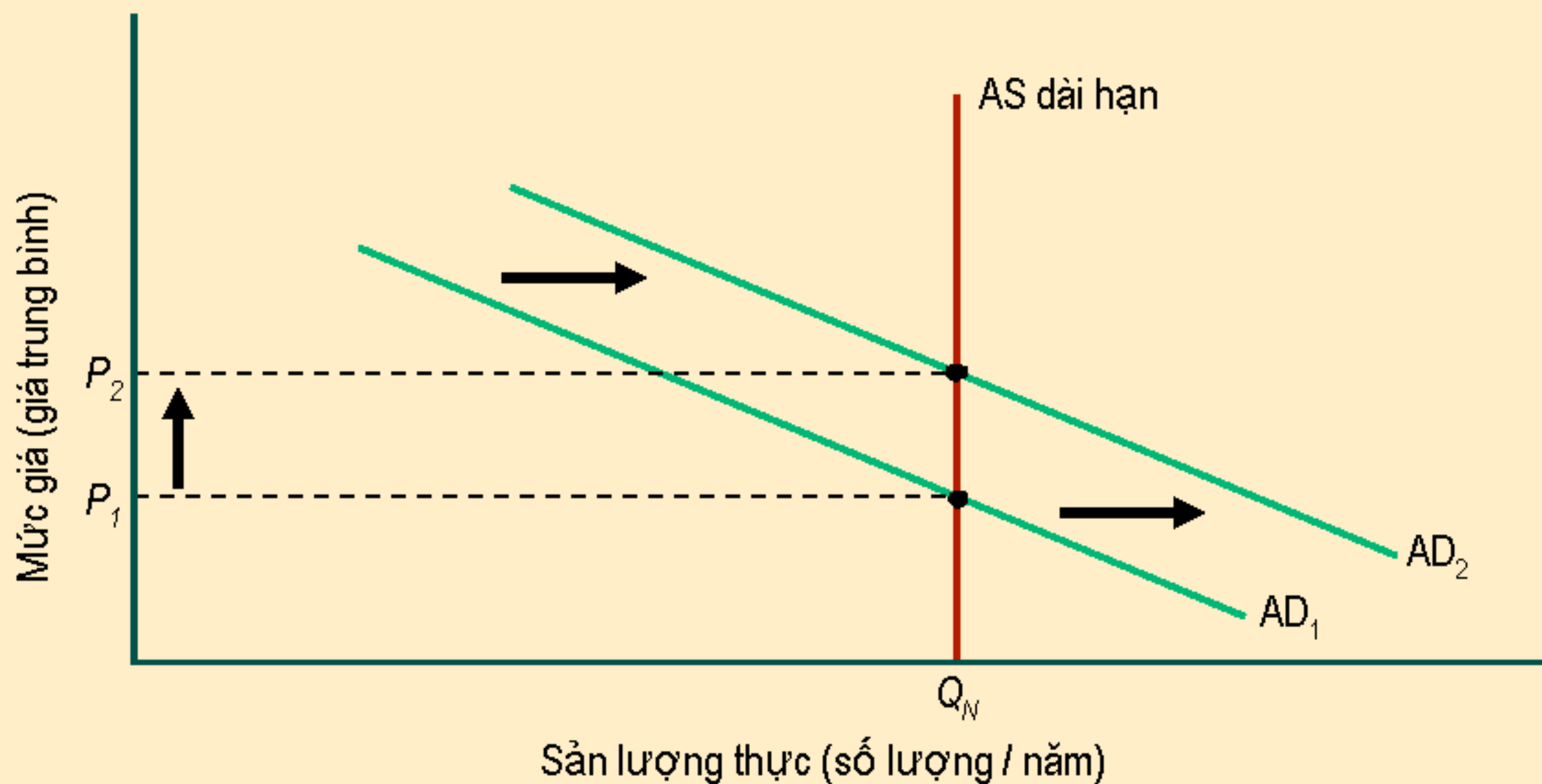
Học thuyết trọng cung

- Việc giảm tổng cung gây ra lạm phát và thất nghiệp cao hơn.
- Việc tăng tổng cung sẽ đem chúng ta lại gần hơn với mục tiêu việc làm đầy đủ và ổn định giá cả.

Học thuyết trọng cung



Đường AS dài hạn



Ba chiến lược chính sách cơ bản (1)

- *Dịch chuyển đường tổng cầu – tìm và áp dụng các công cụ chính sách kích thích hoặc hạn chế tổng chi tiêu.*

Ba chiến lược chính sách cơ bản (2)

- *Dịch chuyển đường tổng cung – tìm và thực hiện các đòn bẩy chính sách làm giảm chi phí sản xuất hoặc khuyến khích tăng sản lượng ở mọi mức giá.*

Ba chiến lược chính sách cơ bản (3)

- ***Để mặc thị trường tự do (Laissez-faire)*** – nếu chúng ta không thể nhận ra hoặc kiểm soát được các yếu tố quyết định tổng cầu hoặc tổng cung thì chúng ta đừng nên can thiệp.

Những lựa chọn cụ thể

- Chính sách tài chính (tài khóa).
- Chính sách tiền tệ.
- Chính sách trọng cung



Hạch toán thu nhập quốc dân

Chương 2

GDP (Gross domestic product)

- ◆ **GDP (Tổng sản phẩm quốc nội) là giá trị của tất cả hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trên lãnh thổ một nước, trong một thời kỳ nhất định.**

GDP

- ◆ **Không tính trùng.**
- ◆ **GDP là một thước đo các hoạt động sản xuất; Nó không bao gồm: hàng hóa đã qua sử dụng, mua bán trái phiếu và cổ phiếu, các khoản chi chuyển nhượng (thanh toán chuyển giao)**

Những gì được tính vào GDP?

GDP bao gồm tất cả các khoản được sản xuất ra trong lãnh thổ và được bán hợp pháp trên thị trường.

Những gì không được tính vào GDP?

- ◆ GDP không bao gồm những hàng hóa và dịch vụ được sản xuất và tiêu dùng ở nhà.
- ◆ GDP cũng không bao gồm những hàng hóa và dịch vụ được sản xuất và bán không hợp pháp.

Ví dụ

- ◆ Ông A mua một ngôi nhà được xây dựng cách đây 20 năm với giá là 950 triệu đồng. Ông A trả cho người môi giới 6% hoa hồng. Giao dịch này đóng góp bao nhiêu vào GDP?
- ◆ Một người bán 100 CP với giá 100.000 đồng / CP. Cô ta trả phí cho người môi giới là 2% giá trị giao dịch. Giao dịch của cô ta ảnh hưởng như thế nào đến GDP hiện tại?

GNP (Gross National Product)

- ◆ **Tổng sản phẩm quốc dân (GNP) là giá trị của tất cả hàng hóa và dịch vụ cuối cùng do công dân một nước sản xuất ra, trong một thời kỳ nhất định.**

GDP & GNP

- ◆ Nó khác với GDP: GNP bao gồm thu nhập do công dân của chúng ta kiếm được ở nước ngoài và không bao gồm thu nhập do người nước ngoài kiếm được ở nước chúng ta.
- ◆ **GNP = GDP + NIA**
(NIA = thu nhập từ các yếu tố xuất khẩu – thu nhập từ các yếu tố nhập khẩu)

Vấn đề giá cả trong tính toán

- ◆ Giá thị trường và giá yếu tố sản xuất
Chỉ tiêu tính theo giá yếu tố sản xuất =
= chỉ tiêu tính theo giá thị trường – thuế
gián thu
- ◆ Giá hiện hành và giá cố định

GDP Thực vs. GDP danh nghĩa

- ◆ **GDP danh nghĩa (Nominal GDP)** là giá trị hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được đo bằng giá hiện hành.
- ◆ **GDP thực (Real GDP)** là giá trị hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được đo bằng giá cố định.

Chỉ số điều chỉnh GDP (GDP Deflator)

Chỉ số điều chỉnh GDP được tính như sau:

$$\text{GDP}_{\text{def}} = \frac{\text{GDP}_n}{\text{GDP}_r} \cdot 100$$

GDP thực và danh nghĩa

<i>Năm</i>	giá Hàng hoá X	Số lượng Hàng hoá X	giá Hàng hoá Y	Số lượng Hàng hoá Y
2001	\$1	100	\$2	50
2002	\$2	150	\$3	100
2003	\$3	200	\$4	150

GDP trên đầu người (GDP per Capita)

- ◆ *GDP trên đầu người* là tổng GDP chia cho tổng dân số.
- ◆ GDP trên đầu người được sử dụng phổ biến như một thước đo mức sống của một đất nước.

GDP trên đầu người

- ◆ **Các thước đo GDP trên đầu người không cho thấy bất cứ điều gì về phương thức phân phối hoặc sử dụng GDP thực sự - chúng chỉ là một mức bình quân thống kê.**

Phương Pháp Tính GDP

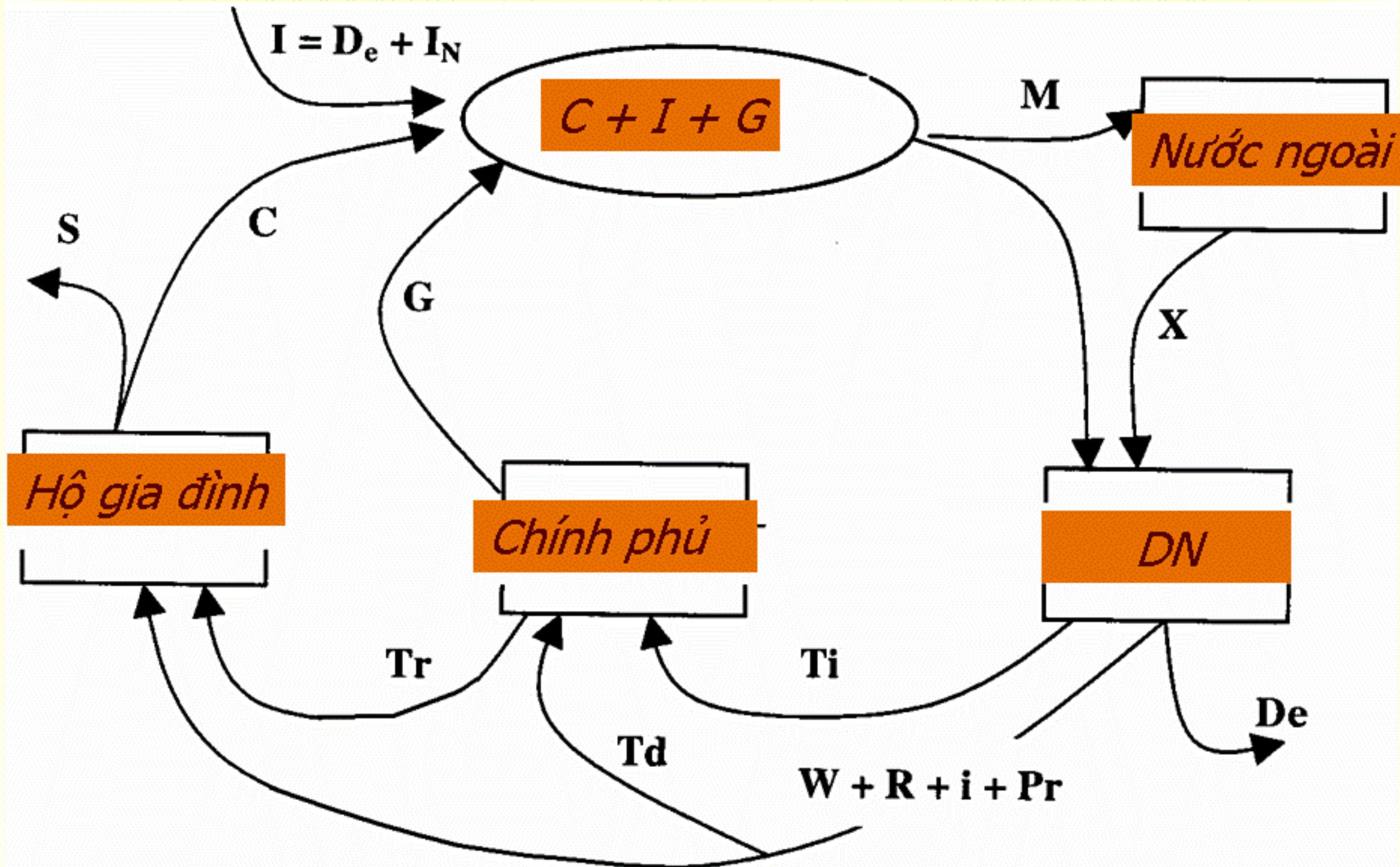
Luồng chu chuyển



Thu nhập và chi tiêu của nền kinh tế

- ◆ Đối với nền kinh tế với tư cách một tổng thể, thu nhập phải bằng chi tiêu, bởi vì:
 - ◆ Mỗi giao dịch đều có bên mua và bên bán.
 - ◆ Mọi khoản chi tiêu của người mua nào đó đều là thu nhập của người bán khác.

Tính GDP



Tính GDP

- ◆ **3 phương pháp tính GDP:**

- **GDP(I) = phương pháp thu nhập**

- **GDP(E) = phương pháp chi tiêu**

- **GDP(P) = phương pháp sản xuất**

- ◆ **GDP(A) = trung bình cộng của 3 thước đo**

Phương pháp sản xuất

- ◆ **GDP = Tổng (xuất lượng – Chi phí trung gian)**

Hàng hóa trung gian (Intermediate goods) là những hàng hóa và dịch vụ được sử dụng để sản xuất ra hàng hóa và dịch vụ khác và chỉ sử dụng một lần trong quá trình sản xuất.

GTGT của các công đoạn khác nhau trong quá trình sản xuất

Các công đoạn	Giá trị giao dịch	Giá trị gia tăng
1. Người nông dân trồng lúa mì bán cho người làm bột	1600	1600
2. Người làm bột xay thành bột bán cho ông chủ bánh mì	3700	2100
3. Người chủ làm bánh mì bán cho siêu thị	7900	4200
4. Siêu thị bán bánh mì cho người tiêu dùng	10000	2100
Tổng	23000	10000

Sản lượng = thu nhập = chi tiêu

Giá trị sản lượng

Thu nhập

Chi tiêu của hộ gia đình

Chi đầu tư

Chi tiêu của CP

XK ròng

Thị trường
SP

Thị trường
ytổ SX

lương (W)

Lợi nhuận (Pr)

lãi (i)

Tiền thuê (R)

Thuế gián thu (T_i)
Khấu hao (De)

Tính GDP theo phương pháp chi tiêu

GDP là **tổng** của các khoản sau:

- ◆ Tiêu dùng của hộ gia đình (**C**)
- ◆ Đầu tư (**I**)
- ◆ Chi tiêu CP cho hàng hóa & dịch vụ (**G**)
- ◆ xuất khẩu ròng (**X-M**)

$$Y = C + I + G + (X-M)$$

Các thành tố của GDP

- ◆ **Tiêu dùng hộ gia đình (C):**
 - ◆ Chi tiêu của hộ gia đình cho hàng hóa và dịch vụ, ngoại trừ khoản chi tiêu cho nhà ở mới.
- ◆ **Đầu tư (I):**
 - ◆ Các khoản chi cho máy móc thiết bị, nhà xưởng, hàng tồn kho và nhà ở mới.

Các thành tố của GDP

- ◆ **Chi tiêu của Chính phủ (G):**
 - ◆ Các khoản chi của Chính phủ cho hàng hóa và dịch vụ.
 - ◆ Không bao gồm các khoản chi chuyển nhượng (thanh toán chuyển giao).
- ◆ **Xuất khẩu ròng ($X - M$):**
 - ◆ Xuất khẩu trừ nhập khẩu.

Tính GDP theo phương pháp thu nhập (phân phối)

◆ $GDP = De + W + R + i + Pr + Ti$

Trong đó:

- **De:** khấu hao
- **W:** Tiền lương
- **R:** Tiền thuê
- **i:** Tiền lãi
- **Pr:** Lợi nhuận
- **Ti:** Thuế gián thu

GDP và phúc lợi kinh tế

- ◆ **GDP là một chỉ tiêu tốt về phúc lợi kinh tế của một xã hội.**
- ◆ **GDP bình quân đầu người cho chúng ta biết thu nhập và chi tiêu của một người trung bình trong nền kinh tế.**

GDP và phúc lợi kinh tế

- ◆ **GDP bình quân đầu người cao hơn cho thấy một mức sống cao hơn.**
- ◆ **Tuy nhiên, GDP không phải là một thước đo hoàn hảo về sự hạnh phúc hoặc chất lượng cuộc sống.**

GDP và phúc lợi kinh tế

- ◆ **Một số thứ góp phần tạo nên cuộc sống tốt đẹp bị loại ra khỏi GDP.**
 - ◆ **Thời gian nghỉ ngơi.**
 - ◆ **Chất lượng môi trường.**
 - ◆ **Những hàng hóa và dịch vụ được sản xuất tại gia đình như việc chăm sóc trẻ em ở nhà hoặc các công việc tình nguyện.**

Các thước đo khác

- ◆ Sản phẩm quốc dân ròng - **Net National Product (NNP)**
- ◆ Sản phẩm quốc nội ròng - **Net domestic product (NDP)**
- ◆ Thu nhập quốc dân - **National Income (NI)**
- ◆ Thu nhập cá nhân - **Personal Income (PI)**
- ◆ Thu nhập khả dụng - **Disposable Income (DI)**

Sản phẩm quốc dân ròng (NNP)

- ◆ Sản phẩm quốc dân ròng – phản ánh giá trị mới sáng tạo của công dân một nước- là tổng thu nhập của công dân một nước (GNP) trừ đi khấu hao.
- ◆ Khấu hao (Depreciation) là khoản hao mòn trang thiết bị và nhà xưởng của nền kinh tế.

Sản phẩm quốc nội ròng (NDP)

- ◆ Sản phẩm quốc nội ròng – phản ánh giá trị mới sáng tạo, được sản xuất trên lãnh thổ một nước.
- ◆ $NDP = GDP - \text{khấu hao}$

Thu nhập quốc dân

- ◆ **Thu nhập quốc dân** phản ánh thu nhập mà công dân một nước tạo ra trong quá trình sản xuất hàng hóa dịch vụ, không bao gồm thuế gián thu.
- ◆ $NI = NNP - \text{thuế gián thu}$

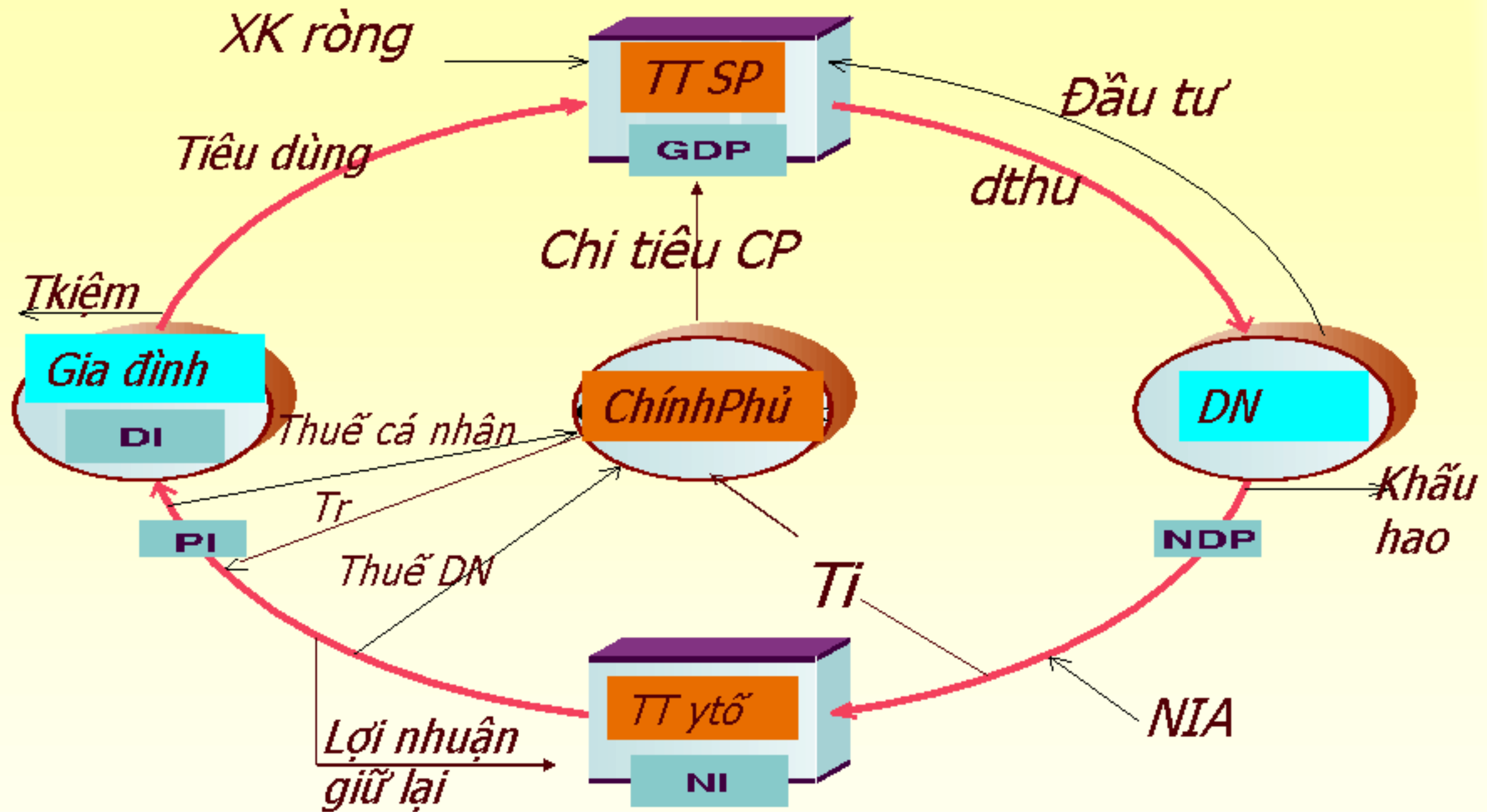
Thu nhập cá nhân

- ◆ **Thu nhập cá nhân** phản ánh phần thu nhập thực sự được chia cho các cá nhân
- ◆ Nó không bao gồm lợi nhuận giữ lại, tức là khoản thu nhập doanh nghiệp tạo ra nhưng không trả cho chủ sở hữu. Nó cũng không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp.
- ◆ Ngoài ra, thu nhập cá nhân còn bao gồm các khoản chi chuyển nhượng từ Chính phủ.

Thu nhập khả dụng

- ◆ **Thu nhập khả dụng** là thu nhập mà các cá nhân còn lại sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế cho chính phủ.
- ◆ Nó bằng thu nhập cá nhân trừ thuế cá nhân.

Luồng luân chuyển chi tiêu & thu nhập



KẾT THÚC





Lạm phát & thất nghiệp

Chương 3

Định nghĩa lạm phát

- ◆ **Lạm phát (Inflation)** là tình trạng *mức giá chung* của nền kinh tế tăng lên trong một thời gian nhất định.
- ◆ **Tỷ lệ lạm phát** là % thay đổi của mức giá so với thời kỳ trước đó.

Định nghĩa lạm phát

- ◆ **Giảm phát:** là tình trạng mức giá chung của nền kinh tế giảm xuống.
- ◆ **Giảm lạm phát:** là sự sụt giảm của tỷ lệ lạm phát (tốc độ tăng giá chậm lại).

Phân loại lạm phát

- ◆ **Lạm phát vừa phải: lạm phát một con số**
- ◆ **Lạm phát phi mã: lạm phát hai hay ba số**
- ◆ **Siêu lạm phát: lạm phát trên bốn con số**

Đo lường lạm phát

◆ Chỉ số giá

- ✓ Chỉ số giá tiêu dùng (Consumer Price Index - CPI)
- ✓ Chỉ số điều chỉnh GDP (GDP deflator - GDPdef)

Tính CPI



Chỉ số giá tiêu dùng (*Consumer Price Index - CPI*) chuyển giá của nhiều loại hàng hóa và dịch vụ thành một chỉ số duy nhất đo lường mức giá chung.

Chỉ số giá tiêu dùng được tính toán như thế nào?

- ◆ **Xác định giỏ hàng hóa cố định**
- ◆ **Xác định giá cả**
- ◆ **Tính chi phí của giỏ hàng**
- ◆ **Chọn năm gốc và tính chỉ số**
 - ◆ **Chọn một năm nào đó làm gốc**
 - ◆ **Tính CPI bằng cách lấy giá của giỏ hàng hóa và dịch vụ trong từng năm chia cho giá của giỏ hàng hóa và dịch vụ đó trong năm gốc, sau đó nhân cho 100.**

Tính tỷ lệ lạm phát

$$\text{Tỷ lệ lạm phát năm } t = \frac{\text{CPI năm } t - \text{CPI năm } (t-1)}{\text{CPI năm } (t-1)} \times 100$$

Tính CPI và tỷ lệ lạm phát: ví dụ

Bước 1: điều tra người tiêu dùng để xác định giỏ hàng hóa cố định

4 hot dogs, 2 hamburgers

Tính CPI và tỷ lệ lạm phát: ví dụ

Bước 2: xác định giá cả của mỗi hàng hóa trong mỗi năm

<i>Năm</i>	giá Hot dogs	giá Hamburgers
2001	\$1	\$2
2002	\$2	\$3
2003	\$3	\$4

Tính CPI và tỷ lệ lạm phát: ví dụ

Bước 3: Tính chi phí để mua giỏ hàng trong mỗi năm

2001	$(\$1 / \text{hot dog} \times 4 \text{ hot dogs}) + (\$2 / \text{hamburger} \times 2 \text{ hamburgers}) = \mathbf{\$8}$
2002	$(\$2 / \text{hot dog} \times 4 \text{ hot dogs}) + (\$3 / \text{hamburger} \times 2 \text{ hamburgers}) = \mathbf{\$14}$
2003	$(\$3 / \text{hot dog} \times 4 \text{ hot dogs}) + (\$4 / \text{hamburger} \times 2 \text{ hamburgers}) = \mathbf{\$20}$

Tính CPI và tỷ lệ lạm phát: ví dụ

Bước 4: Chọn một năm làm gốc (2001) và tính CPI mỗi năm

2001	$(\$8/\$8) \times 100 = \mathbf{100}$
2002	$(\$14/\$8) \times 100 = \mathbf{175}$
2003	$(\$20/\$8) \times 100 = \mathbf{250}$

Tính CPI và tỷ lệ lạm phát: ví dụ

Bước 5: Sử dụng CPI để tính tỷ lệ lạm phát so với năm trước

2002	$(175-100)/100 \times 100 = 75\%$
2003	$(250-175)/175 \times 100 = 43\%$

Tính CPI và tỷ lệ lạm phát: ví dụ khác

- ◆ Năm gốc là 1998.
- ◆ Chi phí của giỏ hàng hóa năm 1998 là 1200.
- ◆ Chi phí của giỏ hàng hóa tương tự tính ở năm 2000 là 1236.
- ◆ $CPI = (1236/1200) \times 100 = 103$.
- ◆ Giá đã tăng 3% giữa năm 1998 và 2000.

Những vấn đề phát sinh khi tính toán CPI

- ◆ **Độ lệch thay thế**
- ◆ **Sự xuất hiện những hàng hóa mới**
- ◆ **Không tính được sự thay đổi chất lượng**

Chỉ số điều chỉnh GDP (GDP Deflator)

$$\text{GDP def} = \frac{\text{GDP d.nghĩa}}{\text{GDP thực}} \times 100$$

CPI Vs chỉ số điều chỉnh GDP

- ◆ Chỉ số điều chỉnh GDP (**GDP def**) phản ánh giá cả của hàng hóa và dịch vụ được sản xuất trong nước, trong khi ...
- ◆ ...chỉ số giá tiêu dùng (**CPI**) phản ánh giá của mọi hàng hóa và dịch vụ được người tiêu dùng mua.

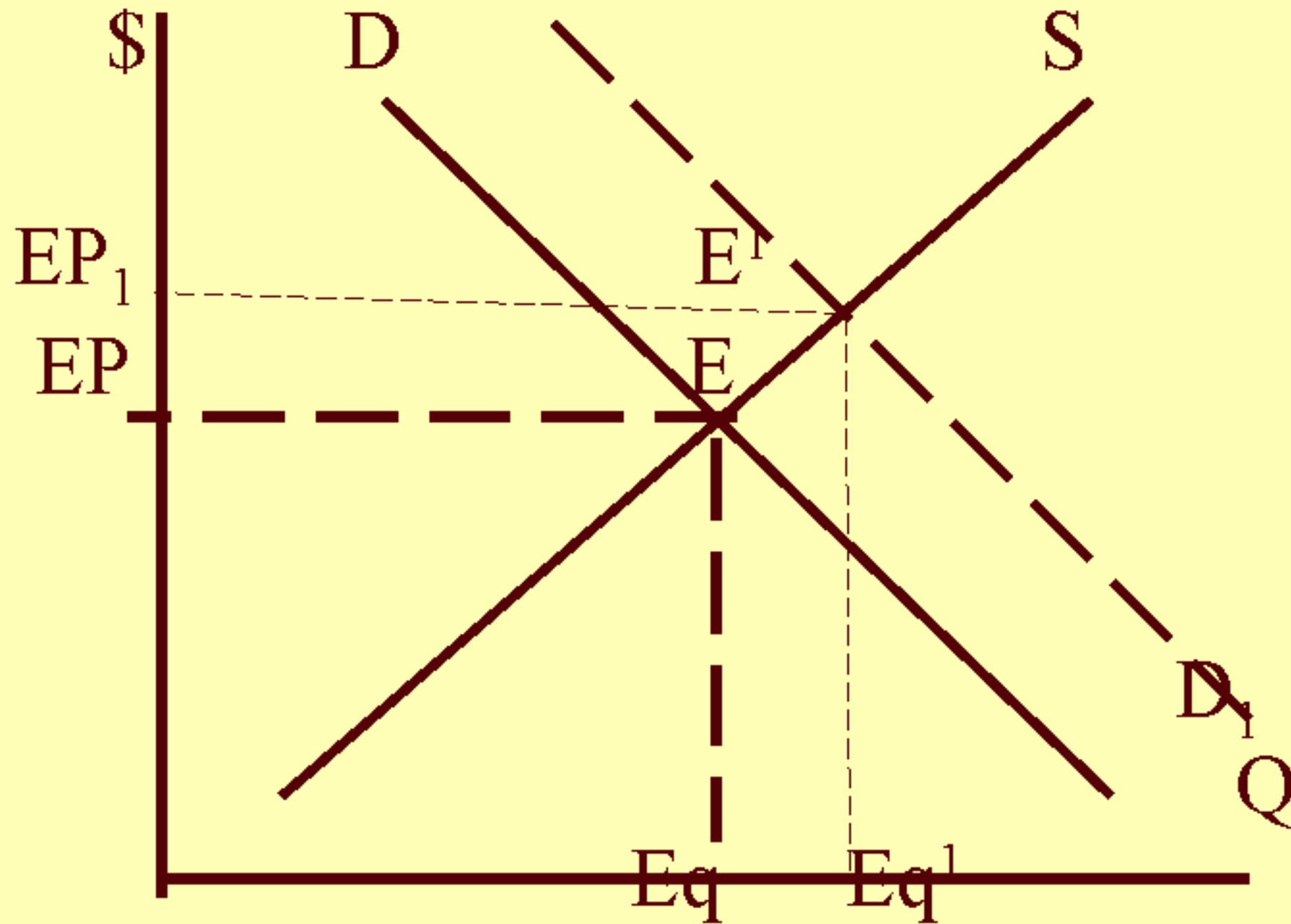
CPI Vs chỉ số điều chỉnh GDP

- ◆ **CPI** so sánh giá của một giỏ hàng hóa và dịch vụ cố định trong năm hiện tại với giá của giỏ hàng hóa đó trong năm gốc...
- ◆ ...ngược lại **GDP def** so sánh giá của những hàng hóa và dịch vụ được sản xuất ra trong năm hiện tại với giá của những hàng hóa và dịch vụ đó trong năm gốc.

Lạm phát cầu kéo

- ◆ Lạm phát cầu kéo xảy ra khi tổng cầu tăng mà tổng cung không tăng hoặc tăng chậm hơn tổng cầu.

Lạm phát cầu kéo



Những yếu tố làm tăng cầu

- ◆ Chính phủ tăng chi tiêu
- ◆ Hộ gia đình tăng chi tiêu
- ◆ Đầu tư tăng
- ◆ Xuất khẩu ròng tăng

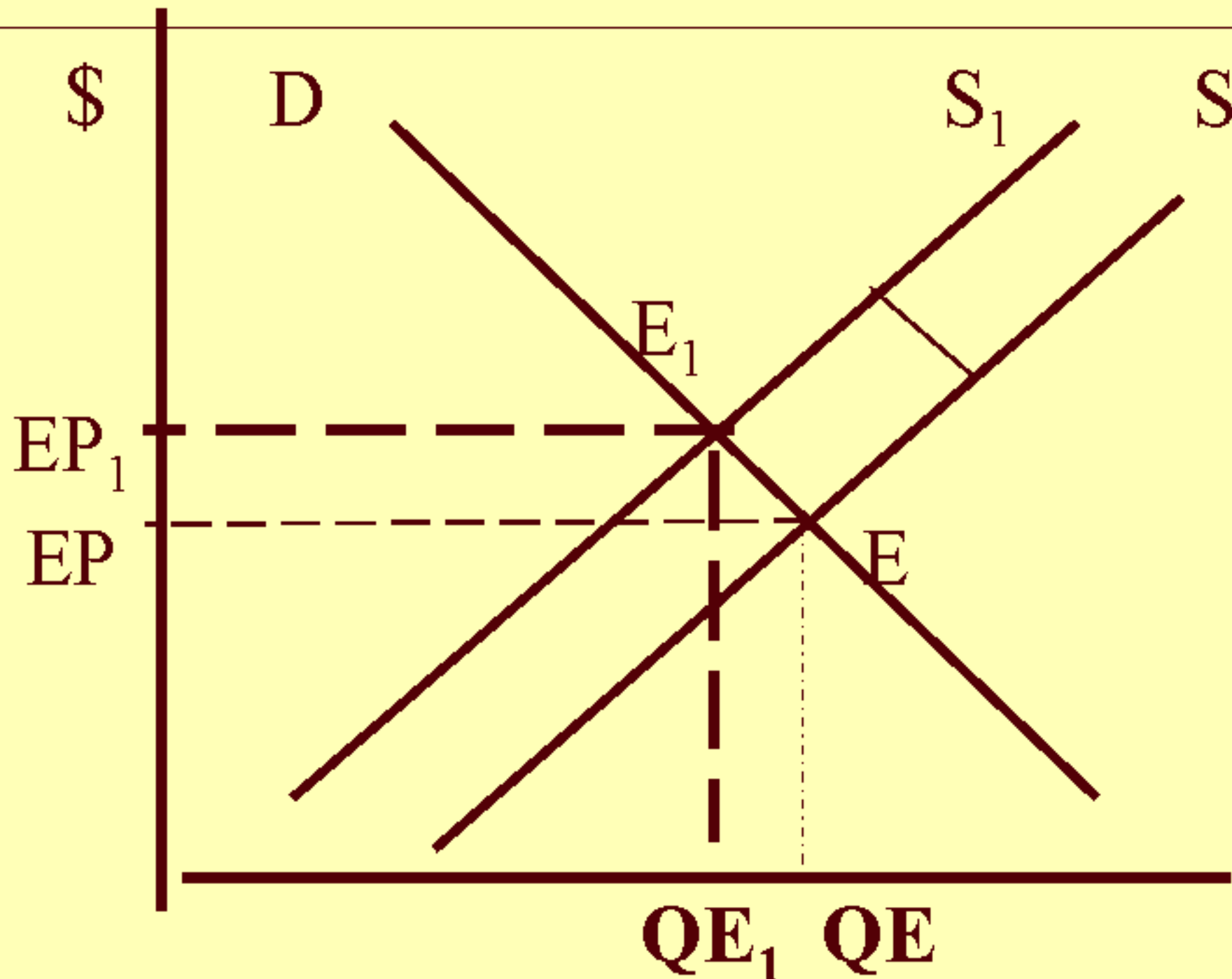
Khoảng cách lạm phát

- ◆ Tổng cầu vượt mức này có thể không được đáp ứng khi nền kinh tế hoạt động hết công suất.
- ◆ Chính phủ có thể làm gì để thu hẹp khoảng cách này:
 - Giảm chi tiêu chính phủ
 - Tăng thuế thu nhập cá nhân
 - Tăng lãi suất
 - Giảm thuế nhập khẩu

Lạm phát chi phí đẩy (lạm phát do cung)

- ◆ Lạm phát chi phí đẩy xảy ra khi chi phí sản xuất tăng hoặc năng lực sản xuất giảm sút.
- ◆ Chi phí sản xuất tăng có thể do:
 - Tiền lương tăng
 - Chi phí nguyên vật liệu tăng
 - Thuế tăng, ...

Lạm phát chi phí đẩy



Tác động của lạm phát

Tái phân phối

- ◆ Lạm phát giống như thuế, chuyển thu nhập hoặc của cải từ nhóm người này sang nhóm người khác.
- ◆ Cơ chế tái phân phối của lạm phát bao gồm hiệu ứng giá cả, hiệu ứng thu nhập và hiệu ứng của cải.

Hiệu ứng giá cả

Hai bài học cơ bản về lạm phát

- ◆ Không phải toàn bộ giá cả đều tăng cùng một tỷ lệ trong thời kỳ lạm phát.
- ◆ Không phải ai cũng chịu tác động như nhau của lạm phát.

Hiệu ứng thu nhập

- ◆ Nếu giá tăng, thu nhập cũng phải tăng.
 - ◆ Thực tế, thu nhập của một số người tăng nhanh hơn lạm phát trong khi thu nhập của những người khác thì tăng chậm hơn.
- Những người có thu nhập danh nghĩa tăng nhanh hơn tỷ lệ lạm phát sẽ được lợi.

Hiệu ứng của cải

- ◆ **VD: Đầu năm gửi 100\$ vào NH với lãi suất 5%/năm. Cuối năm nhận được 105\$. Nếu giá cả tăng gấp đôi thì giá trị thực của số tiền này là 52,5\$ → bị thiệt hại so với những người đã tiêu toàn bộ thu nhập từ đầu năm.**
- **Những người sở hữu những tài sản có giá trị thực đang tăng sẽ khá hơn những người khác.**

Những căng thẳng xã hội

- ◆ Những căng thẳng giữa người lao động và người chủ, giữa chính phủ và nhân dân và giữa những người tiêu dùng có thể bao trùm lên toàn bộ xã hội.

Ảo tưởng tiền tệ (*money illusion*)

- ◆ **Những người có thu nhập danh nghĩa theo kịp lạm phát vẫn cảm thấy bị đe dọa bởi sự tăng giá. Khi thu nhập danh nghĩa cao hơn không mua thêm được chút hàng hóa nào, họ cảm thấy bị đánh lừa.**

Những hậu quả vĩ mô

- ◆ Lạm phát có thể thay đổi tỷ lệ và hỗn hợp sản lượng bằng cách thay đổi hành vi tiêu dùng, làm việc, tiết kiệm, đầu tư và buôn bán.

Tình trạng không chắc chắn

- ◆ Mọi người có khuynh hướng thu hẹp tầm thời gian trước những tình trạng không chắc chắn của lạm phát.
- ◆ Mọi người sẽ hoãn việc tiêu dùng và sản xuất hoặc vội vã dùng tiền vào những việc ngớ ngẩn trước khi nó mất giá

Đầu cơ

- ◆ Sẽ có ít người tham gia sản xuất nếu dễ dàng có được lợi nhuận từ đầu cơ.
- ◆ VD: mọi người sẽ rút các nguồn lực từ sản xuất để mua nhà, quý kim, hàng hóa và những sản phẩm khác.

Đóng thuế lũy tiến theo thu nhập

- ◆ *Đóng thuế lũy tiến theo thu nhập (Bracket creep)* là việc chuyển những người có thu nhập danh nghĩa tăng lên vào nhóm người phải nộp thuế thu nhập cao hơn.

Một số tác động khác

- ◆ **Suy yếu thị trường vốn**
- ◆ **Giảm khả năng cạnh tranh**
- ◆ **Phát sinh chi phí điều chỉnh giá**

Thất nghiệp

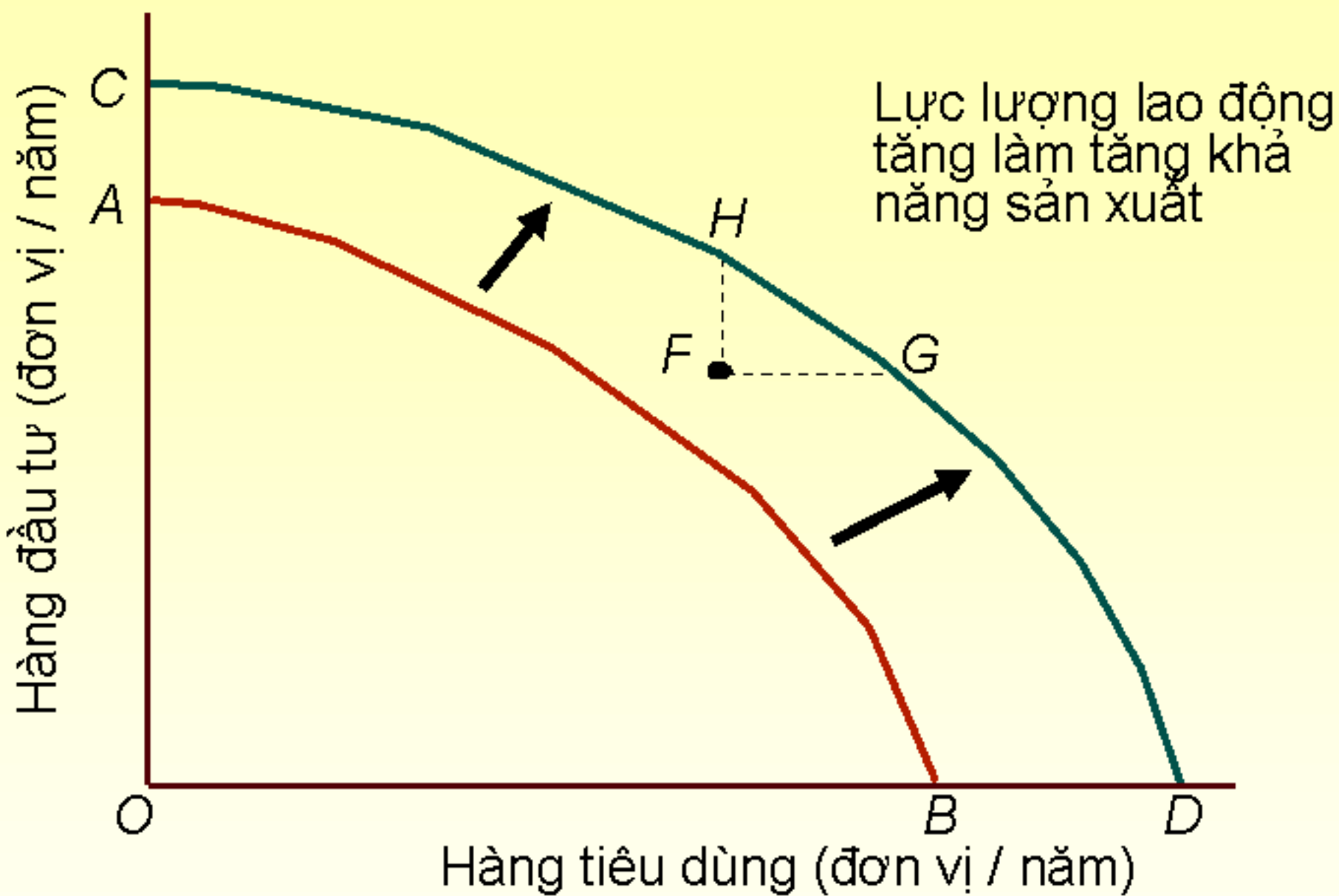
Lực lượng lao động (Labor Force)

- ◆ *Lực lượng lao động* bao gồm những người trong độ tuổi lao động đang làm việc và những người đang tích cực tìm việc.
- ◆ Những người không làm việc hoặc không tích cực tìm việc không được coi là bộ phận của lực lượng lao động.

Lực lượng lao động

- ◆ *Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động (labor-force participation rate)* là tỷ lệ phần trăm dân số có việc làm hoặc đang kiếm việc.

Lực lượng lao động



Thất nghiệp (Unemployment)

- ◆ *Thất nghiệp* là tình trạng những người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động, đang tìm việc nhưng chưa có việc.

Luật Okun

- ◆ *Luật Okun*: thất nghiệp tăng 1% tương đương với sản lượng ít đi 2%.

Tỷ lệ thất nghiệp

- ◆ *Tỷ lệ thất nghiệp* là tỷ lệ % người không có việc so với lực lượng lao động.

$$\text{Tỷ lệ thất nghiệp} = \frac{\text{Số người thất nghiệp}}{\text{Lực lượng l.động}}$$

Định nghĩa việc làm đầy đủ / toàn dụng (Full Employment)

- ◆ *Việc làm đầy đủ* không có nghĩa là không có thất nghiệp.

Thất nghiệp cơ học (Frictional Unemployment)

- ◆ *Thất nghiệp cơ học (cọ xát, tạm thời):* những người bỏ việc cũ tìm việc mới, mới gia nhập hay tái nhập lực lượng lao động, thất nghiệp thời vụ và thất nghiệp do tàn tật một phần.

Thất nghiệp cơ cấu (Structural Unemployment)

- ◆ *Thất nghiệp cơ cấu* thất nghiệp do không tương thích giữa kỹ năng (hoặc địa điểm) với yêu cầu (hoặc địa điểm) của những công việc sẵn có.

Thất nghiệp chu kỳ (Cyclical Unemployment)

- ◆ *Thất nghiệp chu kỳ* thất nghiệp do thiếu việc làm sẵn có, nghĩa là tổng cầu không đủ.

Tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên

- ◆ Thất nghiệp tự nhiên bao gồm thất nghiệp cơ học và thất nghiệp cơ cấu.
- ◆ Khái niệm tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên chỉ lượng thất nghiệp bình thường mà nền kinh tế trải qua. Nó không tự nhiên biến mất ngay cả trong dài hạn.

Các nguyên nhân gây ra thất nghiệp

- ◆ **Tìm kiếm việc làm**
- ◆ **Luật tiền lương tối thiểu**
- ◆ **Công đoàn**
- ◆ **Tiền lương hiệu quả**

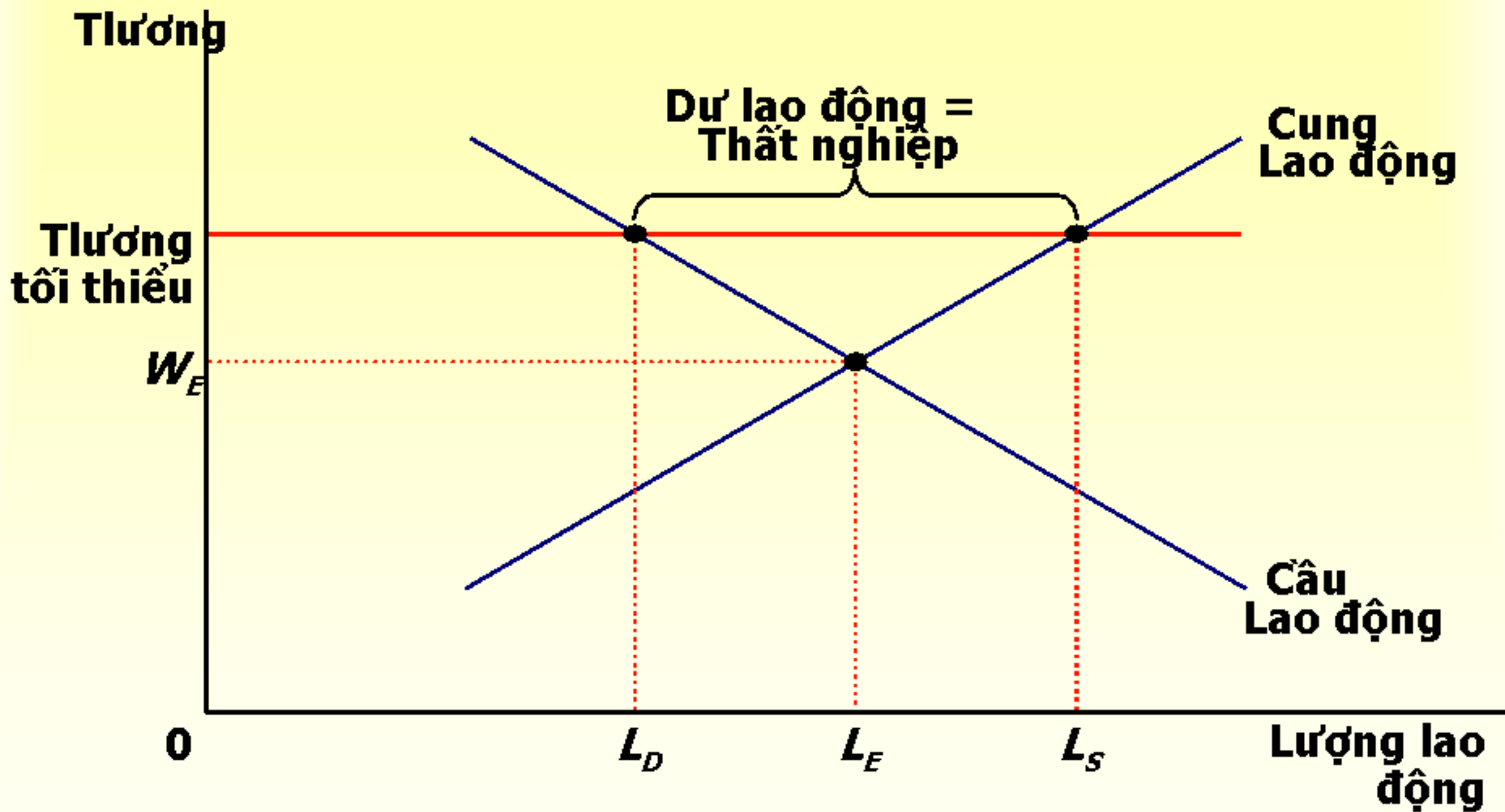
Tìm kiếm việc làm

Tìm kiếm việc làm là quá trình để công nhân tìm được việc làm thích hợp.

- Công nhân cần có thời gian tìm kiếm việc làm mới.

- Do chính sách trợ cấp thất nghiệp.

Thất nghiệp do tiền lương cao hơn cân bằng...



Công đoàn

- ✓ Công đoàn là một dạng các-ten, cùng nhau hành động để áp đặt sức mạnh thị trường của họ.
- ✓ Quá trình công đoàn và DN thỏa thuận về các điều kiện lao động được gọi là thương lượng tập thể.

Công đoàn

- ◆ **Nếu doanh nghiệp và công đoàn không nhất trí được với nhau, công đoàn sẽ rút lao động khỏi doanh nghiệp, gọi là đình công.**

Lý thuyết tiền lương hiệu quả

- ◆ **Lý thuyết tiền lương hiệu quả cho rằng doanh nghiệp sẽ hoạt động có hiệu quả hơn nếu tiền lương ở trên mức cân bằng.**

Lý thuyết tiền lương hiệu quả

- ◆ **Sức khỏe công nhân:** công nhân được thù lao tốt hơn sẽ có một chế độ ăn đầy đủ hơn và do đó năng suất sẽ cao hơn.
- ◆ **Sự luân chuyển công nhân:** công nhân càng được trả lương cao càng ít bỏ việc.

Lý thuyết tiền lương hiệu quả

- ◆ **Nỗ lực của công nhân:** tiền lương cao hơn làm cho công nhân cố giữ được việc làm và do đó kích thích họ nỗ lực hết mình.
- ◆ **Chất lượng công nhân:** Trả lương cao, DN sẽ thu hút được lao động có trình độ đến xin việc.

Đo lường thất nghiệp

Thước đo trực tiếp

◆ $U = LF - J$

◆ $UR = \frac{U}{LF} \times 100$

◆ $U_t = U_{t-1} + I_t - O_t$

Thước đo gián tiếp

Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động (LFPR)

$J + PLW$

$= \frac{\quad}{\quad}$

người trưởng thành

Ảnh hưởng của thất nghiệp

- ◆ **Đối với cá nhân: thu nhập giảm sút, kỹ năng xói mòn, bệnh tật tăng, ...**
- ◆ **Đối với xã hội: tốn kém hơn do chi trợ cấp, chi cho bệnh tật, đương đầu với tệ nạn, ...**
- ◆ **Đối với hiệu quả nền kinh tế: mất mát một lượng hàng hóa và dịch vụ do có thất nghiệp.**

Biện pháp giảm thất nghiệp

- ◆ **Đối với thất nghiệp chu kỳ: sử dụng các chính sách làm tăng tổng cầu.**
- ◆ **Đối với thất nghiệp tự nhiên:**
 - ✓ **Tăng cường hoạt động giới thiệu việc làm**
 - ✓ **Tăng các chương trình đào tạo việc làm**
 - ✓ **Tăng đầu tư cho nông thôn**
 - ✓ **Tạo thuận lợi cho việc thay đổi địa điểm cư trú**
 - ✓ **Tạo việc làm cho người khuyết tật**

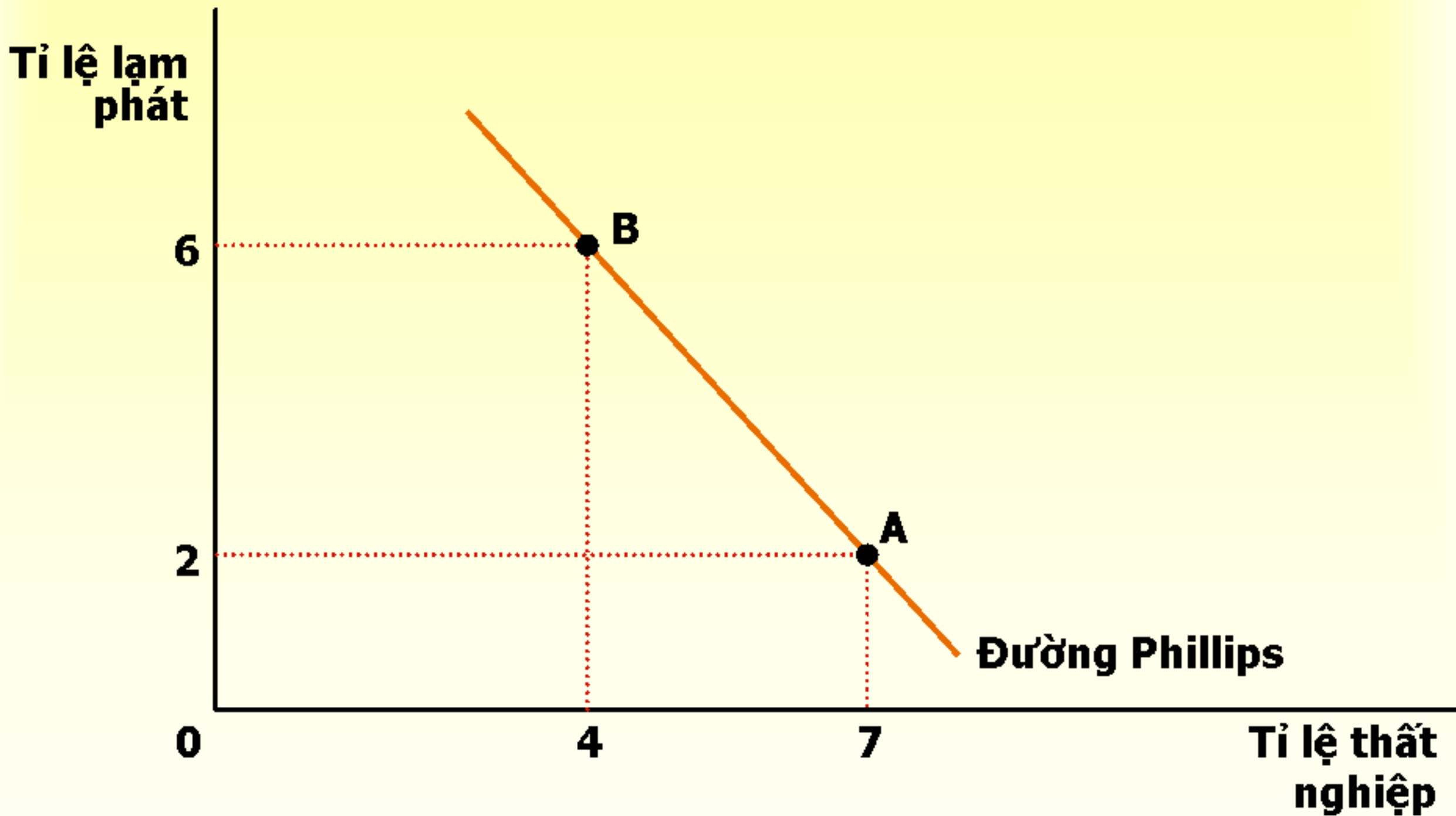
Đánh đổi giữa thất nghiệp & lạm phát

- ◆ **Xã hội đối mặt với sự đánh đổi ngắn hạn giữa lạm phát và thất nghiệp.**
- ◆ **Nếu các nhà chính sách mở rộng tổng cầu, họ có thể giảm thất nghiệp nhưng cái giá phải trả là lạm phát cao hơn.**
- ◆ **Nếu họ thu hẹp tổng cầu, họ có thể cắt giảm lạm phát nhưng thất nghiệp lại cao hơn.**

Đường Phillips

Đường Phillips chỉ ra mối quan hệ ngắn hạn giữa lạm phát và thất nghiệp.

Đường Phillips ...

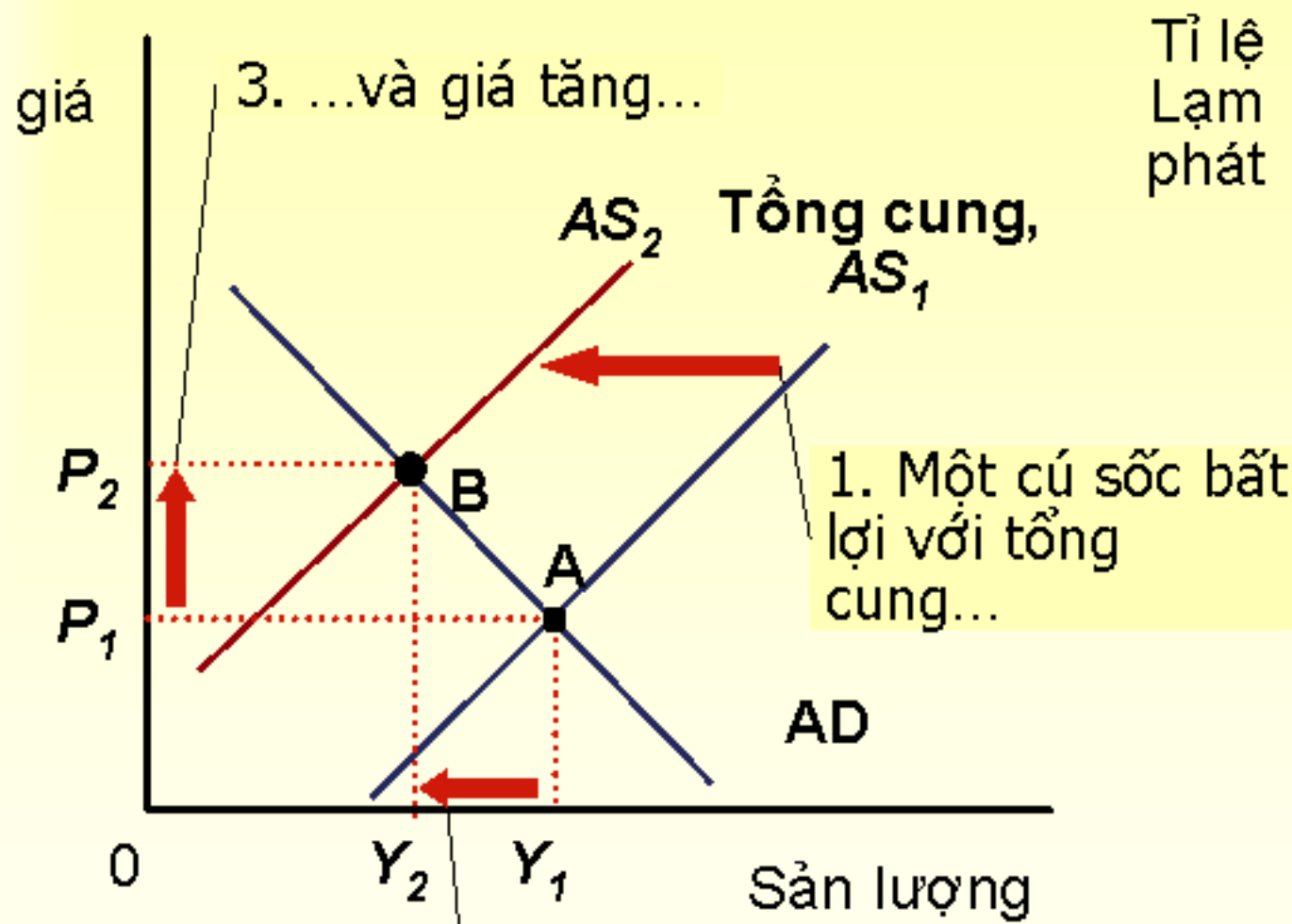


Sự dịch chuyển của đường Phillips: vai trò của cú sốc cung

- ◆ **Đường Phillips ngắn hạn có thể dịch chuyển do cú sốc tác động tới tổng cung:**
Cú sốc bất lợi đối với tổng cung làm cho các nhà chính sách đối mặt với một sự đánh đổi bất lợi hơn giữa lạm phát và thất nghiệp.

Cú sốc bất lợi đối với tổng cung...

(a) Mô hình AD - AS

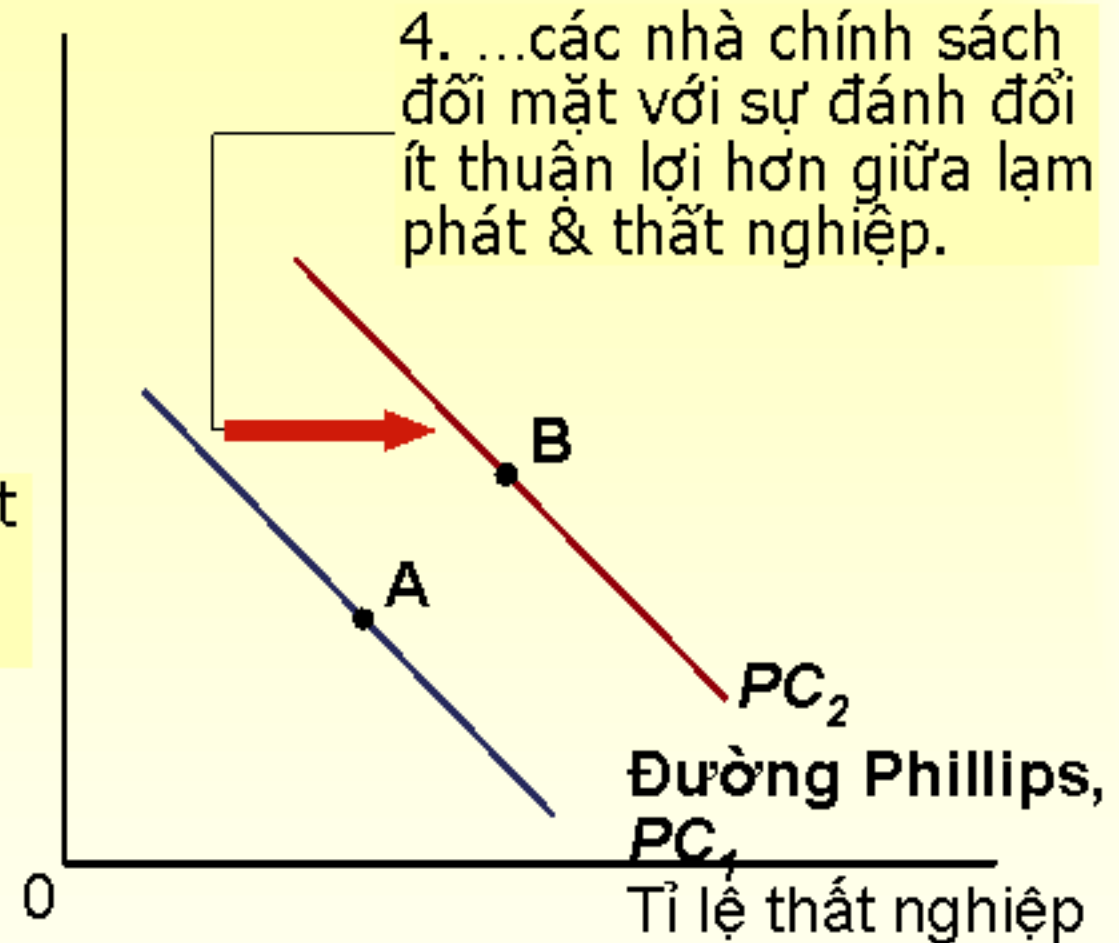


2. ...sản lượng thấp hơn...

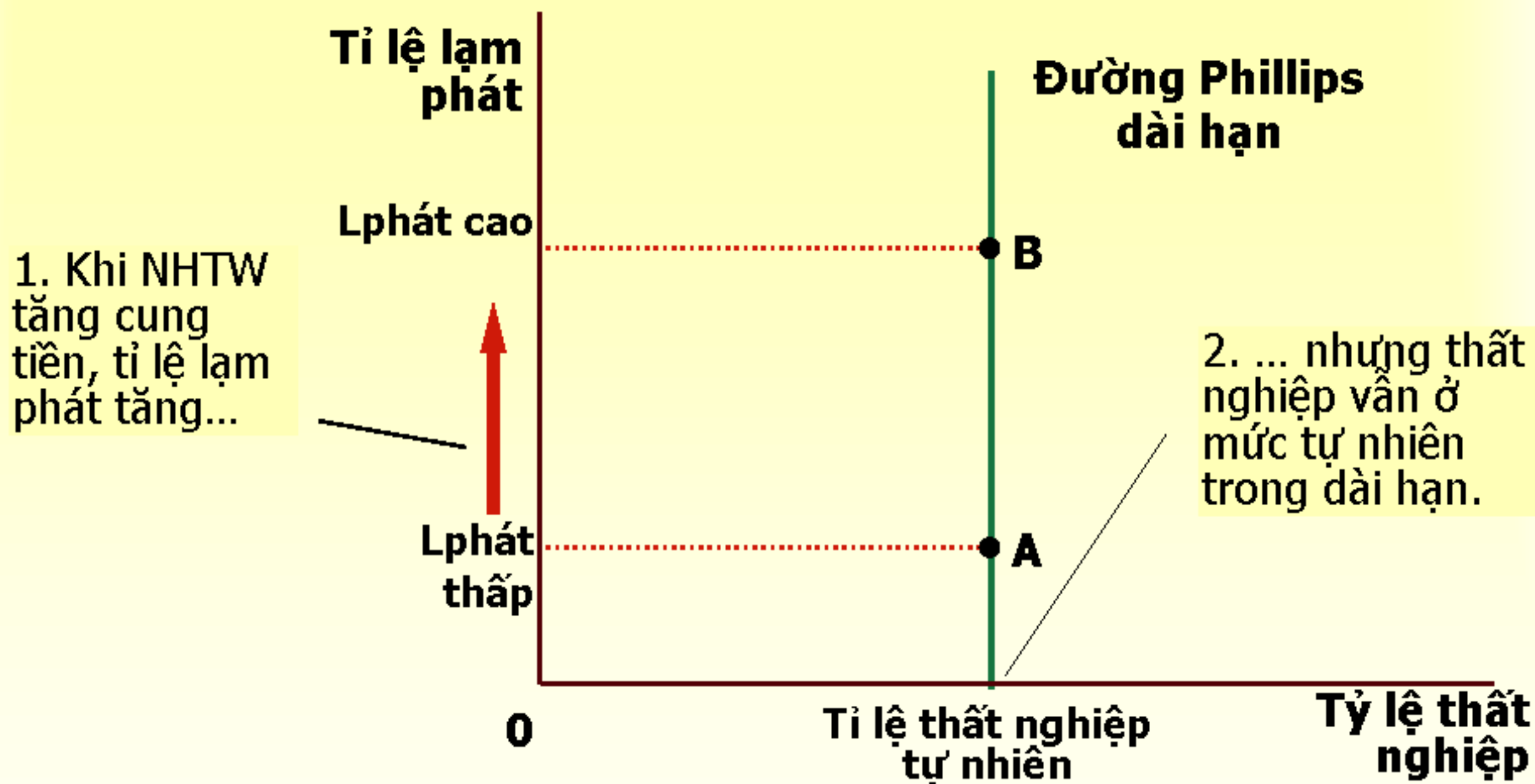
3. ...và giá tăng...

Tỉ lệ
Lạm
phát

(b) Đường Phillips



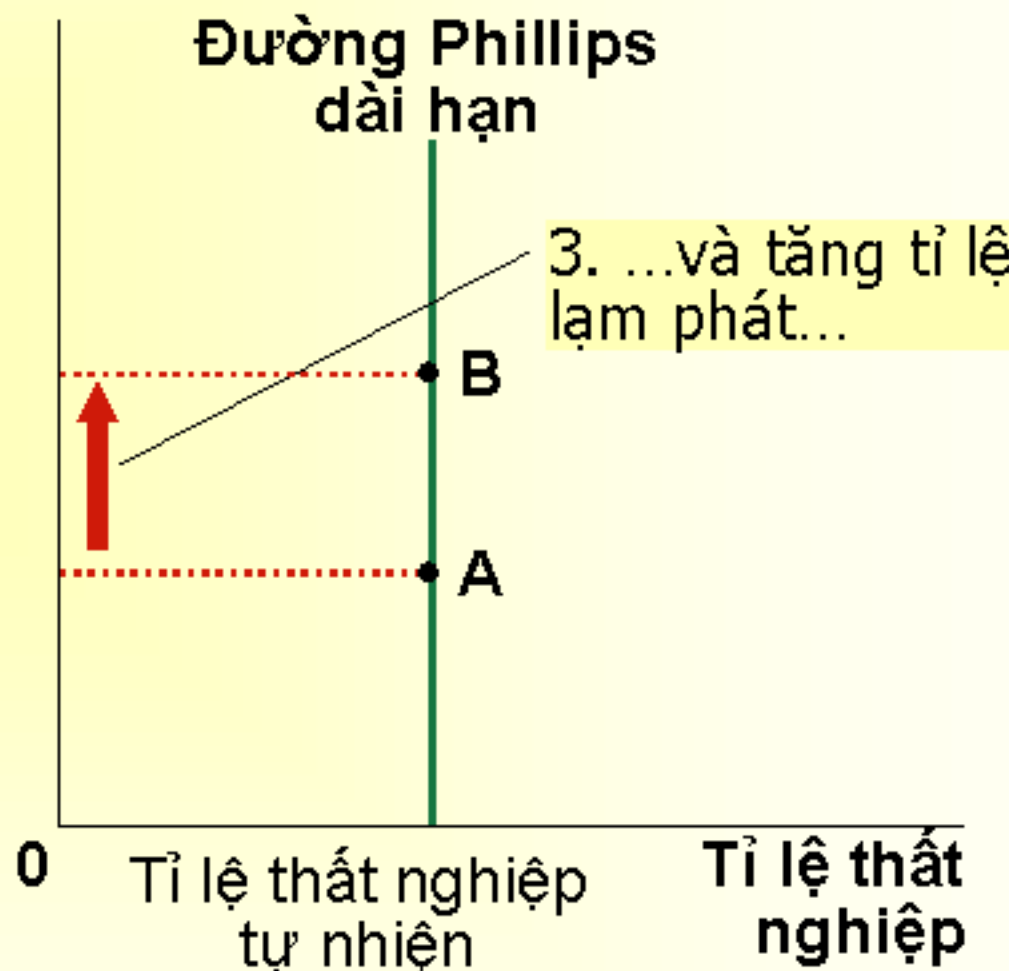
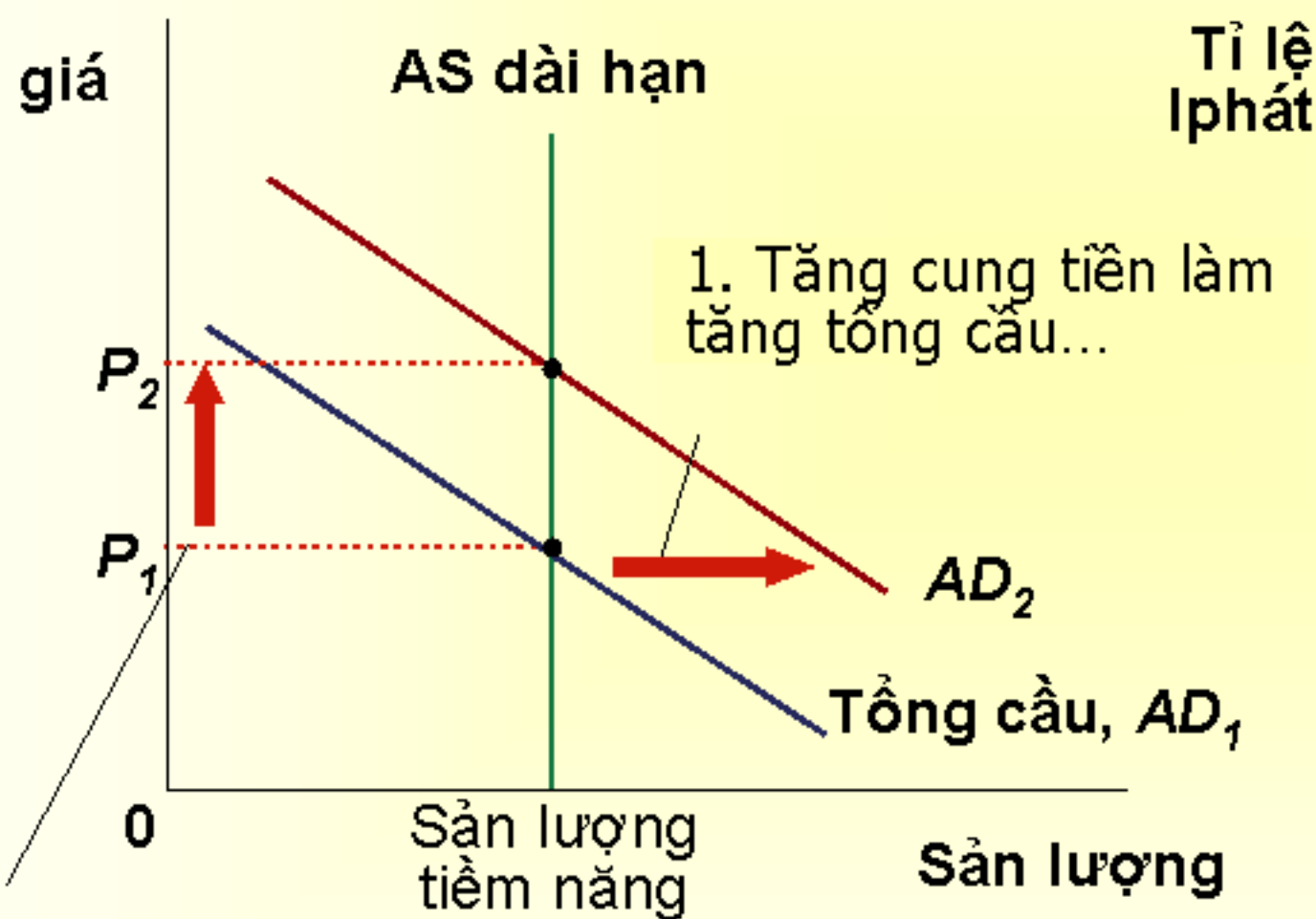
Đường Phillips dài hạn...



Đường Phillips và mô hình AS-AD...

(a) Mô hình AS - AD

(b) Đường Phillips

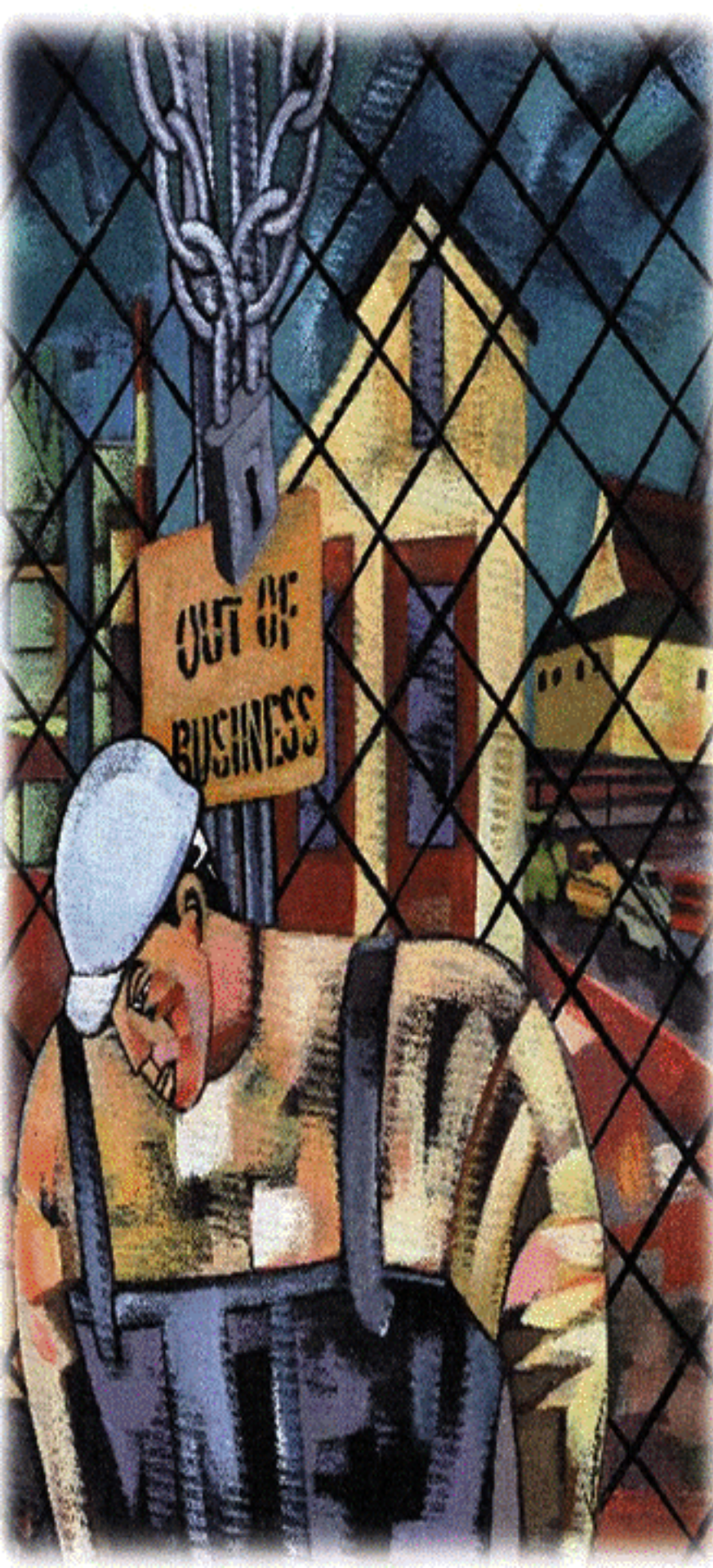


2. ...tăng giá...

1. Tăng cung tiền làm tăng tổng cầu...

3. ...và tăng tỉ lệ lạm phát...

4. ...nhưng sản lượng & thất nghiệp vẫn ở mức tự nhiên.



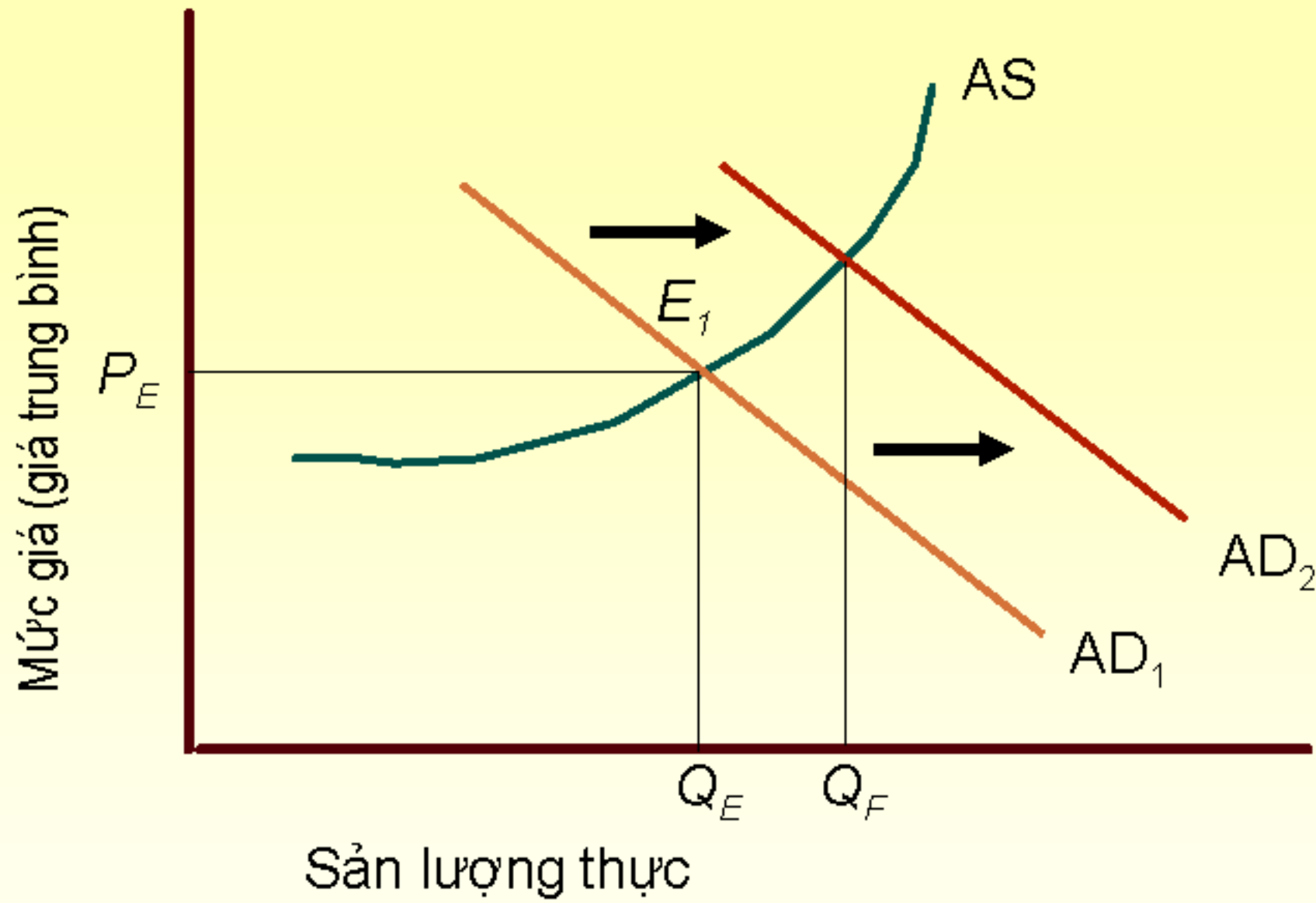
Chính sách tài khóa

Chương 4

Tổng cầu (AD)

- ◆ Khi chi tiêu mong muốn thay đổi, đường tổng cầu sẽ dịch chuyển, gây ra những biến động ngắn hạn về sản lượng và việc làm.
- ◆ Chính sách tài khóa và tiền tệ có thể giảm nhẹ những biến động của tổng cầu và nhờ vậy ổn định nền kinh tế.

Thoát khỏi suy thoái



Những câu hỏi của Keynes:

- Cái gì ấn định mức chi tiêu ở mỗi bộ phận của tổng cầu?
- Tổng cầu có đủ để duy trì việc làm đầy đủ không?



Tổng cầu hàng hóa & dịch vụ trong nước

$$AD = C + I + G + (X - M)$$



Xuất khẩu ròng

Đầu tư Tư nhân

Bao gồm

Chi tiêu của Hộ gia đình

Chi tiêu CP Cho HH & dvụ

Tổng cầu = tổng chi tiêu cho hàng hóa & dịch vụ cuối cùng được sản xuất trong nước.

Thu nhập và tiêu dùng

- Theo định nghĩa, thu nhập khả dụng được dùng để tiêu dùng và tiết kiệm (không tiêu dùng).

$$Y_D = C + S$$

Tiêu dùng & thu nhập

- **Keynes mô tả mối quan hệ giữa tiêu dùng và thu nhập theo hai cách:**
 - **Phần nào của tổng thu nhập khả dụng được chi cho tiêu dùng.**
 - **Phần nào của tổng thu nhập khả dụng tăng được dùng để tăng tiêu dùng.**

Khuyñh hướng tiêu dùng trung bình

- Khuyñh hướng tiêu dùng trung bình (*average propensity to consume - APC*) là phần thu nhập khả dụng được chi cho hàng hóa và dịch vụ

$$APC = \frac{C}{Y_D}$$

Khuyñh hướng tiết kiệm trung bình

$$APS = \frac{S}{Y_D}$$

- Theo định nghĩa, thu nhập khả dụng được chia thành tiêu dùng và tiết kiệm

$$APS = 1 - APC$$

Khuyñh hướng tiêu dùng biên

- **Khuyñh hướng tiêu dùng biên** (*marginal propensity to consume - MPC*) là phần của mỗi đồng thu nhập khả dụng tăng thêm được chi cho tiêu dùng.

Khuyneh hướng tiêu dùng biên

- MPC chính là sự thay đổi trong tiêu dùng chia cho sự thay đổi trong thu nhập khả dụng

$$\text{MPC} = \frac{\Delta C}{\Delta Y_D}$$

Khuynh hướng tiết kiệm biên

- Khuynh hướng tiết kiệm biên (*marginal propensity to save - MPS*) là phần của mỗi đồng thu nhập thu nhập khả dụng tăng thêm không được chi cho tiêu dùng

$$MPS = 1 - MPC$$

$$MPS = \frac{\Delta S}{\Delta Y_D}$$

Hàm tiêu dùng

- Hàm tiêu dùng là một phương trình toán học dùng để dự đoán hành vi của người tiêu dùng.

Tiêu dùng tự định (Autonomous Consumption)

- **Một số tiêu dùng là tự định (không phụ thuộc vào thu nhập hiện thời).**
- **Những nhân tố quyết định ngoài thu nhập của tiêu dùng gồm có: kỳ vọng, của cải, tín dụng, và mức giá.**

Tiêu dùng – thu nhập

- **Keynes xác định hai loại chi tiêu tiêu dùng.**
 - **Tiêu dùng không bị ảnh hưởng bởi thu nhập hiện thời, và**
 - **Tiêu dùng do thu nhập hiện thời quyết định.**

Tiêu dùng – thu nhập

- Những nhân tố xác định tiêu dùng được tóm tắt trong phương trình gọi là hàm tiêu dùng.

Tổng tiêu dùng = tiêu dùng tự định + tiêu dùng phụ thuộc vào thu nhập

Tiêu dùng – thu nhập

- Hàm tiêu dùng đưa ra một căn cứ cho việc dự đoán những thay đổi trong thu nhập (Y_D) và các yếu tố ngoài thu nhập sẽ ảnh hưởng thế nào đến tiêu dùng (C).

Trong đó:

$$C = C_0 + MPCY_D$$

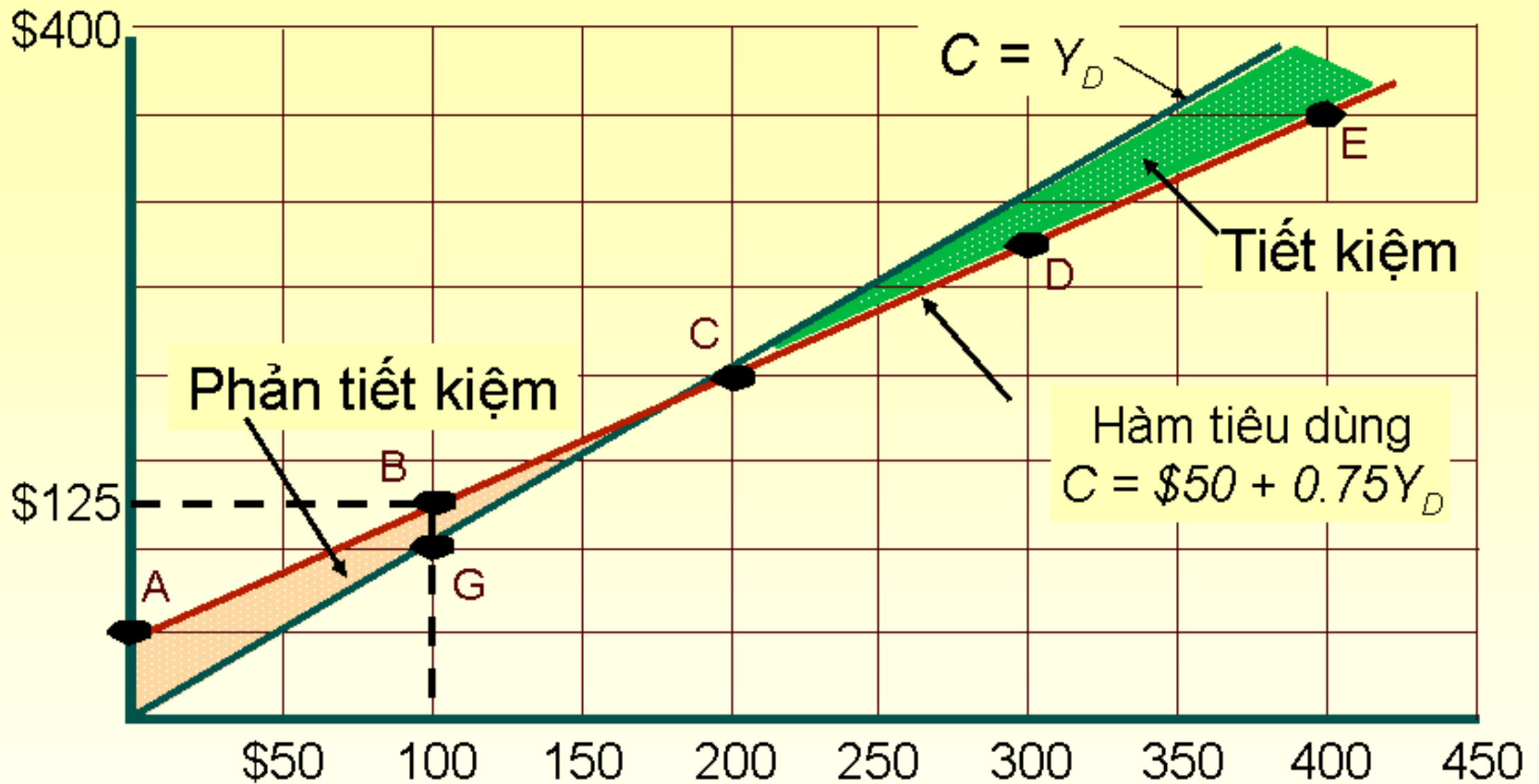
C = tiêu dùng hiện tại

C_0 = tiêu dùng tự định

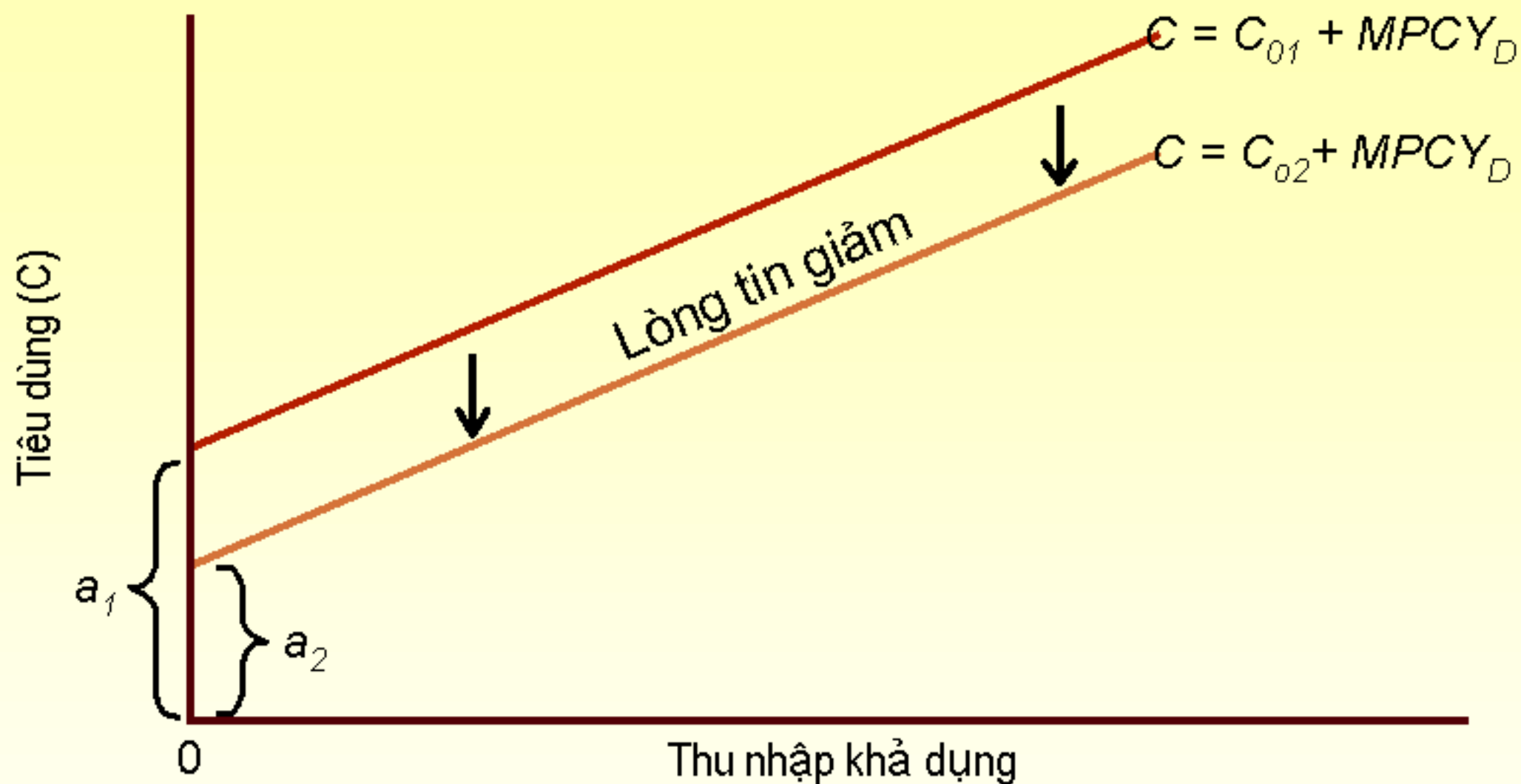
MPC = khuynh hướng tiêu dùng biên

Y_D = thu nhập khả dụng

Hàm tiêu dùng



Dịch chuyển hàm tiêu dùng



Dịch chuyển đường AD

- Sự dịch chuyển của hàm tiêu dùng làm cho đường tổng cầu sẽ dịch chuyển.
- Đường AD dịch chuyển có thể gây ra những bất ổn vĩ mô

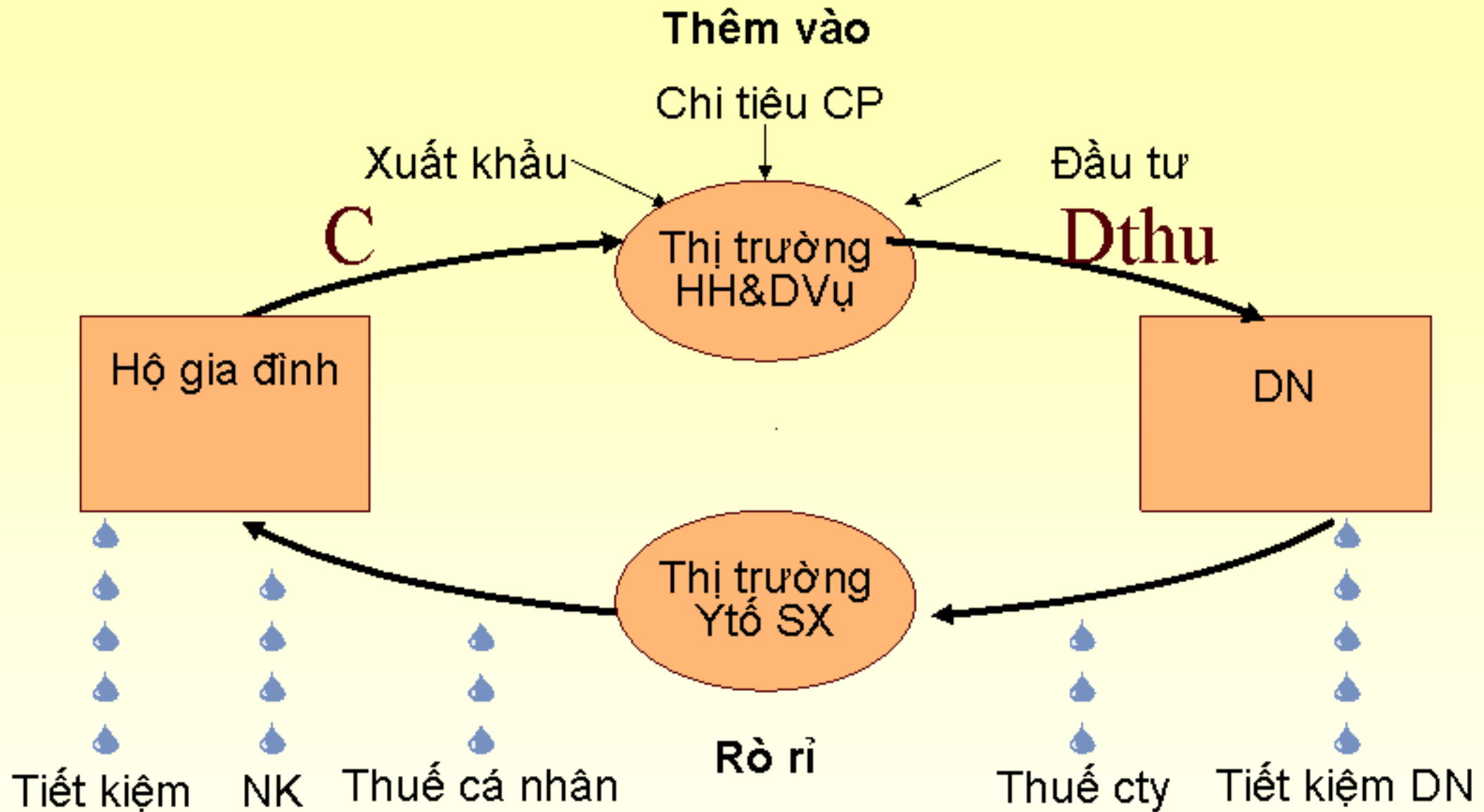
Rò rỉ (Leakages) & thêm vào (Injections)

- Tổng chi tiêu không phải luôn luôn phù hợp với sản lượng ở mức việc làm đầy đủ và giá cả ổn định.
- Người tiêu dùng không chi tiêu toàn bộ thu nhập mà tiết kiệm một phần → rò rỉ

Các khoản rò rỉ và thêm vào

- Rò rỉ là thu nhập không được chi tiêu trực tiếp cho sản lượng trong nước mà đi lệch ra khỏi luồng luân chuyển.
- Thêm vào là việc thêm chi tiêu vào luồng luân chuyển thu nhập

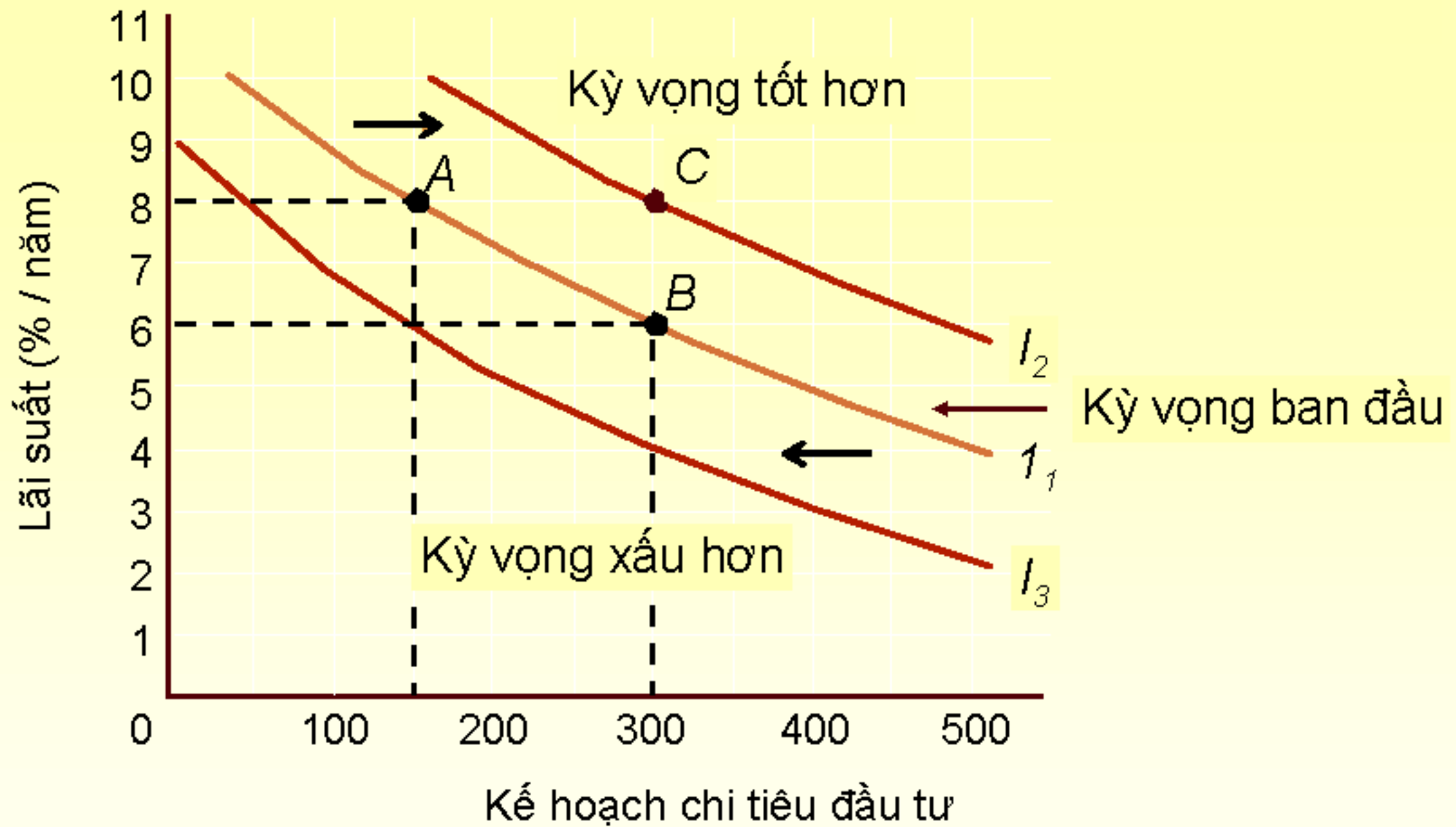
Rò rỉ và thêm vào



Đầu tư

- **Những yếu tố quyết định đầu tư:**
 - **Kỳ vọng.**
 - **Lãi suất.**
 - **Công nghệ và đổi mới.**

Cầu đầu tư



Chi tiêu chính phủ

- Các quyết định chi tiêu của chính phủ không bị hạn chế bởi khoản thu sẵn có từ thuế (không phụ thuộc thu nhập).

Xuất khẩu ròng

- $X - M > 0$: cán cân thương mại thặng dư
- $X - M < 0$: cán cân thương mại thâm hụt
- $X - M = 0$: cán cân thương mại cân bằng

Thất bại vĩ mô

- **Keynes có 2 điều quan tâm về cân bằng vĩ mô:**
 - **Cân bằng vĩ mô không đạt được ở tình trạng việc làm đầy đủ hay giá cả ổn định.**
 - **Thậm chí khi cân bằng đã đạt được tối ưu thì vẫn có thể xảy ra những bất ổn vĩ mô.**

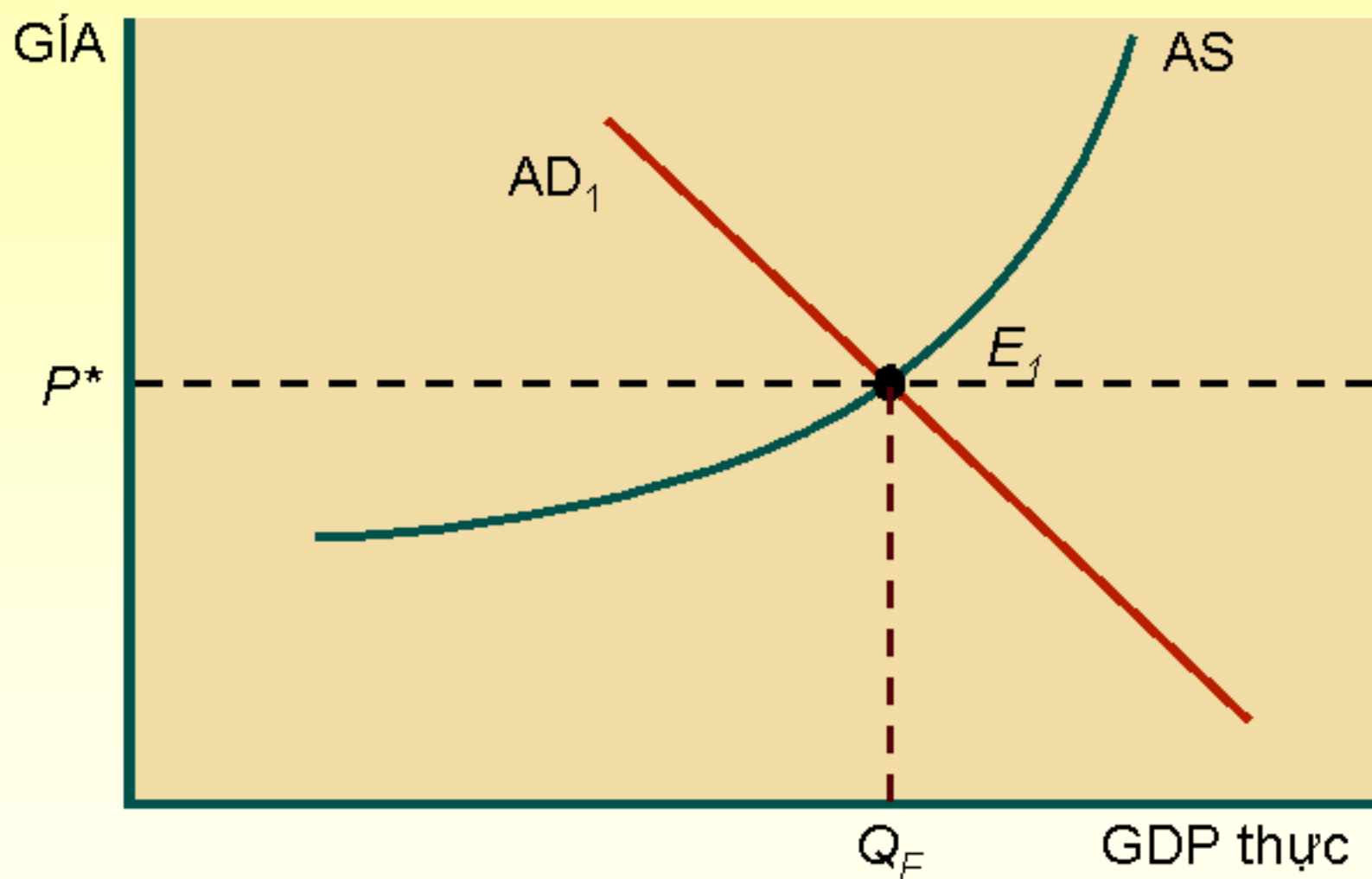
Khoảng cách suy thoái

- Keynes lo lắng rằng GDP cân bằng có thể không xuất hiện ở trạng thái việc làm đầy đủ.
 - GDP cân bằng là sản lượng ở mức chi tiêu bằng mức sản xuất ($AS=AD$).
 - GDP trong điều kiện việc làm đầy đủ (Full-employment GDP) là giá trị của các hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trong điều kiện việc làm đầy đủ (GDP tiềm năng).

Khoảng cách suy thoái

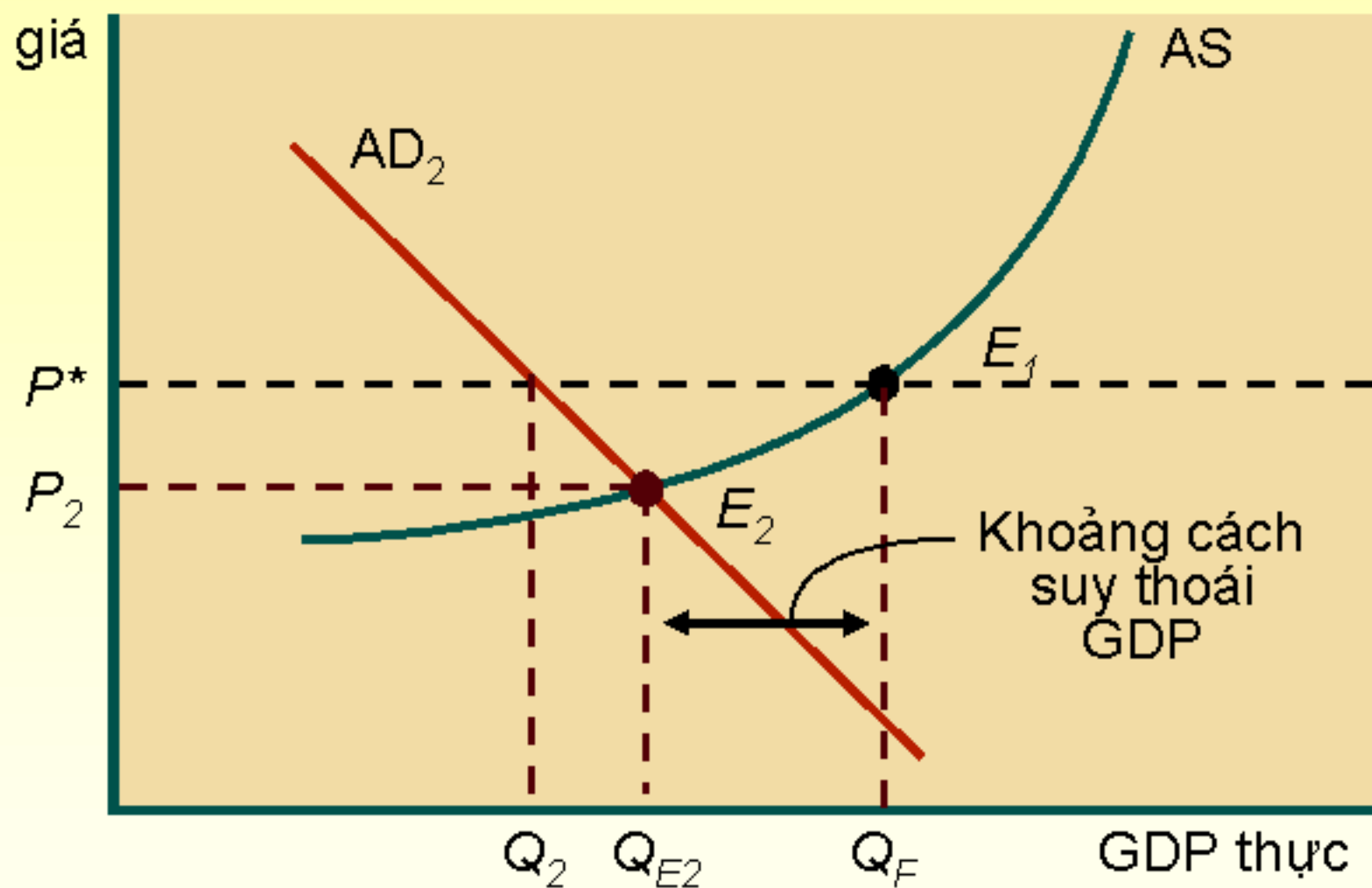
- **Khoảng cách suy thoái: khối lượng mà tổng chi tiêu thấp hơn sản lượng trong điều kiện việc làm đầy đủ.**
- Khoảng cách này sẽ làm cho năng lực sản xuất không được sử dụng hết, mất mát GDP và gây ra thất nghiệp chu kỳ.

CÂN BẰNG VĨ MÔ



THẤT BẠI VĨ MÔ

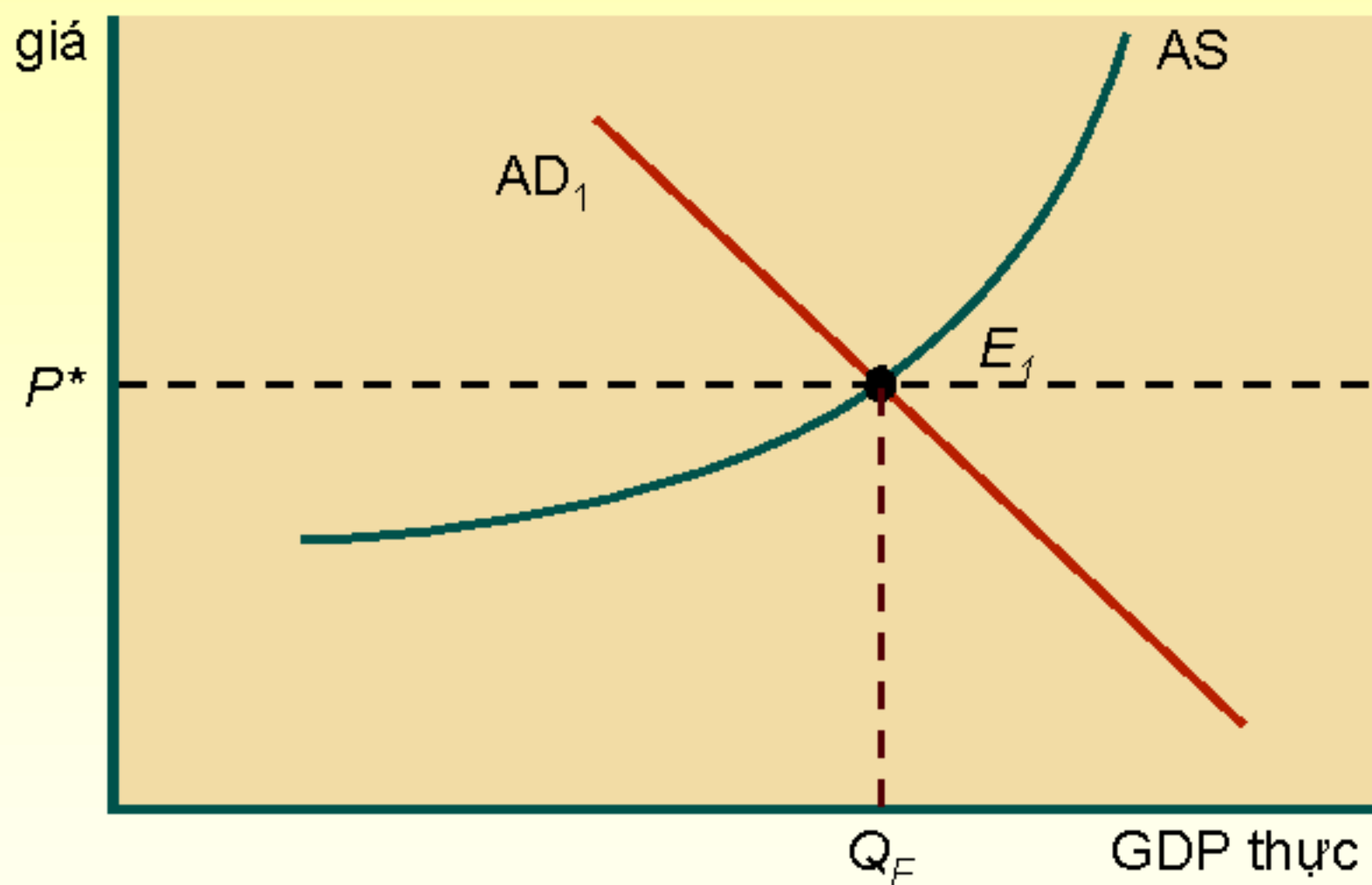
Thất nghiệp chu kỳ: (quá ít AD)



Khoảng cách lạm phát

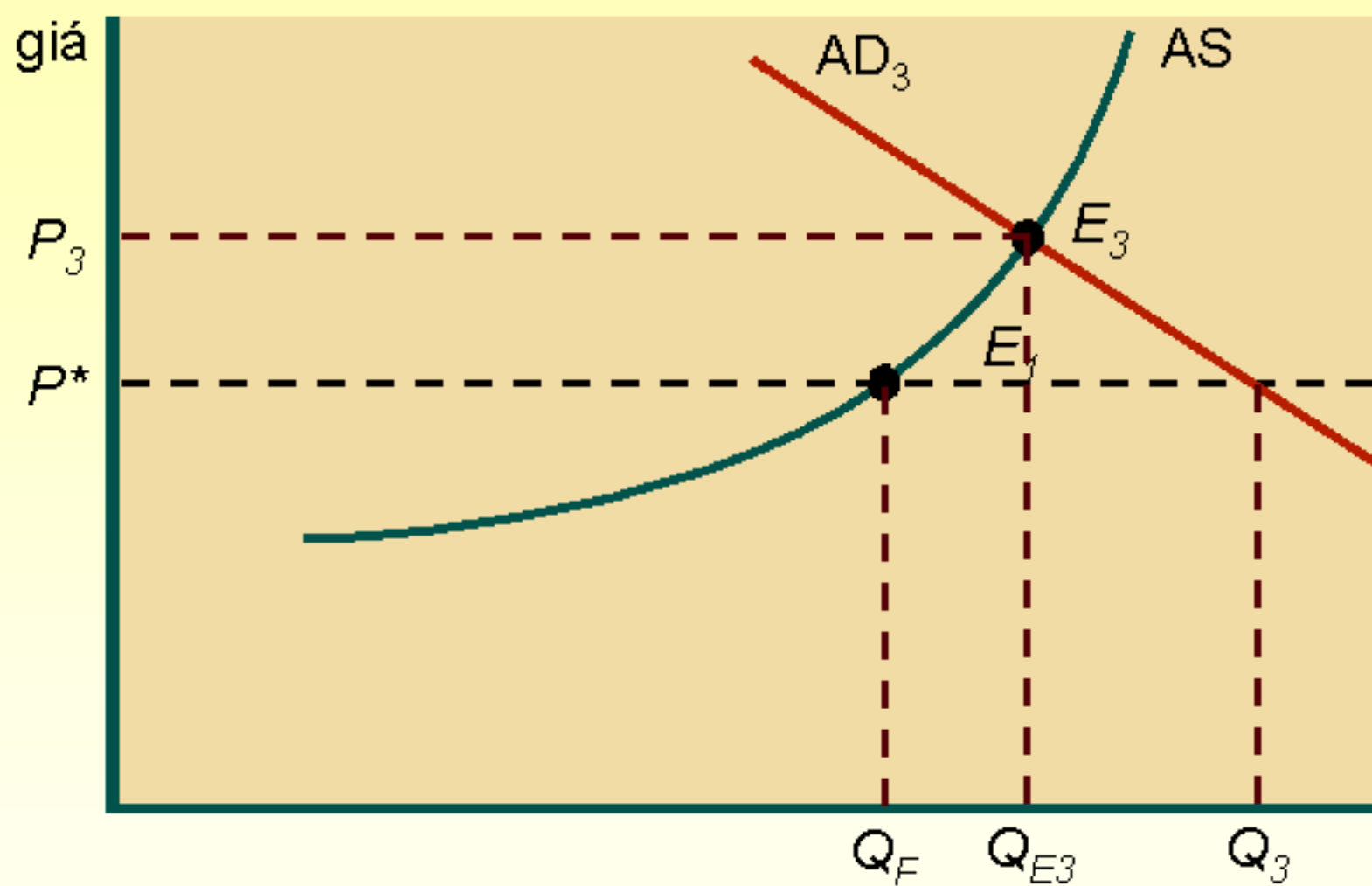
- **Khoảng cách lạm phát: sản lượng sinh ra do tổng chi tiêu vượt quá sản lượng trong điều kiện việc làm đầy đủ.**
- **Khoảng cách lạm phát gây ra lạm phát cầu kéo (demand-pull inflation).**

CÂN BẰNG VĨ MÔ



THẤT BẠI VĨ MÔ

Lạm phát cầu kéo: (quá nhiều AD)



Cân bằng không ổn định

- Sự dịch chuyển của đường tổng cầu gây ra hiện tượng chu kỳ kinh doanh.

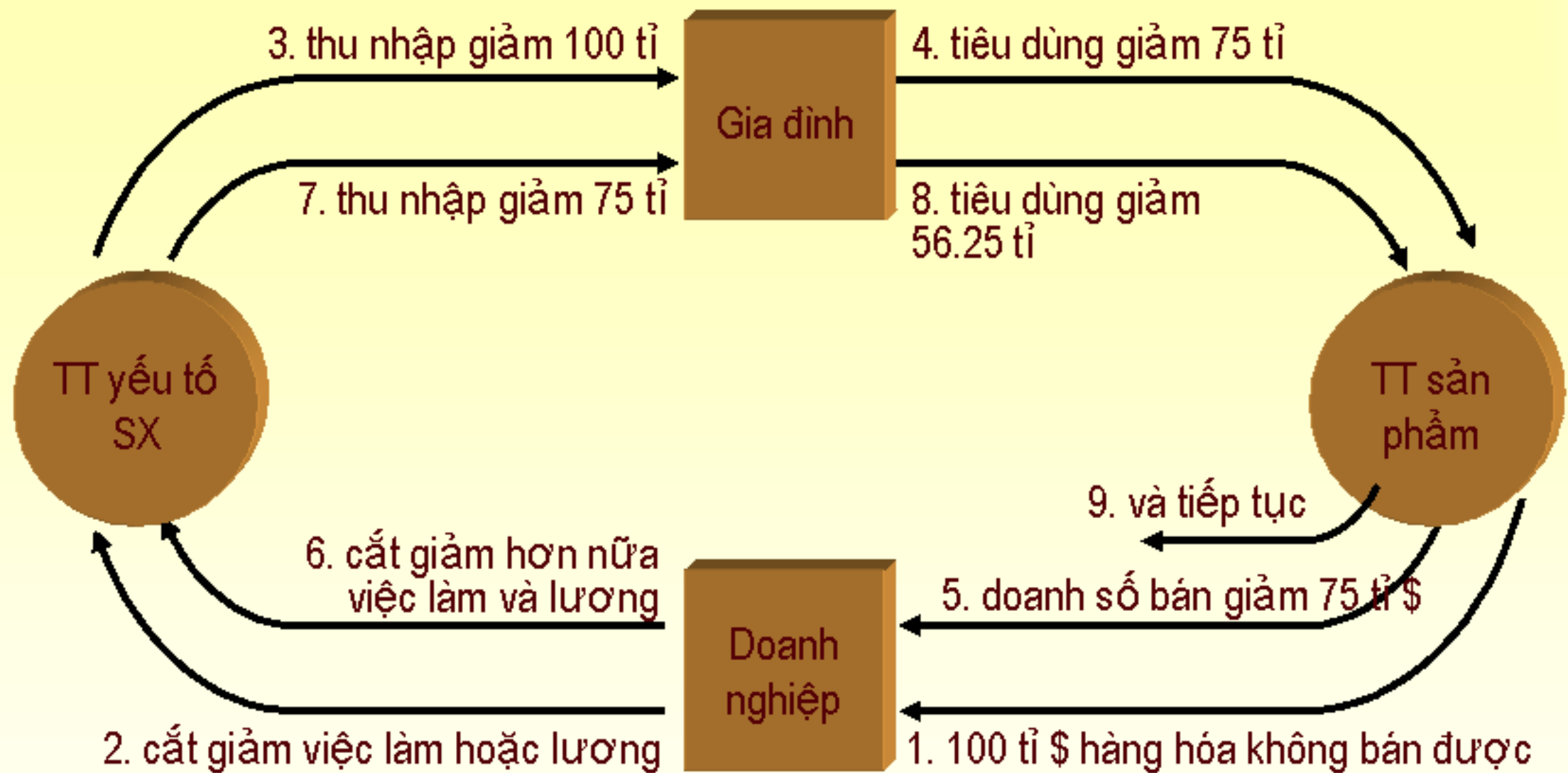
Những thất bại vĩ mô

- Nếu tổng cầu quá ít, quá nhiều hoặc không ổn định, nền kinh tế sẽ không đạt được và không duy trì được mục tiêu việc làm đầy đủ và ổn định giá cả.

Tự điều chỉnh hay không?

- Các nhà kinh tế cổ điển cho rằng thị trường tự điều chỉnh để giảm bớt những thất bại vĩ mô.
- Keynes cho rằng nền kinh tế sẽ thất bại trừ khi có chính phủ can thiệp.

Quá trình số nhân



Chu trình số nhân

Chu trình chi tiêu	Mức thay đổi trong chu trình chi tiêu và thu nhập	Mức giảm chi tiêu và thu nhập tích lũy
Chu trình đầu tiên	\$100.00	\$100.00
Chu trình thứ hai	75.00	175.00
Chu trình thứ ba	56.25	231.25
Chu trình thứ tư	42.19	273.44
Chu trình thứ năm	31.64	305.08
Chu trình thứ sáu	23.73	328.81
◀	◀	◀
Chu trình thứ N		400.00

Số nhân

Tổng thay đổi trong chi tiêu = số nhân x thay đổi ban đầu trong tổng chi tiêu

Với số nhân = $1 / (1 - MPC)$

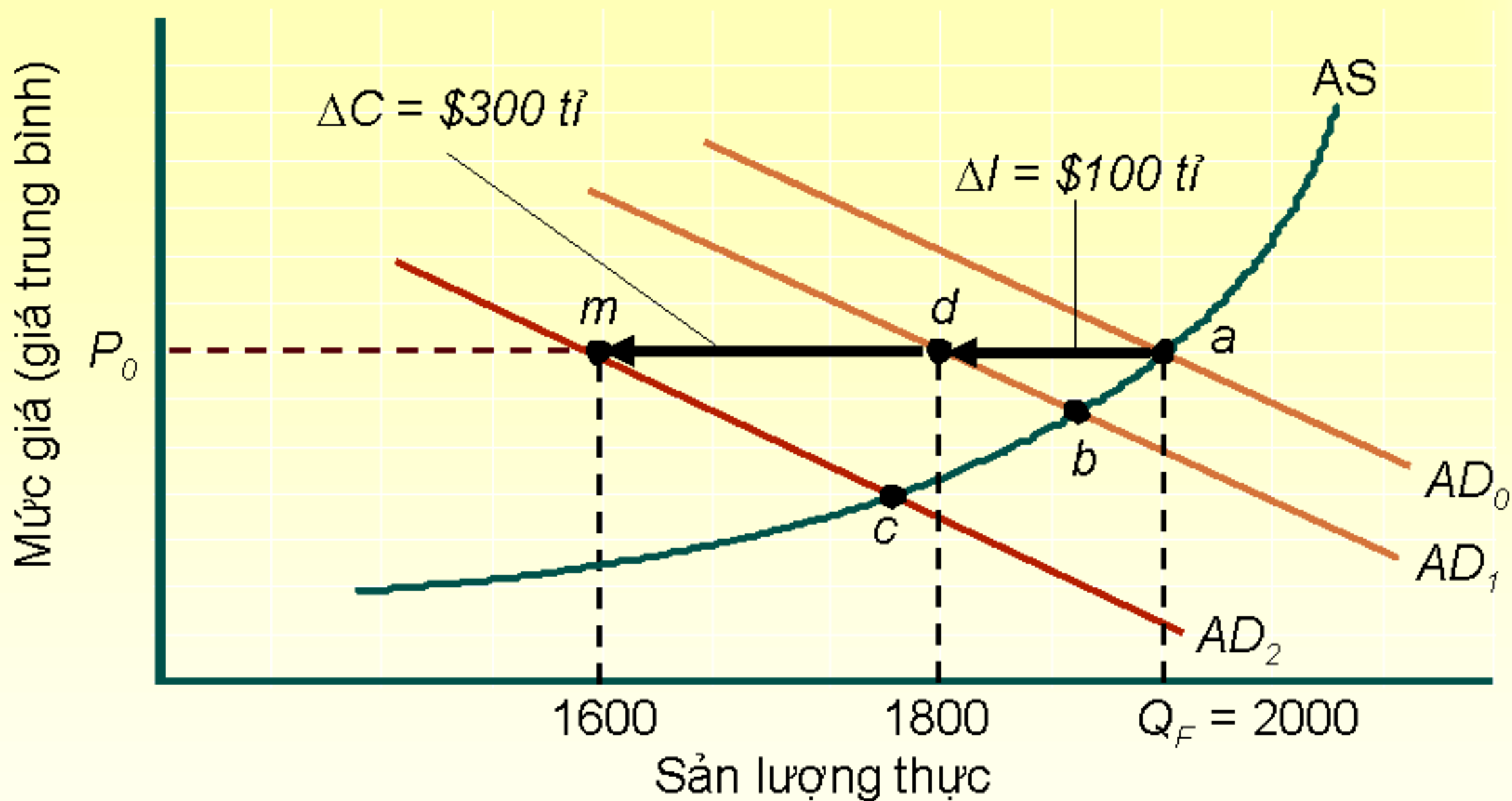
Quá trình điều chỉnh

- Các nhà sản xuất cắt giảm sản lượng và việc làm khi sản lượng vượt quá chi tiêu mong muốn (các khoản rò rỉ vượt quá các khoản thêm vào).
- Mất mát thu nhập gây ra sự giảm sút chi tiêu cho tiêu dùng.
- Giảm sút chi tiêu cho tiêu dùng dẫn tới cắt giảm sản xuất hơn nữa

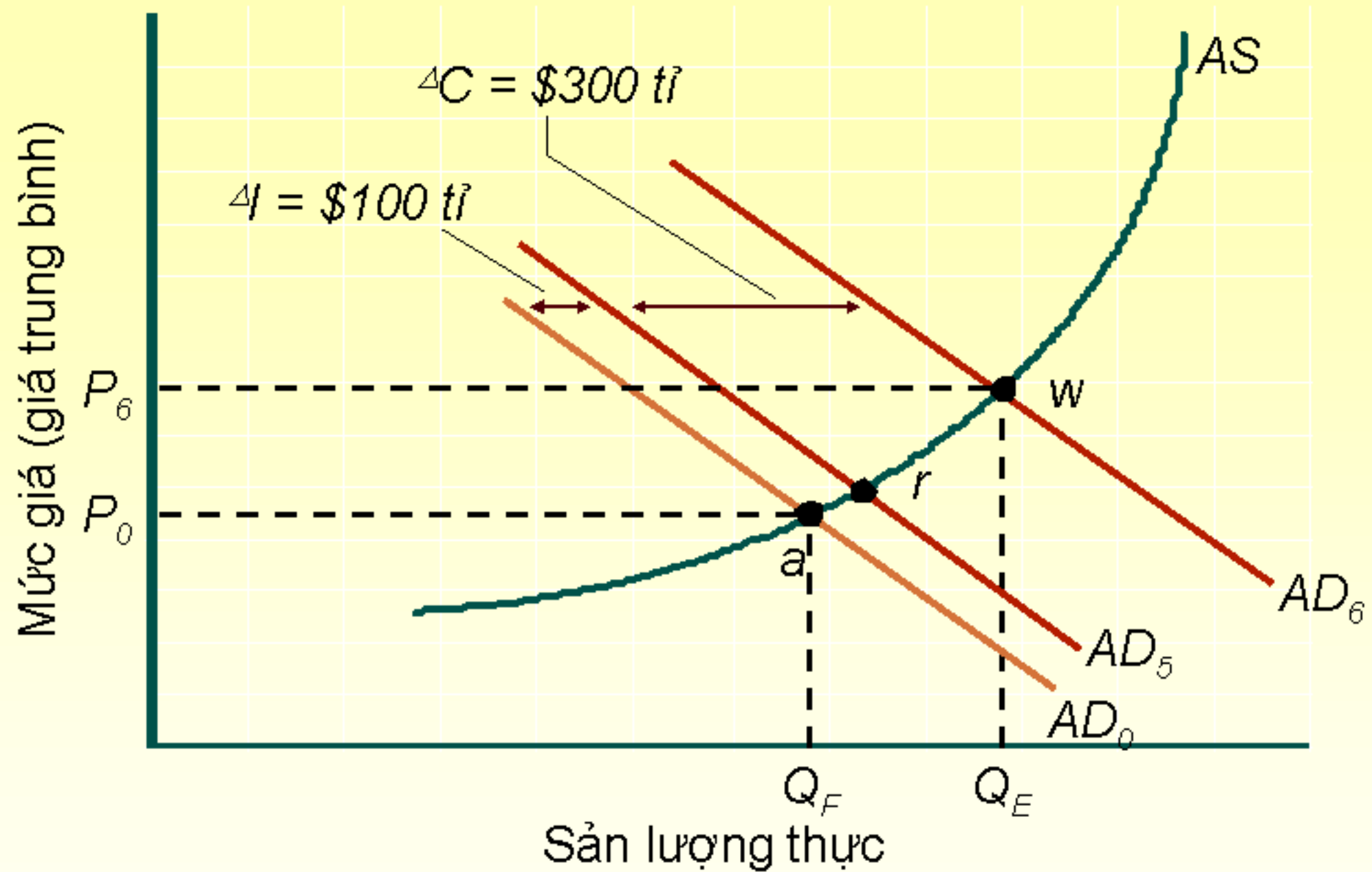
Đường tổng cầu dịch chuyển

- Sự sụt giảm thu nhập gây ra bởi sự cắt giảm đầu tư tạo ra hiệu ứng số nhân và đẩy đường tổng cầu tiếp tục dịch chuyển.

Hiệu ứng số nhân



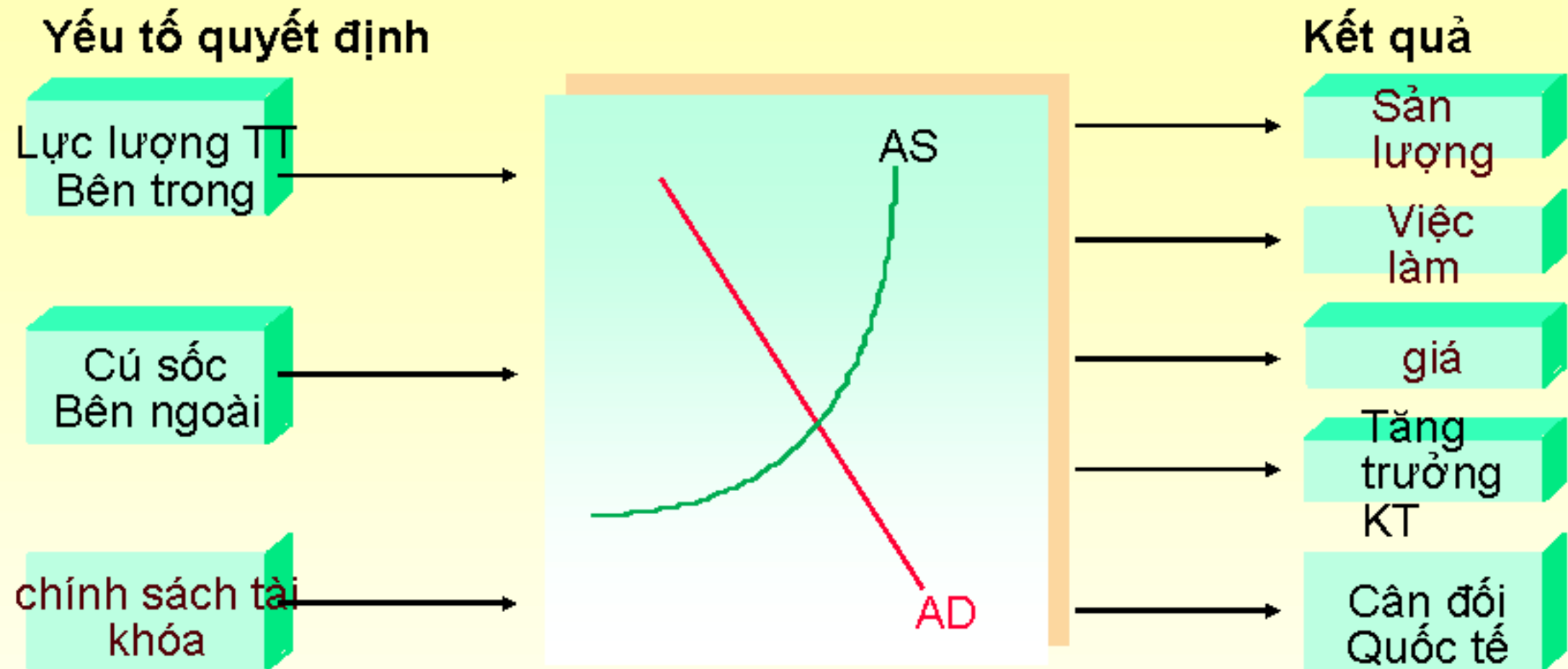
Lạm phát cầu kéo



Chính sách tài chính

Chính sách tài chính (*Fiscal policy*) là việc sử dụng thuế và chi tiêu Chính phủ để thay đổi các kết quả kinh tế vĩ mô.

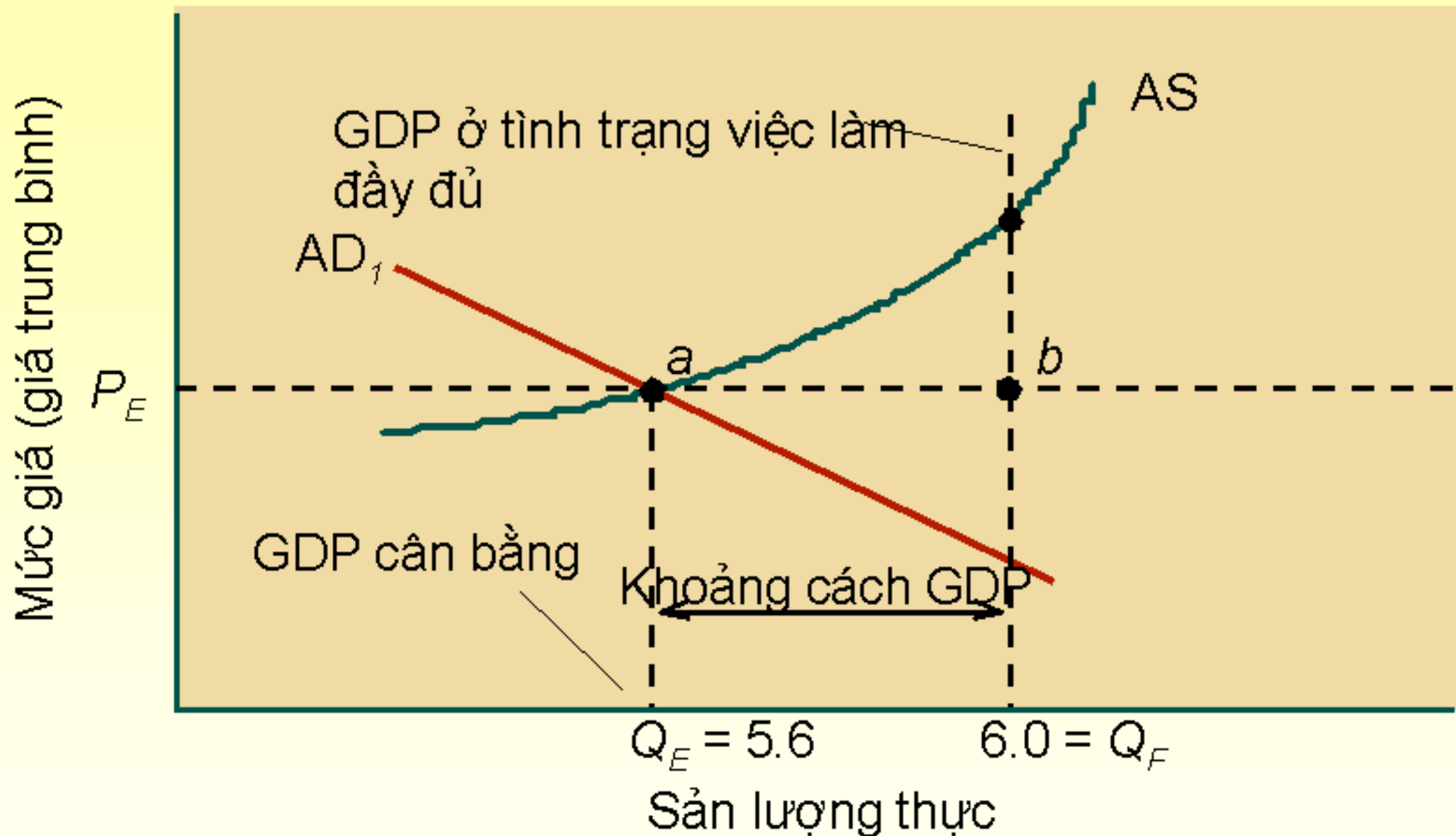
Chính sách tài chính



Kích thích tài chính (tài chính mở rộng)

- Giả sử nền kinh tế đang có khoảng cách suy thoái là 400 tỉ\$
 - Khoảng cách suy thoái là chênh lệch giữa GDP trong điều kiện việc làm đầy đủ (GDP tiềm năng) và GDP cân bằng.

Mục tiêu chính sách



Chiến lược kiểu Keynes

- Theo quan điểm của Keynes, cách thoát khỏi suy thoái là làm cho ai đó chi tiêu nhiều hàng hóa và dịch vụ hơn.
- Chính sách tài chính mở rộng: tăng chi tiêu chính phủ hoặc giảm thuế sẽ làm tăng tổng cầu.

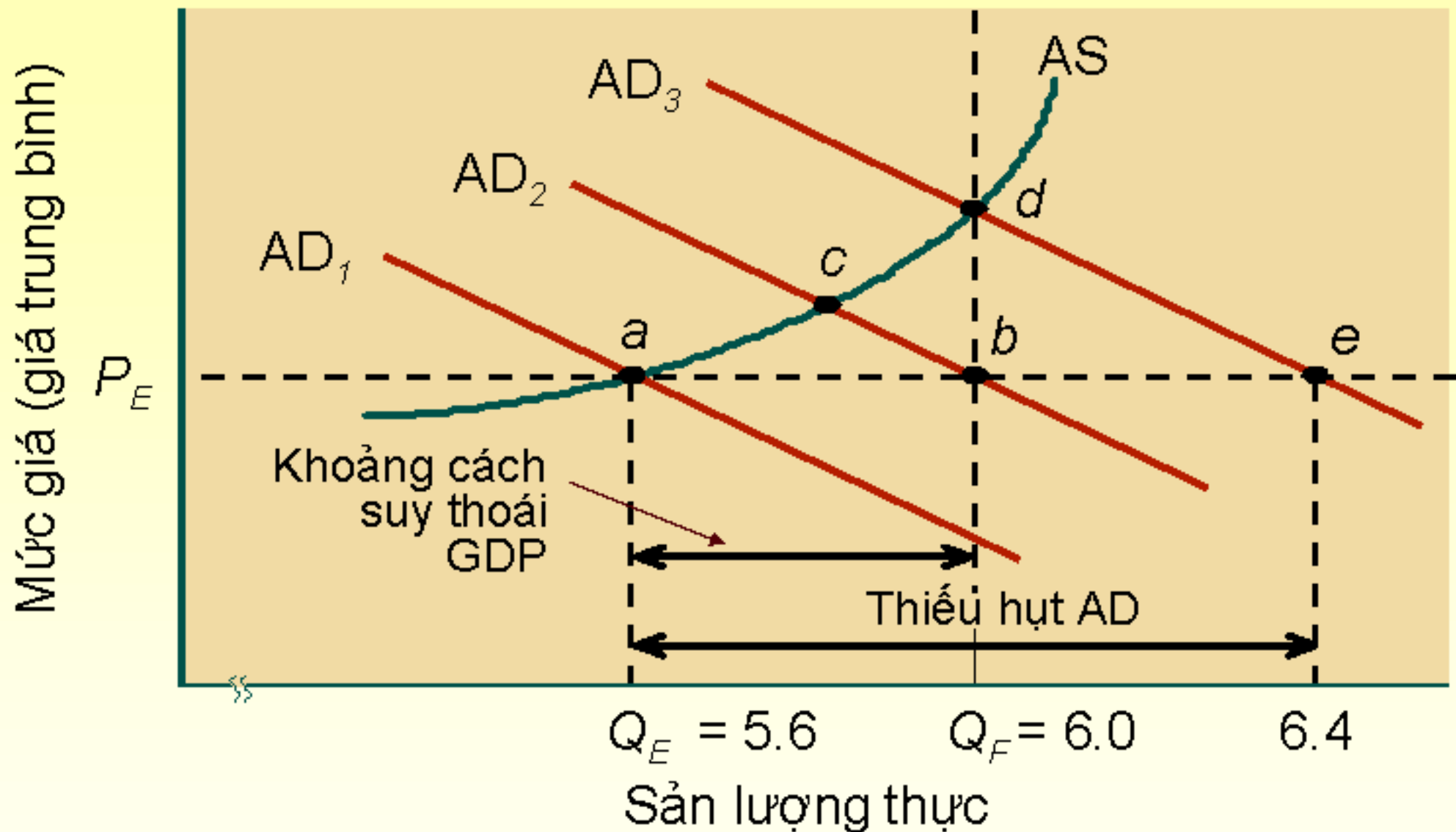
Chiến lược kiểu Keynes

- **Cần trả lời 2 câu hỏi sau:**
 - Chúng ta muốn dịch chuyển đường tổng cầu sang phải bao xa ?
 - Làm thế nào để có thể dịch chuyển đường AD như mong muốn?

Mục tiêu tài chính

- Nếu khoảng cách GDP là 400 tỉ \$, tại sao tổng cầu phải tăng nhiều hơn ?

Thiếu hụt tổng cầu



Tăng chi tiêu chính phủ

- Tăng chi tiêu CP là một hình thức của chính sách tài chính mở rộng.
- Mỗi một đồng chi tiêu thêm của CP sẽ có tác động số nhân đến tổng cầu.

Hiệu ứng số nhân

- Tác động kích thích tài chính tới tổng cầu bao gồm cả chi tiêu mới của chính phủ và toàn bộ các gia tăng sau đó trong chi tiêu của người tiêu dùng do những chi tiêu thêm của chính phủ gây ra.

Tổng cầu tăng thêm = số nhân X kích thích tài chính

Kích thích tài chính mong muốn

**Kích thích tài chính mong muốn =
(Thiếu hụt AD / Số nhân)**

**Tăng sức mua của CP = kích thích tài
chính mong muốn**

Hiệu ứng lấn át

- ◆ Chính sách tài khoá có thể không ảnh hưởng mạnh tới nền kinh tế như dự đoán theo hiệu ứng số nhân.
- ◆ Gia tăng chi tiêu chính phủ có thể làm tăng lãi suất.
- ◆ Lãi suất tăng làm giảm đầu tư.

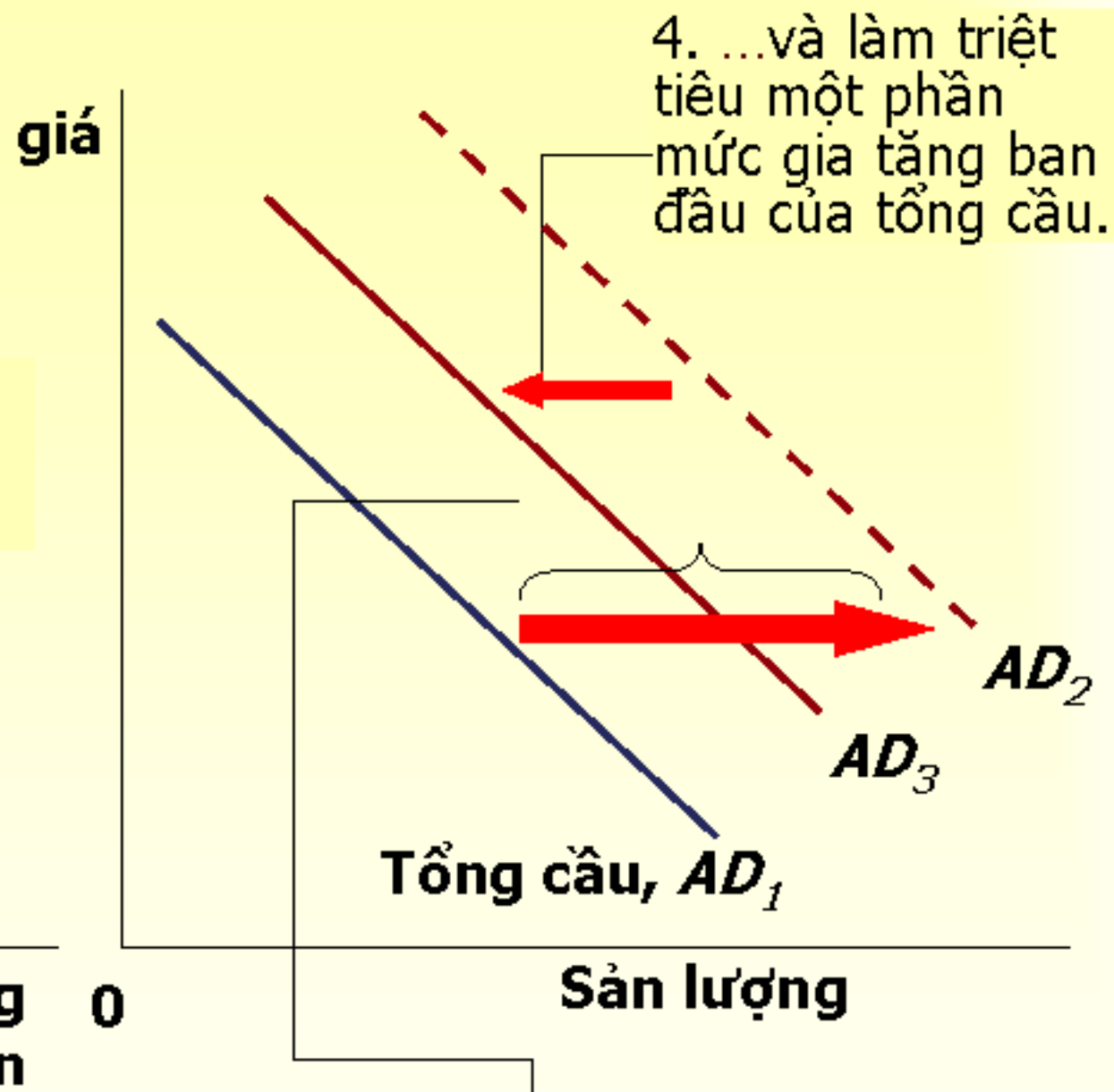
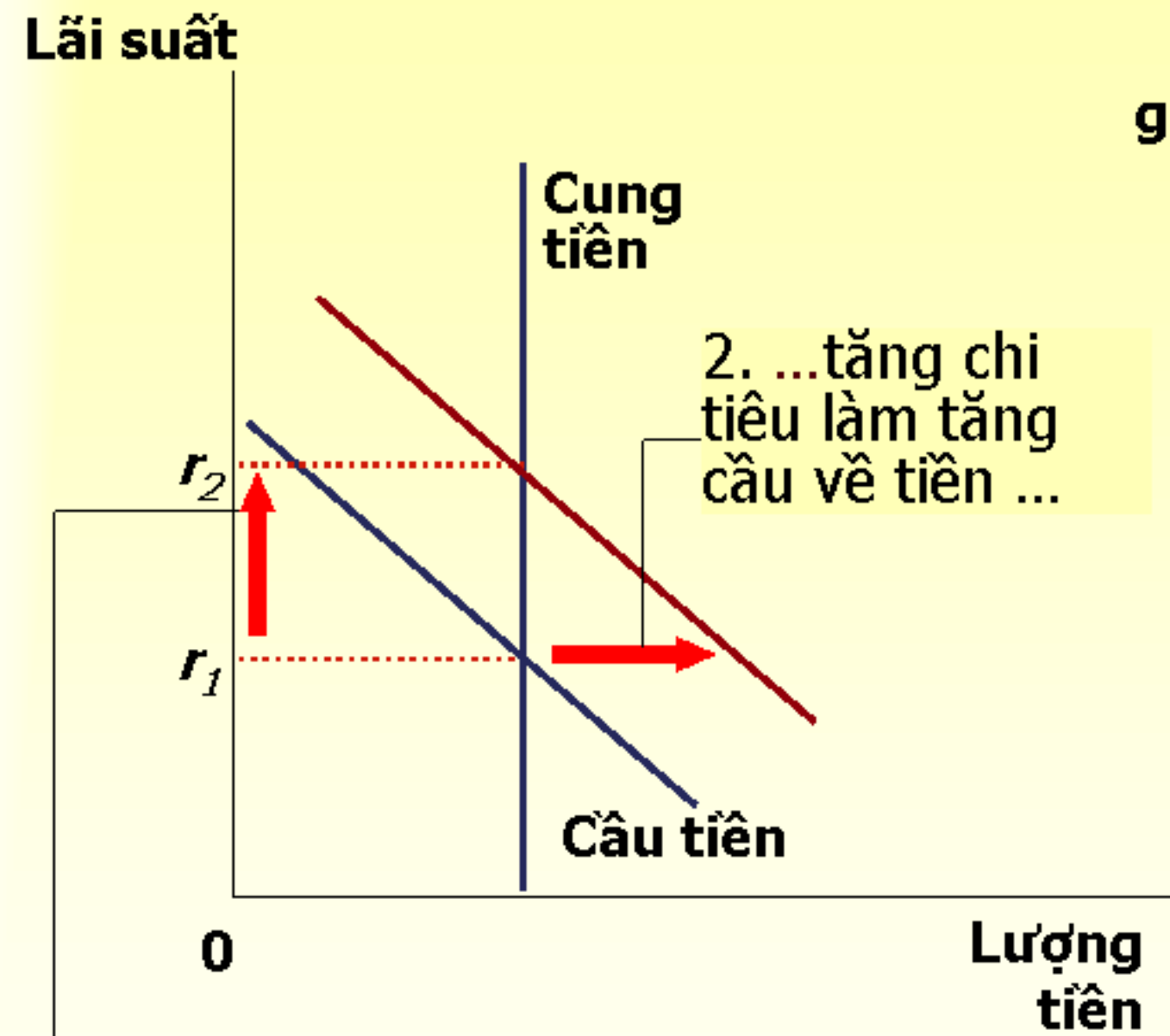
Hiệu ứng lấn át

- ◆ Tổng cầu giảm vì lãi suất tăng khi thực hiện mở rộng tài chính được gọi là hiệu ứng lấn át (**crowding-out effect**).

Hiệu ứng lần át...

(a) thị trường tiền tệ

(b) sự dịch chuyển của đường AD



3. ...lãi suất cân bằng tăng...

1. khi chi tiêu CP làm tăng AD...

Cắt giảm thuế

- Bằng cách giảm thuế, chính phủ làm tăng thu nhập khả dụng của khu vực tư nhân.
- Tiêu dùng sẽ tăng bao nhiêu đối với mỗi đồng thu nhập tăng thêm do thuế giảm?
- Câu trả lời phụ thuộc vào MPC.

Tăng ban đầu = MPC X số thuế cắt giảm
trong tiêu dùng

Cắt giảm thuế

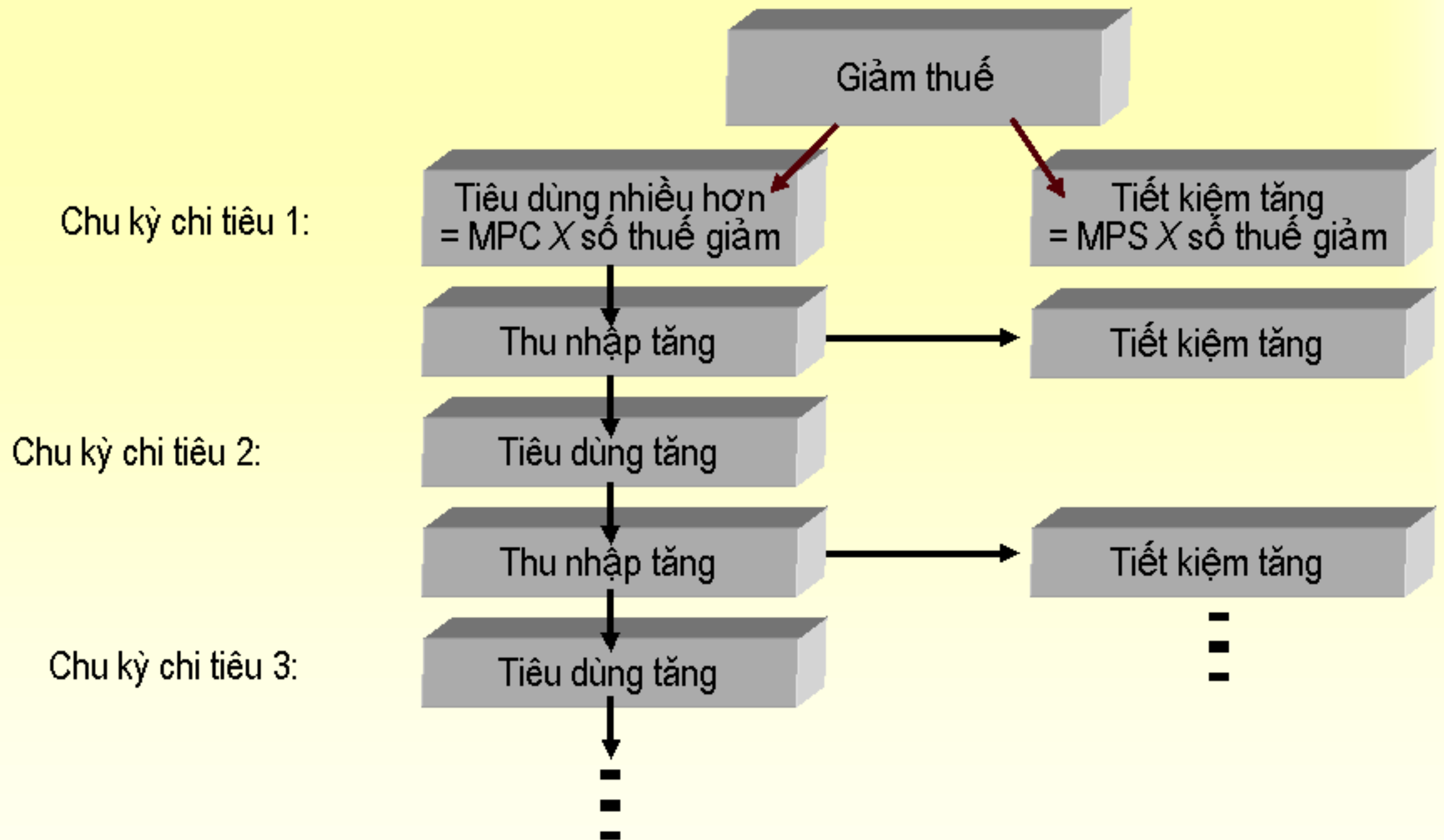
- Giảm thuế sẽ có ít kích thích tài chính hơn so với tăng chi tiêu chính phủ trên cùng một qui mô do sự chi tiêu thêm vào ban đầu nhỏ hơn.

Cắt giảm thuế

- Thiếu hụt tổng cầu sẽ được lấp đầy bởi việc cắt giảm thuế.

**Số thuế cắt giảm = Thiếu hụt AD / (số nhân x MPC)
mong muốn**

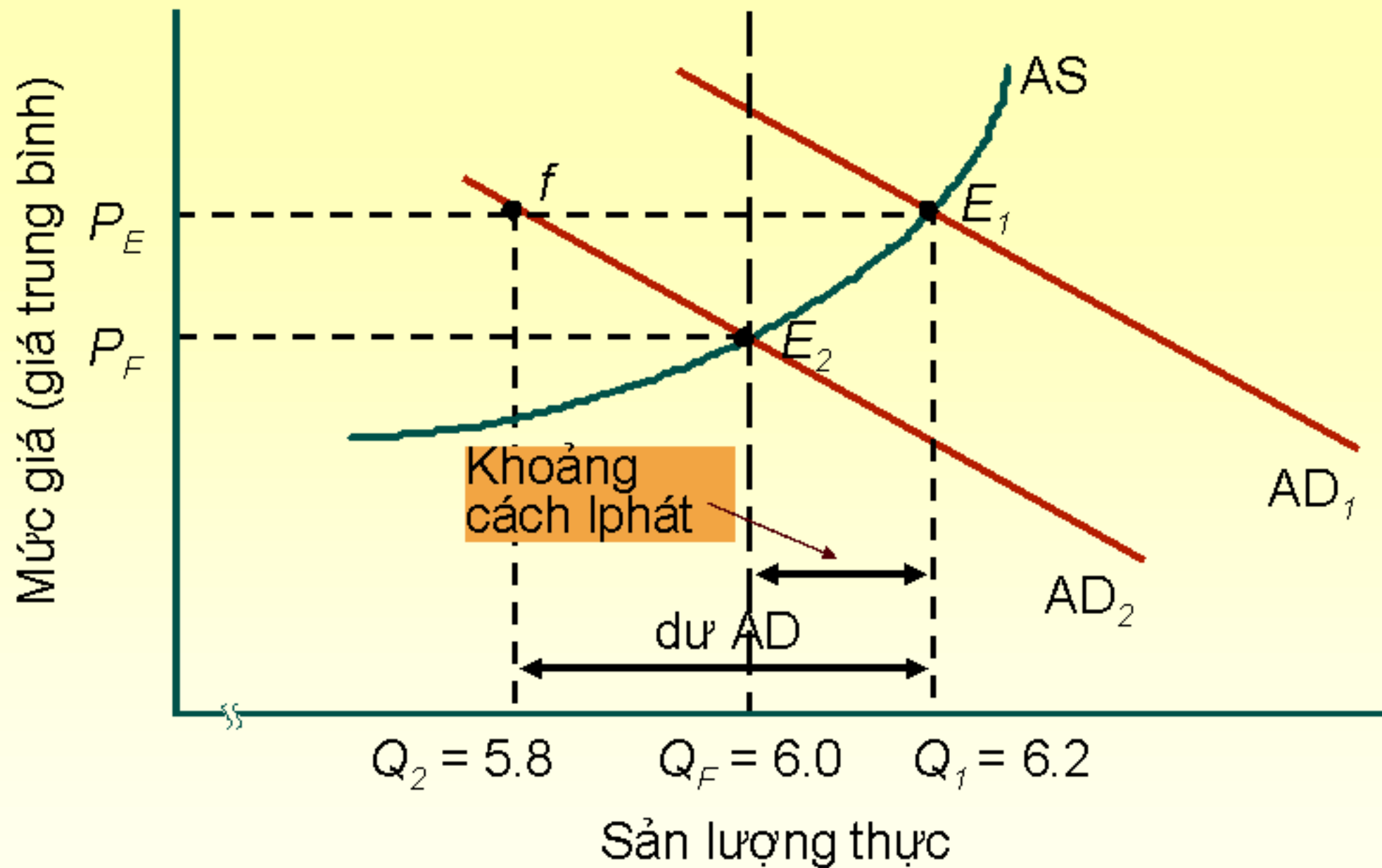
Số nhân cắt giảm thuế



Kiểm chế tài chính

- Nếu tổng cầu quá mức gây ra tăng giá thì kiểm chế tài chính lại là một chính sách thích hợp chứ không phải là kích thích nó.
- *Kiểm chế tài chính hay chính sách tài chính thu hẹp (Fiscal restraint): tăng thuế hoặc cắt giảm chi tiêu chính phủ để làm giảm tổng cầu.*

Dư thừa tổng cầu



Mục tiêu tài chính

- **Kiểm chế tài chính mong muốn = (Lượng dư thừa AD / Số nhân).**
- **Cắt giảm chi tiêu chính phủ = kiểm chế tài chính mong muốn**

Tăng thuế

- Tăng thuế có thể được sử dụng để dịch chuyển đường tổng cầu sang trái.
- Ảnh hưởng trực tiếp của tăng thuế là giảm thu nhập khả dụng.

Tăng thuế

- Thuế phải được tăng lên hơn 1 đồng để có được 1 đồng kiềm chế tài chính.

Tăng thuế mong muốn = (kiềm chế tài chính mong muốn / MPC)

Các nhân tố ổn định tự động

Automatic Stabilizers

Chính sách tài chính có độ trễ lớn trong quá trình tác động đến nền kinh tế.

Các nhân tố ổn định tự động: thuế thu nhập và các khoản chi chuyển nhượng sẽ giúp hạn chế một phần những biến động của nền kinh tế.

Ngân sách cân đối theo chu kỳ

- **Ngân sách theo quan điểm của Keynes:**
 - ✓ **Thời kỳ suy thoái: ngân sách nên thâm hụt**
 - ✓ **Thời kỳ lạm phát: ngân sách nên thặng dư**

Kết thúc



Chính sách tiền tệ



“Tiền tệ mở rộng”



“Tiền tệ thắt chặt”

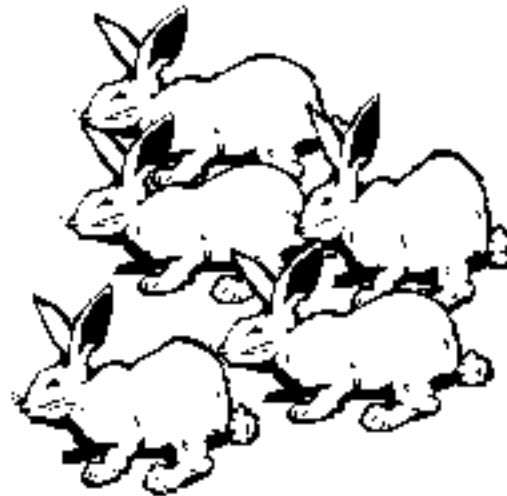
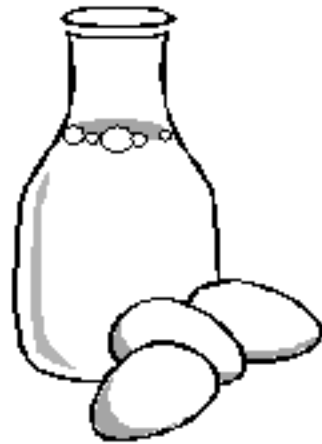
Chương 5

TIN TỨC

- NHNN rút 1.500 tỉ đồng ra khỏi nền kinh tế thông qua hoạt động thị trường mở.

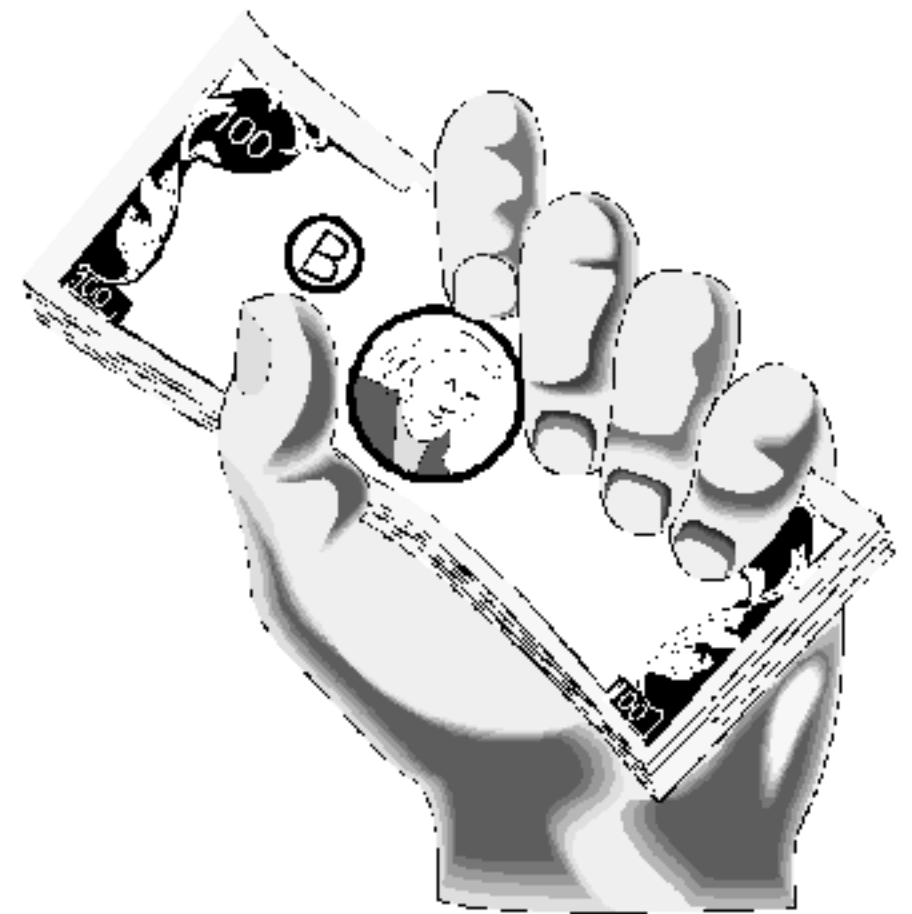
Nguồn: HSBC

*Trao
đôi
hàng
hóa
với tôi
không
?*



Tiền là gì? Tiền là gì?

*Tiền là bất cứ phương tiện nào được
thừa nhận chung để làm trung gian
cho việc mua bán hàng hóa*



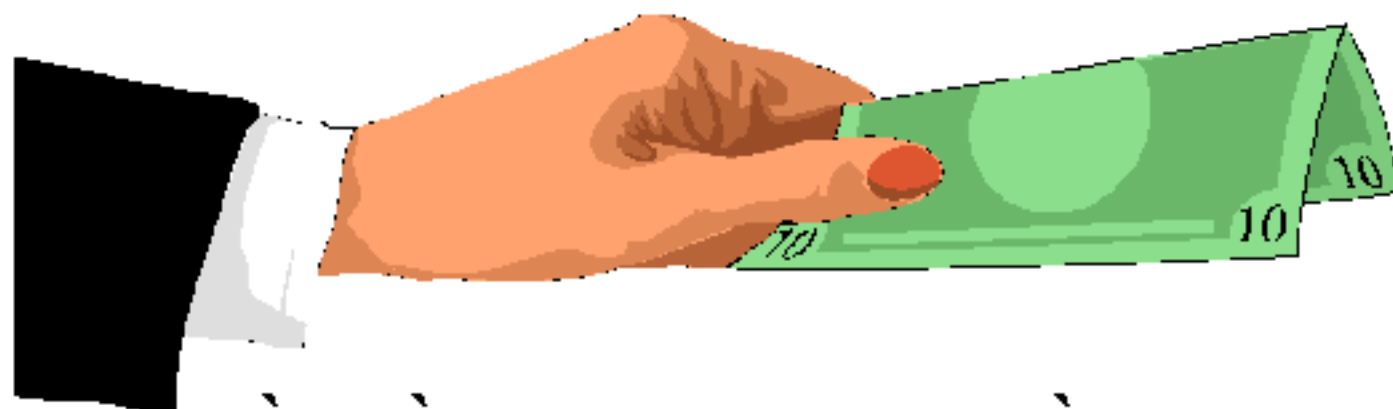
↗ Tự cung tự cấp
↘ Hàng đổi hàng

Các chức năng của tiền



- Phương tiện trao đổi
- cất giữ giá trị
- Đơn vị hạch toán
- Phương tiện thanh toán

Tiền pháp định là tiền được tạo ra nhờ pháp lệnh của CP. Nó không có giá trị cố hữu.



Tiền bằng hàng hóa là tiền có giá trị cố hữu.

Khối lượng tiền

- $M1 = \text{tiền mặt} + \text{tiền gửi không kỳ hạn}$
- $M2 = M1 + \text{tiền gửi định kỳ}$
- $M3 = M2 + \text{tiền gửi khác}$
- ...

Ngân hàng Trung Ương

- Phát hành tiền và điều tiết lượng tiền cung ứng
- Ngân hàng của các ngân hàng
- Ngân hàng của chính phủ

Kinh doanh và dự trữ của NH

- Dự trữ là cần thiết đối với các NH trung gian
- Dự trữ là công cụ để điều hành chính sách tiền tệ
 - ✓ Dự trữ bắt buộc
 - ✓ Dự trữ tùy ý

Quá trình tạo tiền...

Quá trình tạo tiền...

Giả sử mỗi NH duy trì tỉ lệ dự trữ (d) là **10%**
và số tiền gửi ban đầu là 100\$

NH thứ nhất

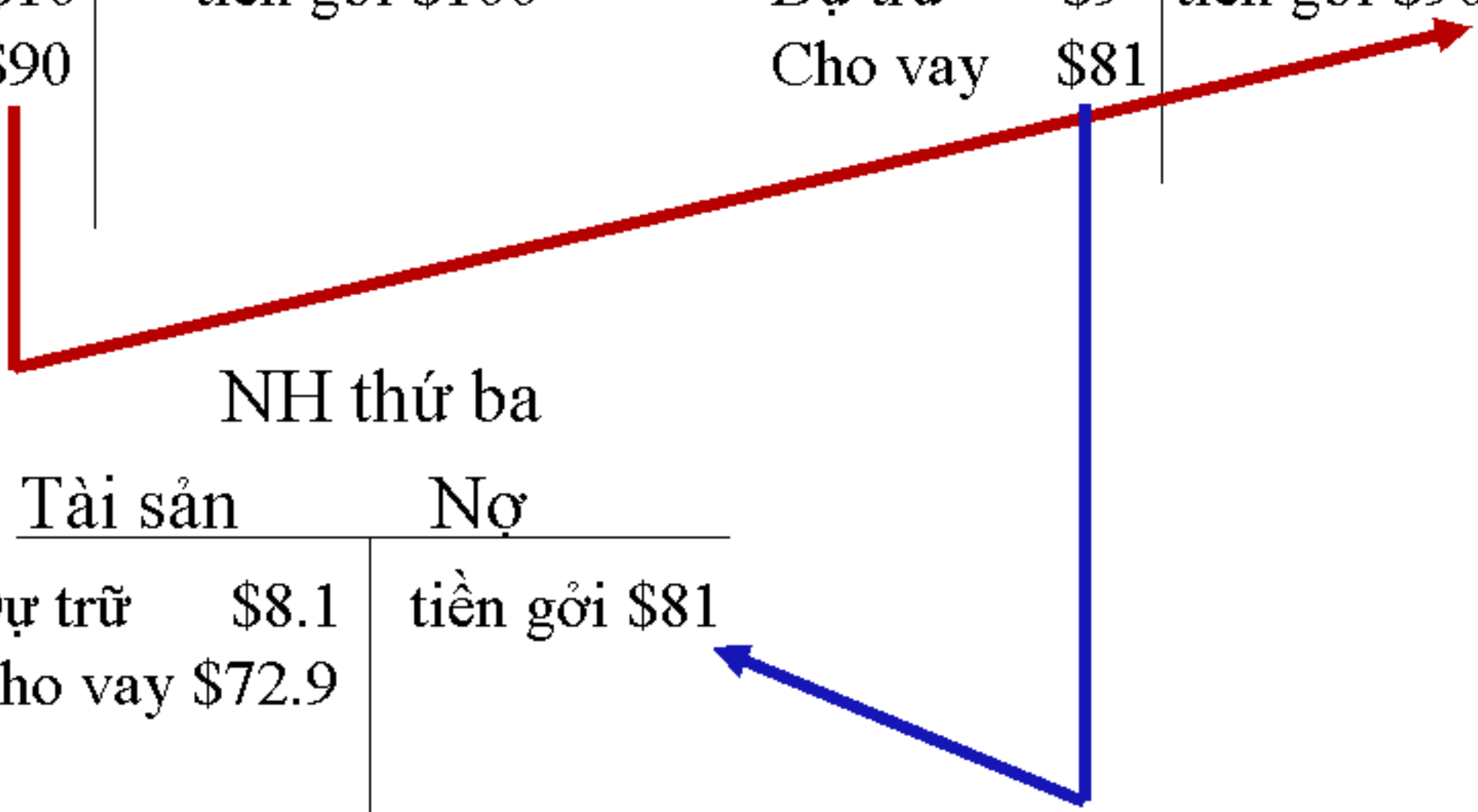
Tài sản		Nợ	
Dự trữ	\$10	tiền gửi	\$100
Cho vay	\$90		

NH thứ hai

Tài sản		Nợ	
Dự trữ	\$9	tiền gửi	\$90
Cho vay	\$81		

NH thứ ba

Tài sản		Nợ	
Dự trữ	\$8.1	tiền gửi	\$81
Cho vay	\$72.9		



Tổng số tiền NH tạo ra từ 100\$ tiền gửi ban đầu:

Tiền gửi ban đầu = 100

Cho vay của NH 1 = $(1-d) \times 100$

Cho vay của NH 2 = $(1-d)^2 \times 100$

Cho vay của NH 3 = $(1-d)^3 \times 100$

Cho vay của NH 4 = $(1-d)^4 \times 100$

Tổng cung tiền = $[1 + (1-d) + (1-d)^2 + (1-d)^3 + \dots] \times 100$
= $(1/d) \times 100$
= $(1/.1) \times 100$
= 1000

Số nhân tiền

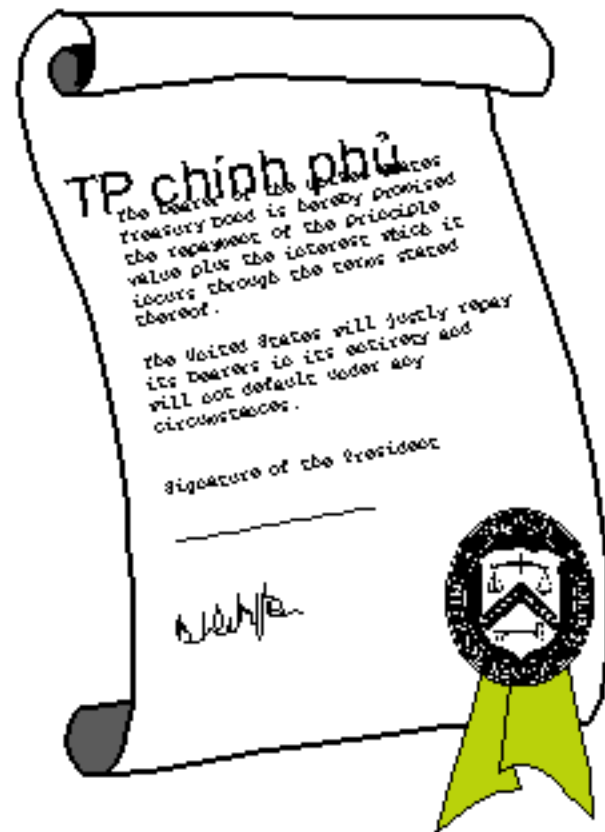
- Lượng tiền mà hệ thống ngân hàng tạo ra từ mỗi một đồng dự trữ được gọi là số nhân tiền (**money multiplier**).
- Số nhân tiền là nghịch đảo của tỉ lệ dự trữ

Những hạn chế đối với quá trình tạo tiền

- Ba hạn chế chính:
 - Tiền gửi
 - Người vay
 - Những quy định của NHTW



NHTW kiểm soát cung tiền bằng 3 cách.



- 1) Δ tỉ lệ *dự trữ bắt buộc*
- 2) Δ lãi suất *chiết khấu*
- 3) *Nghiệp vụ thị trường mở*

Cung tiền

$$M = C + D$$

$$R = rD$$

R là tổng dự trữ của các ngân hàng,
và **r** là tỉ lệ dự trữ bắt buộc.

Cung tiền

$$M = C + D$$

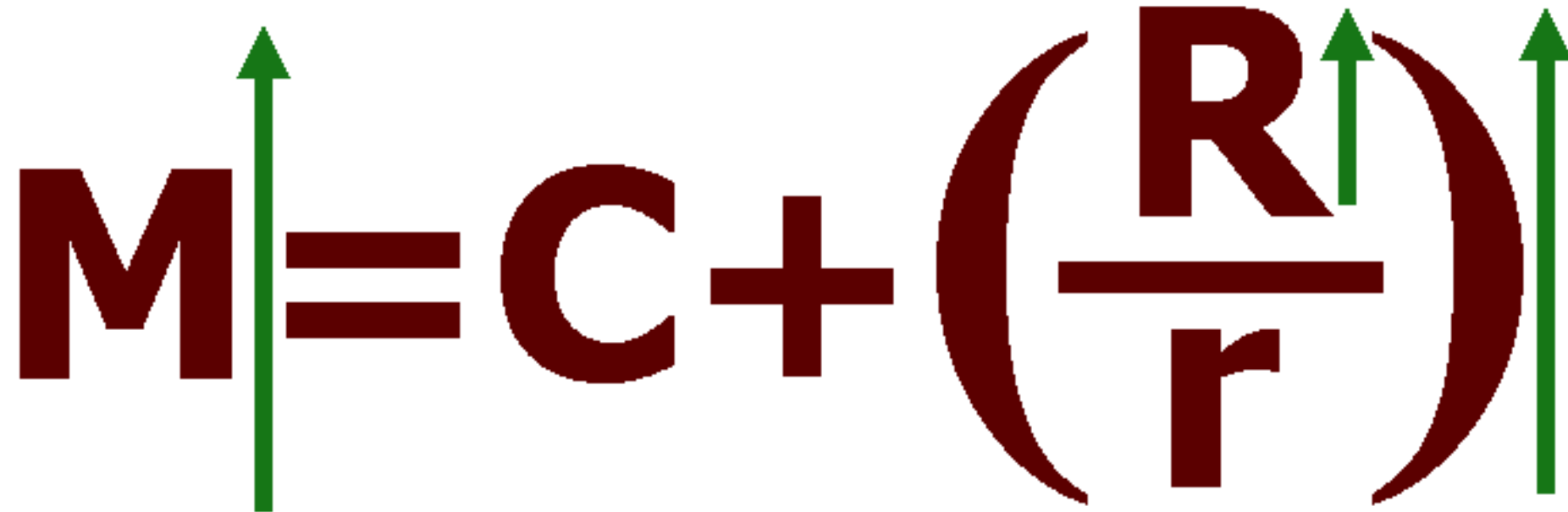
$$D = R/r$$

$$M = C + R/r$$

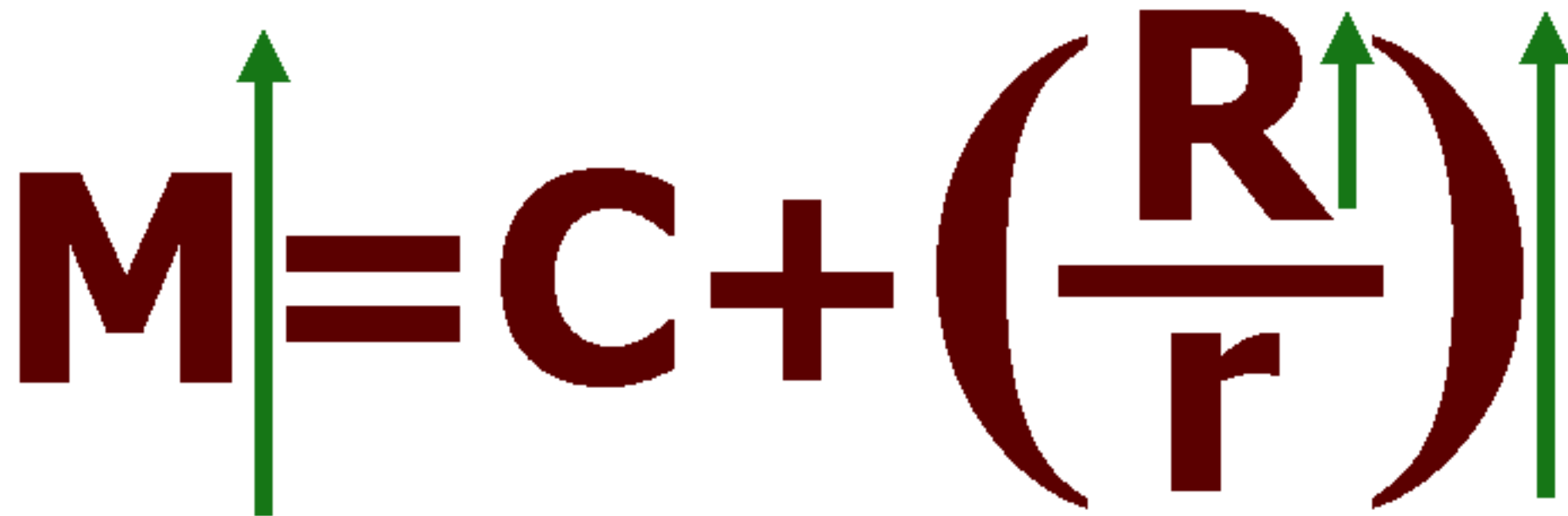
$$M \uparrow = C + \left(\frac{R}{r} \right) \uparrow$$

Tỉ lệ dự trữ bắt buộc

Chính sách chiết khấu

$$M \uparrow = C + \left(\frac{R \uparrow}{r} \right) \uparrow$$


Nghiệp vụ TT mở

$$M \uparrow = C + \left(\frac{R \uparrow}{r} \right) \uparrow$$


Nghiệp vụ thị trường mở

- Nghiệp vụ thị trường mở là hoạt động của ngân hàng trung ương trong việc mua bán các loại giấy tờ có giá (chủ yếu là trái phiếu chính phủ).

Lợi tức trái phiếu

- Lợi tức trái phiếu: tỷ lệ sinh lời của trái phiếu; được đo bằng tiền lãi được trả mỗi kỳ chia cho giá của trái phiếu.
- Giá trái phiếu càng giảm thì lợi tức càng tăng

Lợi tức trái phiếu

- Mục tiêu của nghiệp vụ thị trường mở là thay đổi giá của trái phiếu và do đó thay đổi lợi tức của chúng.
- NHTW đề nghị giá thấp hơn → mọi người sẽ mua trái phiếu.
- NHTW đề nghị giá cao hơn → mọi người sẽ bán trái phiếu

Tăng cung tiền

- Để tăng cung tiền, NHTW có thể:
 - Giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc.
 - Giảm lãi suất chiết khấu.
 - Mua trái phiếu.

Giảm cung tiền

- Để giảm cung tiền, NHTW có thể:
 - Tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc.
 - Tăng lãi suất chiết khấu.
 - Bán trái phiếu.

Thị trường tiền tệ

- Lãi suất được quyết định bởi cung tiền tệ và cầu tiền tệ.
- Những người giữ tiền mặt hoặc giữ tiền trong các tài khoản không được trả lãi sẽ phải chịu một chi phí cơ hội

Cầu tiền tệ

- Cầu tiền tệ là lượng tiền mà mọi người sẵn lòng nắm giữ ở mỗi mức lãi suất, các yếu tố khác không thay đổi.

Cầu tiền tệ

- Các động cơ nắm giữ tiền:
 - Nhu cầu giao dịch (Transactions demand.)
 - Nhu cầu dự phòng (Precautionary demand.)
 - Nhu cầu đầu cơ (Speculative demand.)

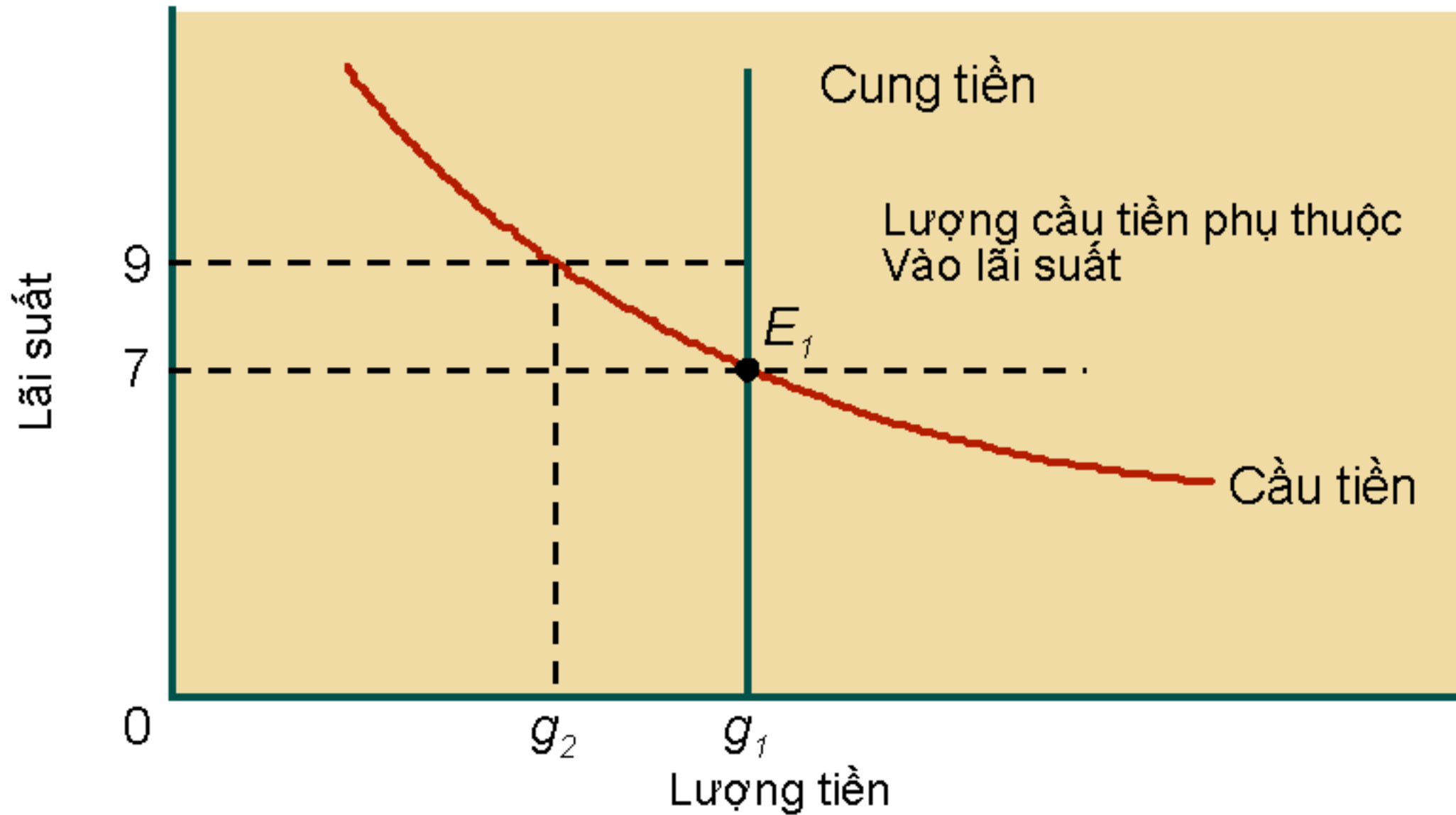
Đường cầu tiền tệ

- Lãi suất tăng sẽ tăng chi phí cơ hội của việc nắm giữ tiền.
- Đường cầu tiền tệ dốc xuống có nghĩa là lượng tiền mà người ta muốn và có thể giữ sẽ tăng lên khi lãi suất giảm (yếu tố khác không đổi) và ngược lại.

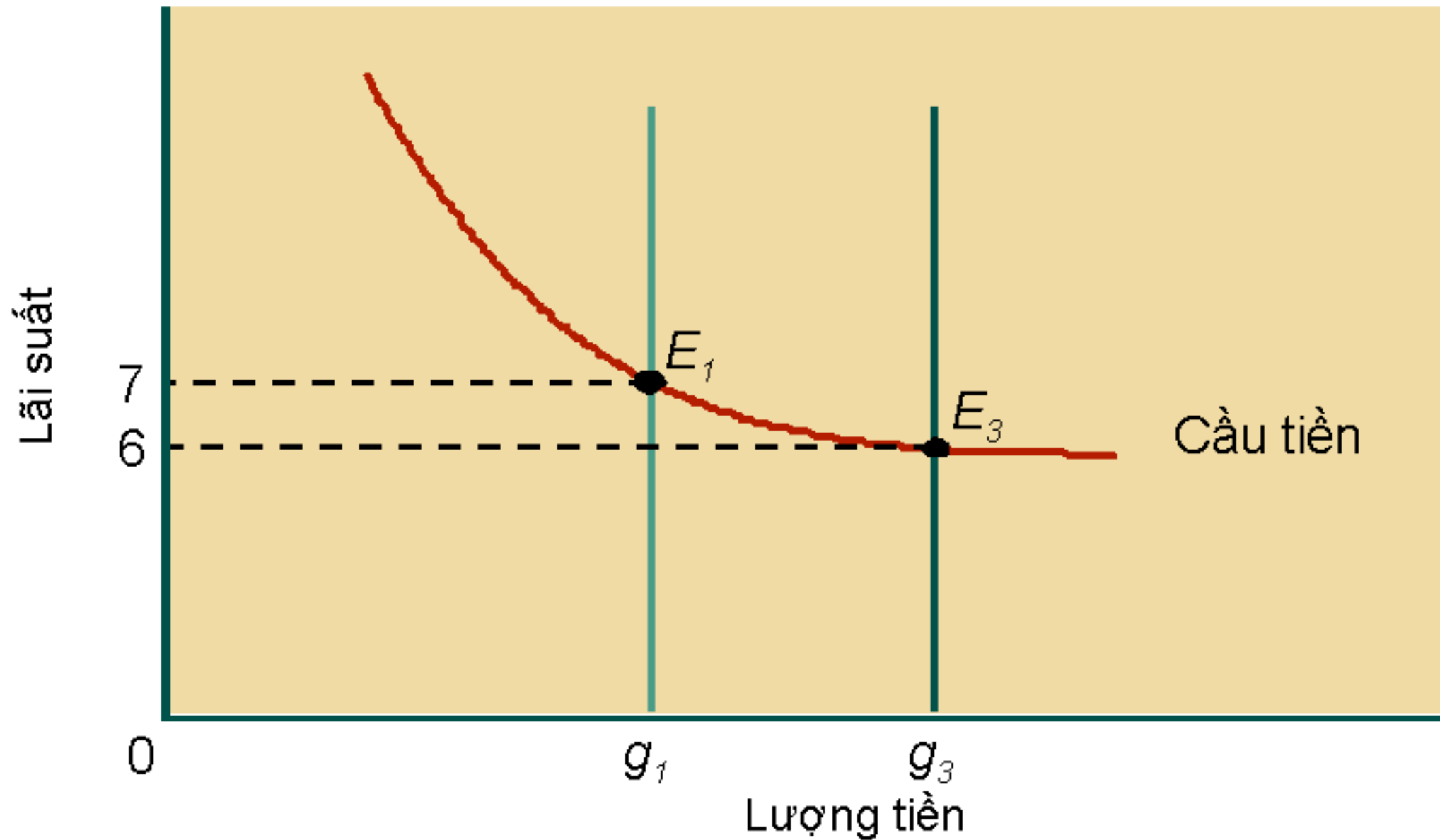
Cung tiền tệ

- Cung tiền tệ được kiểm soát bởi NHTW.
- Lượng cung tiền tệ không phụ thuộc lãi suất.

TT tiền tệ cân bằng



Thay đổi lãi suất



Kích thích tiền tệ (tiền tệ mở rộng)

- Mục tiêu của chính sách tiền tệ mở rộng là làm tăng tổng cầu.
- Lãi suất giảm sẽ khuyến khích đầu tư.
- Đầu tư tăng sẽ thêm chi tiêu vào luồng chu chuyển
- Tổng cầu sẽ gia tăng theo hiệu ứng số nhân

Kích thích tiền tệ

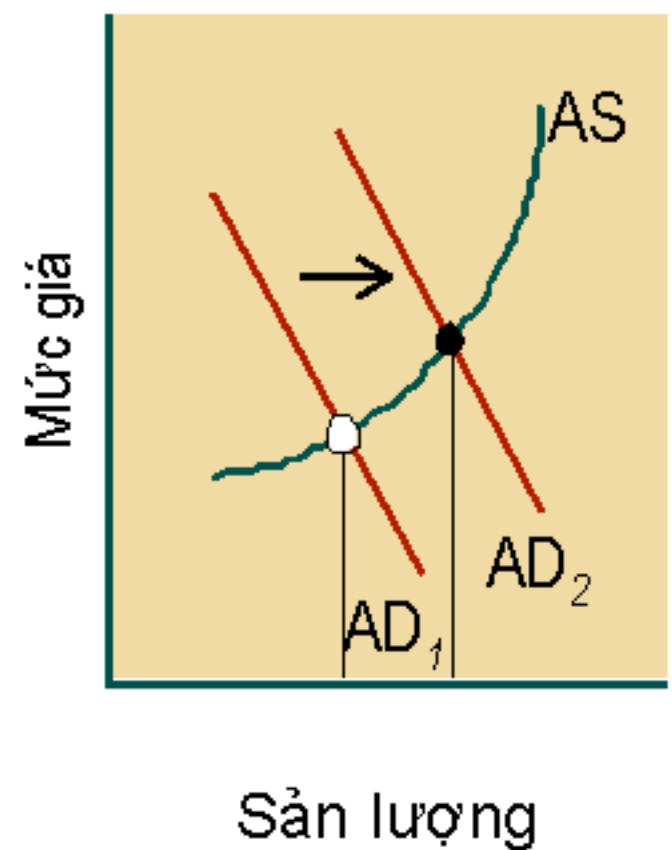
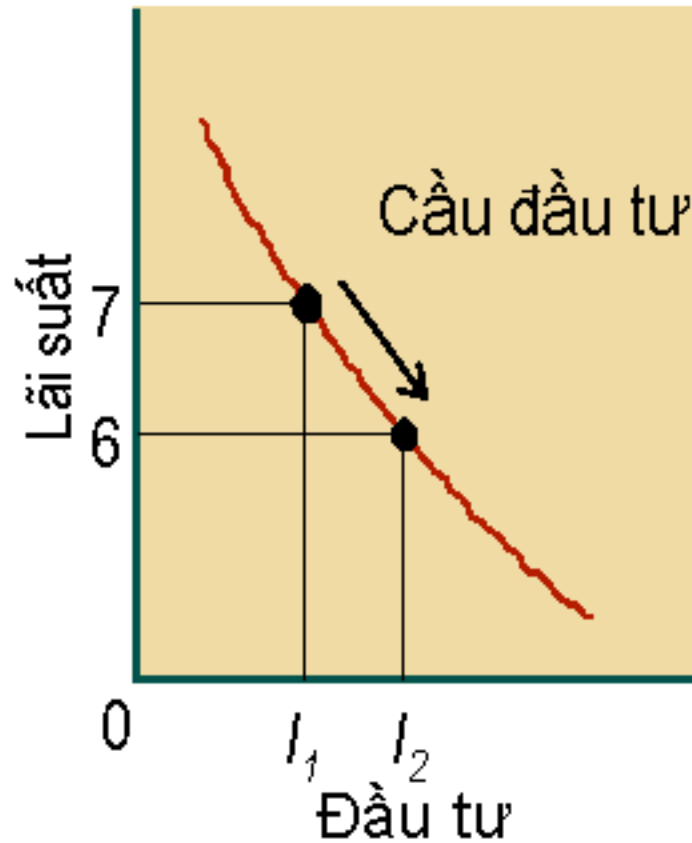
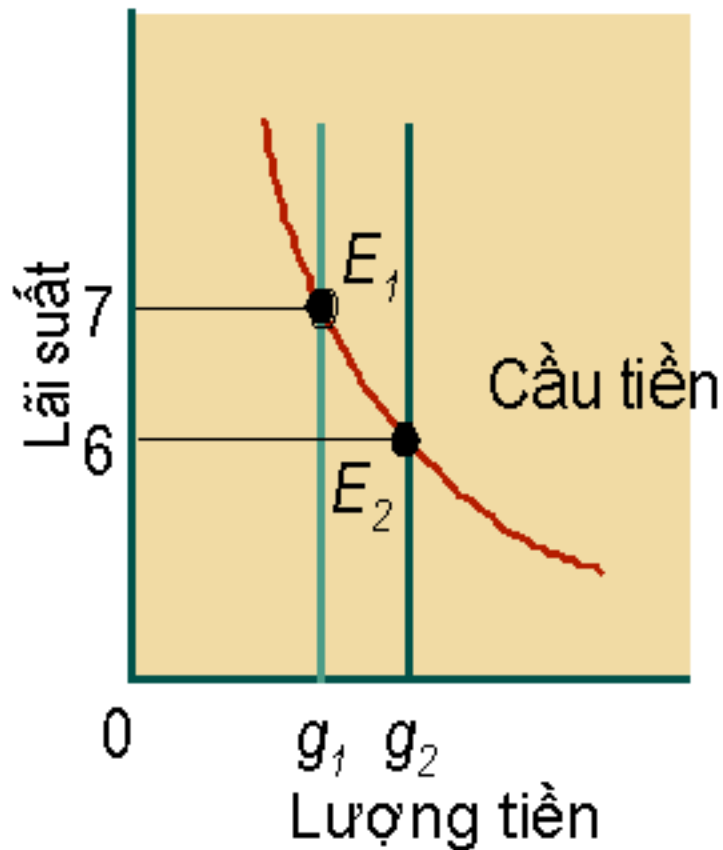
- Mục tiêu kích thích nền kinh tế của NHTW được thực hiện theo 3 bước:
 - Tăng cung tiền.
 - Giảm lãi suất.
 - Tăng tổng cầu.

Kích thích tiền tệ

Cung tiền tăng làm giảm lãi suất

Lãi suất giảm kích thích đầu tư

Đầu tư tăng làm tăng tổng cầu (theo hiệu ứng số nhân)



Kiểm chế tiền tệ (tiền tệ thắt chặt)

- Để giảm áp lực lạm phát, NHTW sẽ áp dụng chính sách tiền tệ thắt chặt.

Tổng cầu giảm

- Thất chặt tiền tệ được thực hiện như sau:
 - Giảm cung tiền.
 - Tăng lãi suất.
 - Giảm tổng cầu.

Những hạn chế đối với chính sách

- Chính sách tiền tệ không phải lúc nào cũng hoạt động tốt như dự đoán.
- Một vài sự kiềm chế có thể hạn chế khả năng của NHTW trong việc thay đổi cung tiền, lãi suất hay tổng cầu.

Những người cho vay bất đắc dĩ

- Nếu các ngân hàng trung gian dự trữ nhiều và thận trọng trong việc tạo ra bất kỳ khoản vay mới nào thì cung tiền tệ không tăng nhiều như mong muốn

Bẫy thanh khoản

- Bẫy thanh khoản (*liquidity trap*) là phần đường cầu tiền tệ nằm ngang.
- Mọi người sẵn lòng giữ lượng tiền không hạn chế ở một mức lãi suất thấp nào đó.
- Việc mở rộng cung tiền tệ không ảnh hưởng tới lãi suất

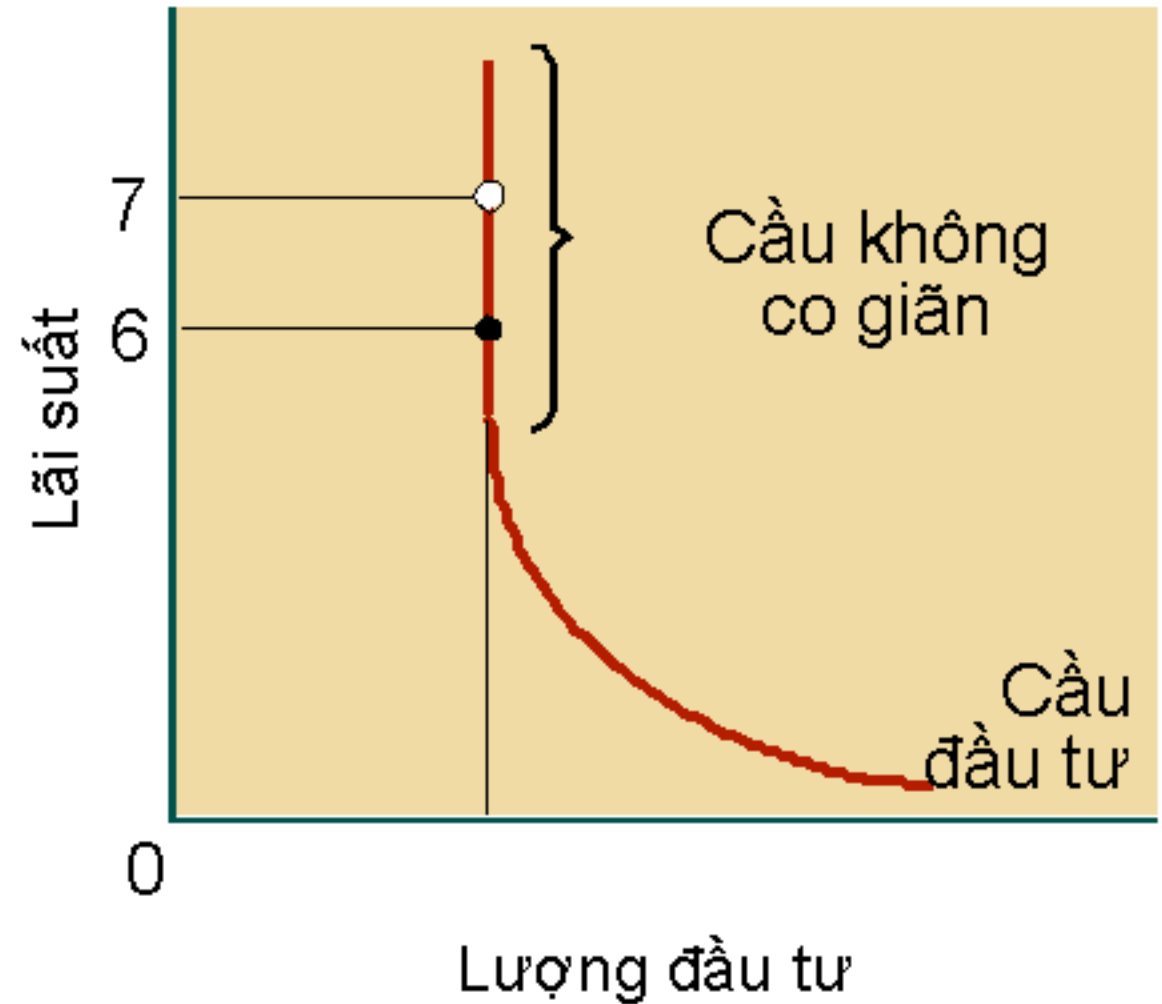
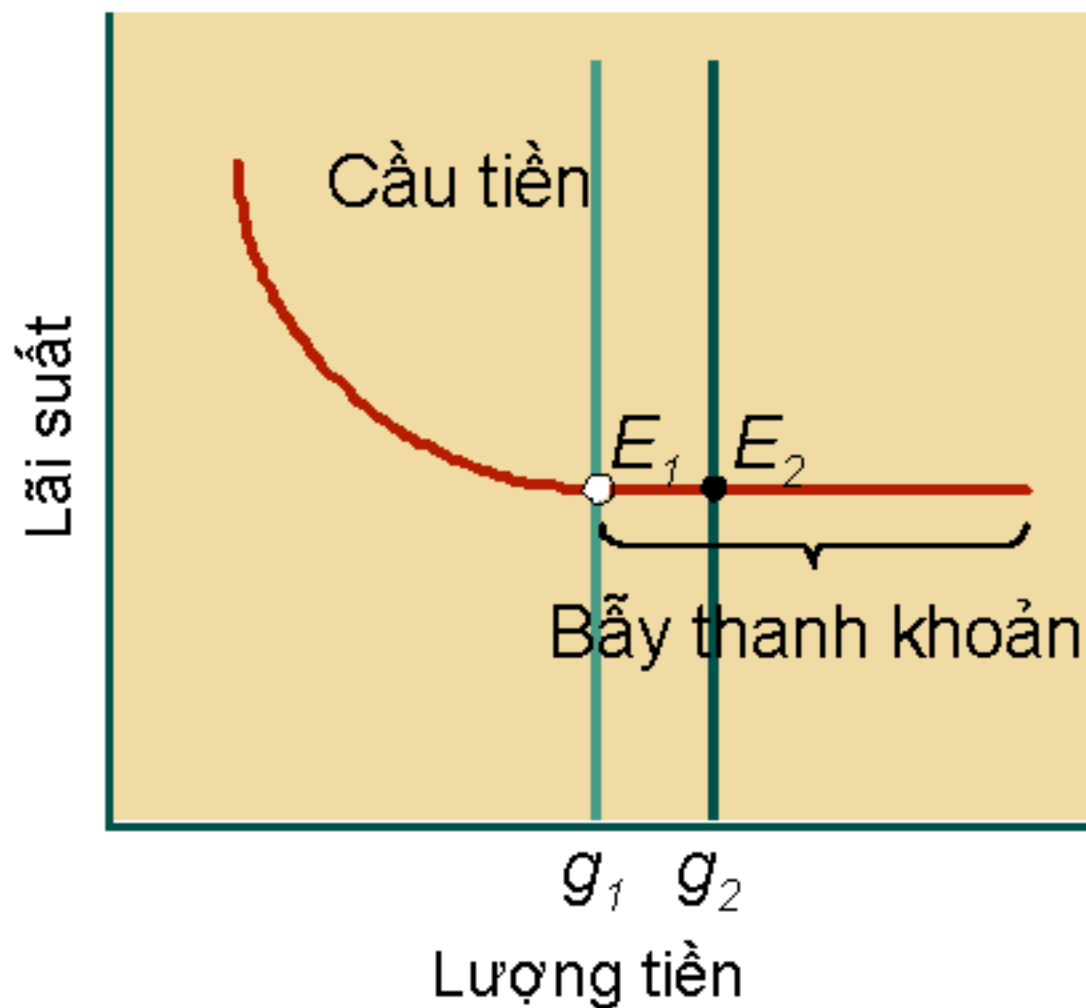
Kỳ vọng thấp

- Những dự đoán không lạc quan làm cho mọi người hạn chế vay mượn và chi tiêu cho dù lãi suất thấp.
- Cầu đầu tư không co giãn theo lãi suất.

Những hạn chế đối với kích thích tiền tệ

Bẫy thanh khoản có thể ngăn không cho lãi suất giảm

Cầu đầu tư không co giãn cũng có thể gây cản trở chính sách tiền tệ



Các trở ngại đối với sự thành công của chính sách

- Xung đột về mục tiêu.
- Các vấn đề đo lường.
- Các vấn đề về lập kế hoạch.
- Các vấn đề về thực thi.

Xung đột về mục tiêu

- Thất nghiệp cao và lạm phát thấp
- Tăng trưởng kinh tế và ổn định việc làm
- Ổn định việc làm và cân đối quốc tế
- Tăng trưởng kinh tế và phân phối thu nhập
- Tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường
- ...

Các vấn đề đo lường

- Thông tin nắm được thường lỗi thời và không đầy đủ .
- Các dự báo kinh tế thường thiếu chính xác .

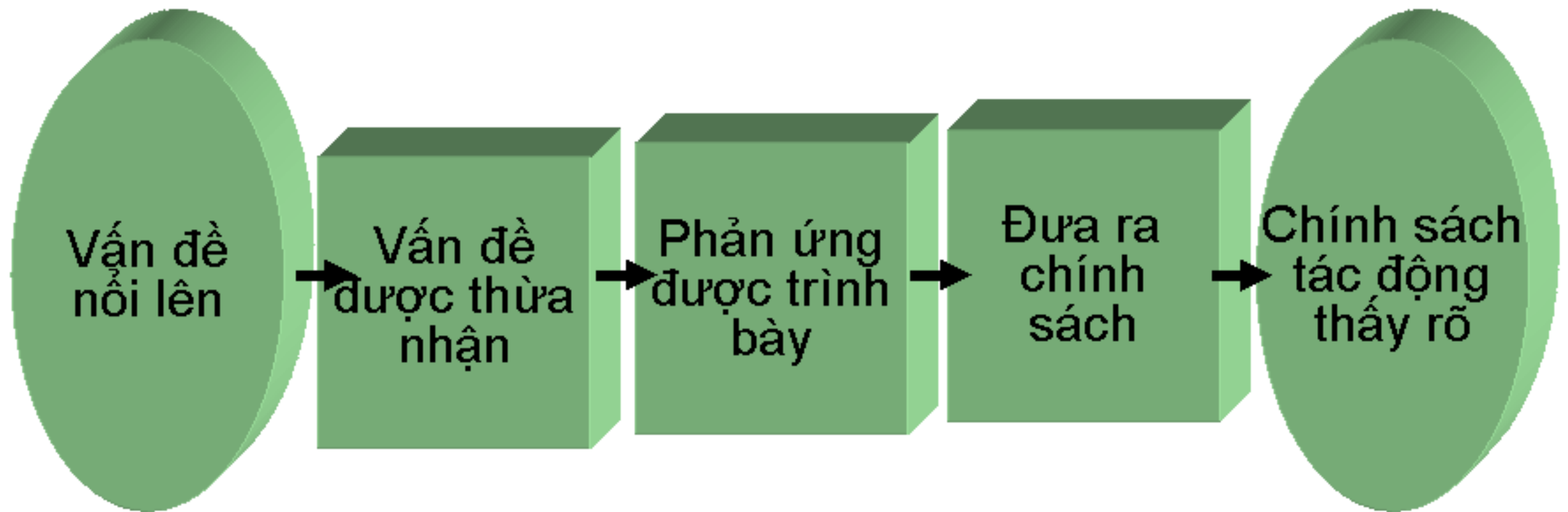
Các vấn đề về lập kế hoạch

- Chúng ta cần phải vạch ra đường đi – lập nên một kế hoạch kinh tế.
- Rất khó để dự đoán phản ứng của mọi người đối với những hoạt động chính sách cụ thể.

Vấn đề thực hiện

- Các chính sách thường có độ trễ (time lag) lớn.
 - Độ trễ trong: khoảng thời gian từ lúc xuất hiện cú sốc tác động vào nền kinh tế cho tới khi chính sách được thực thi.
 - Độ trễ ngoài: khoảng thời gian từ lúc thực thi chính sách cho tới khi nó phát huy ảnh hưởng đối với nền kinh tế.
- Rất khó khăn để thực hiện một chính sách thành công.

Phản ứng chính sách



Chương 6

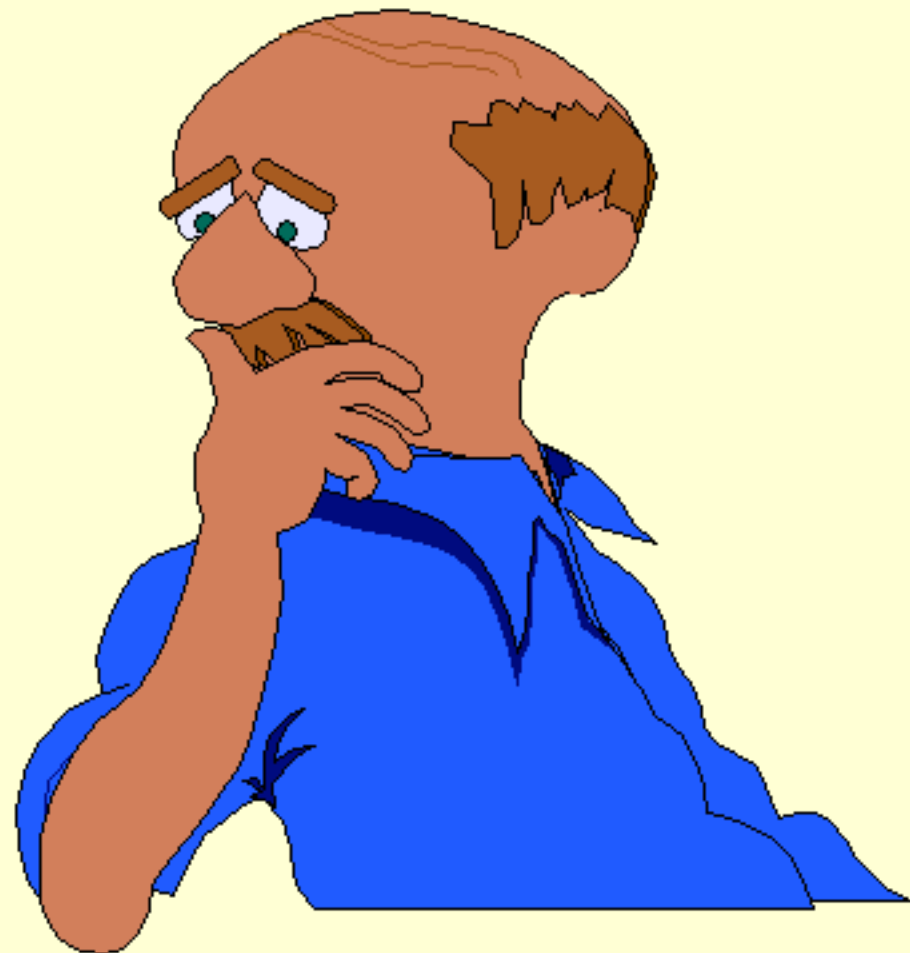
Thương mại quốc tế

Thương mại quốc tế

- Hãy xem xét những hoạt động hàng ngày:
 - Thức dậy với chiếc đồng hồ báo thức được làm ở Hàn Quốc
 - Uống nước cam được nhập từ Mỹ
 - Xem tin tức trên chiếc TV được SX ở Nhật
- ...

Chúng ta có thể thỏa mãn nhu cầu như thế nào trong nền kinh tế toàn cầu?

- ◆ Chúng ta có thể tự cung tự cấp.
- ◆ Chúng ta có thể chuyên môn hóa và trao đổi với những nước khác.



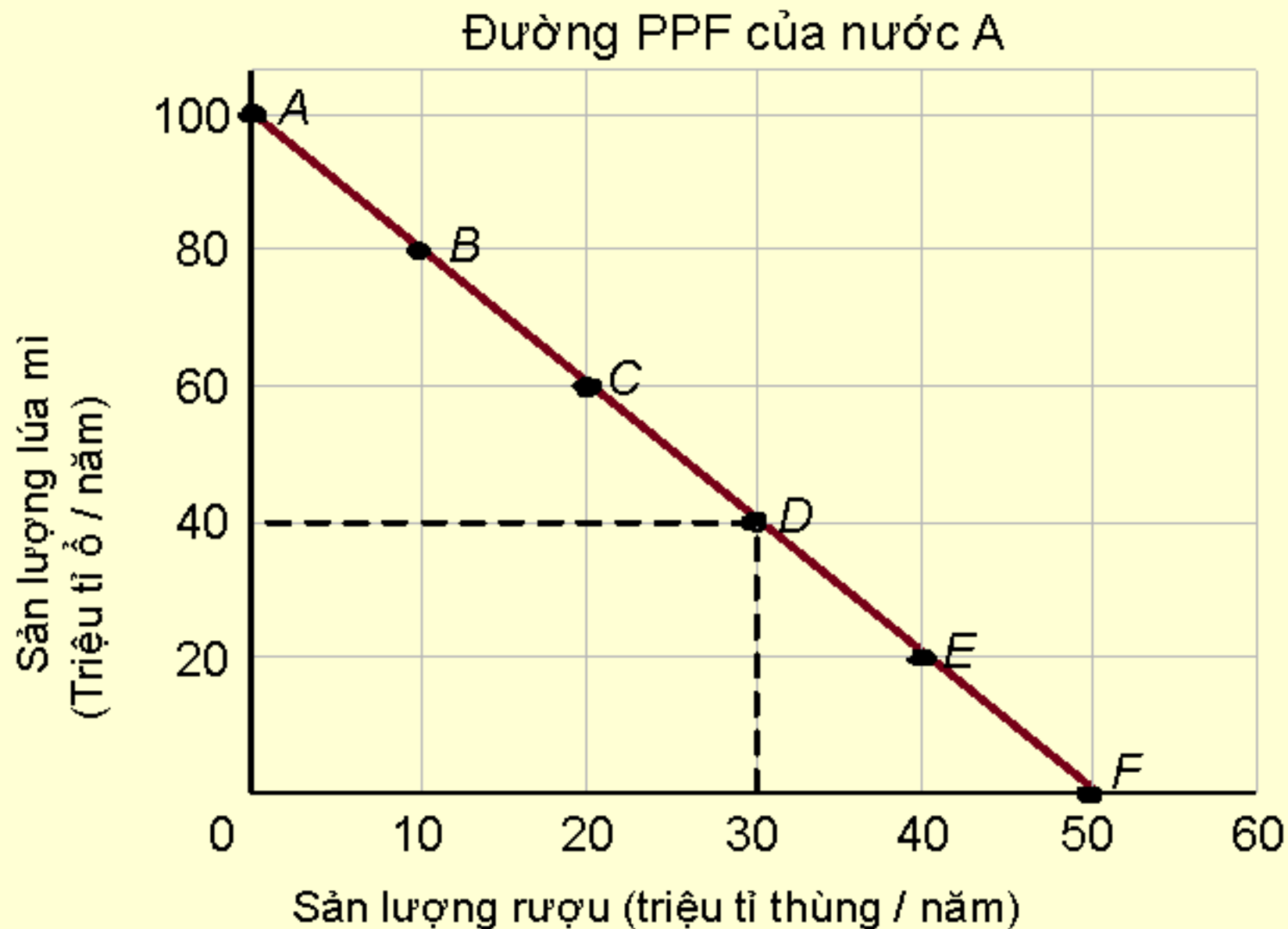
Chuyên môn hóa

- Thương mại quốc tế cho phép các quốc gia chuyên môn hóa và chuyên môn hóa làm tăng tổng sản lượng.
- Thương mại quốc tế làm tăng mức sống của tất cả các quốc gia tham gia buôn bán.

Sản xuất và tiêu dùng không có thương mại

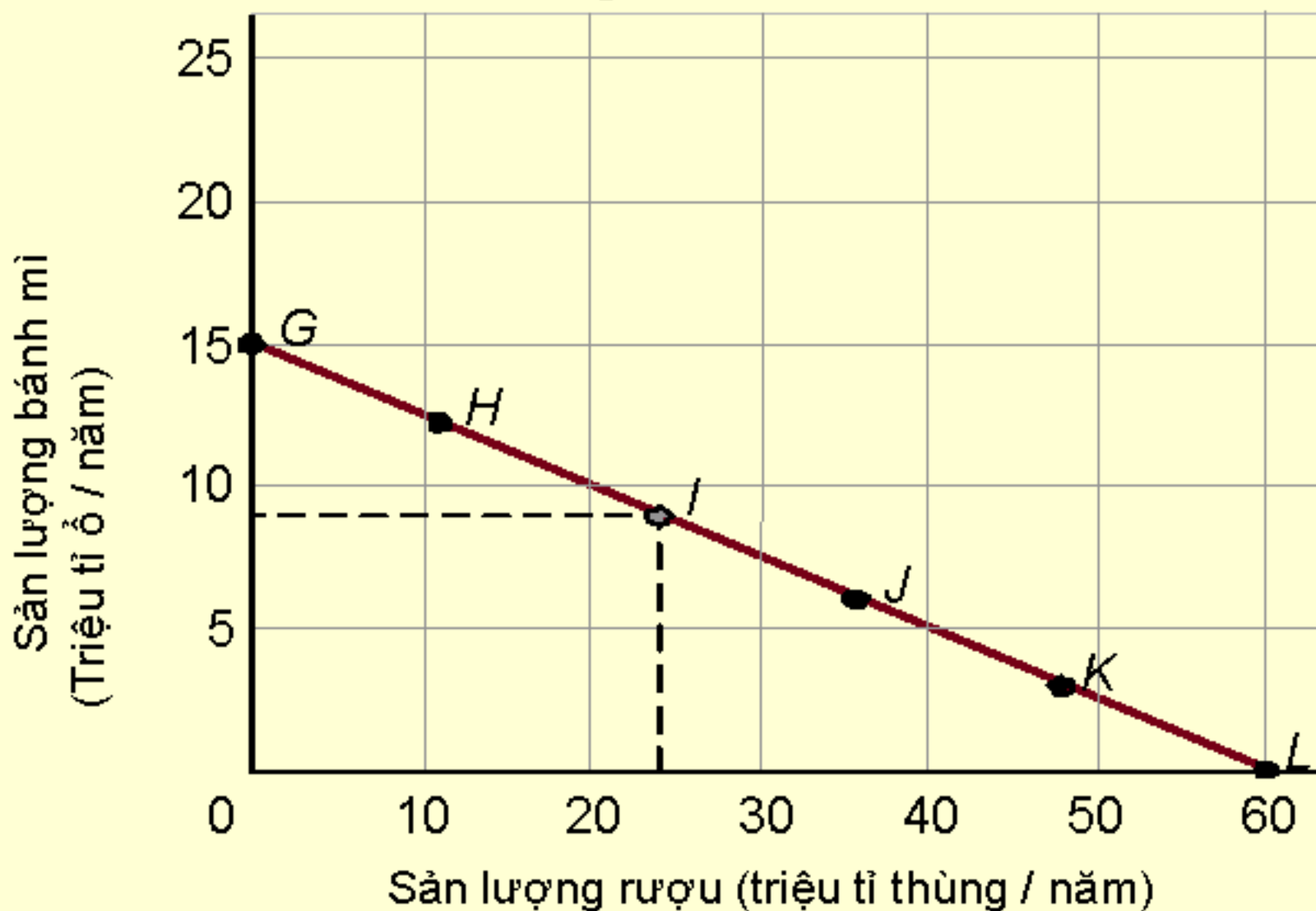
- Lợi ích của thương mại quốc tế có thể được minh họa thông qua đường PPF.
- Khi không có thương mại quốc tế, đường khả năng tiêu dùng cũng chính là đường khả năng sản xuất

Khả năng sản xuất không có thương mại



Khả năng sản xuất không có thương mại

Đường PPF của nước B



Khả năng sản xuất & tiêu dùng không có thương mại

	Bánh mì	Rượu
Nước A (ở điểm D)	40	30
Nước B (ở điểm I)	9	24
Sản lượng thế giới	49	54

Khả năng sản xuất có thương mại

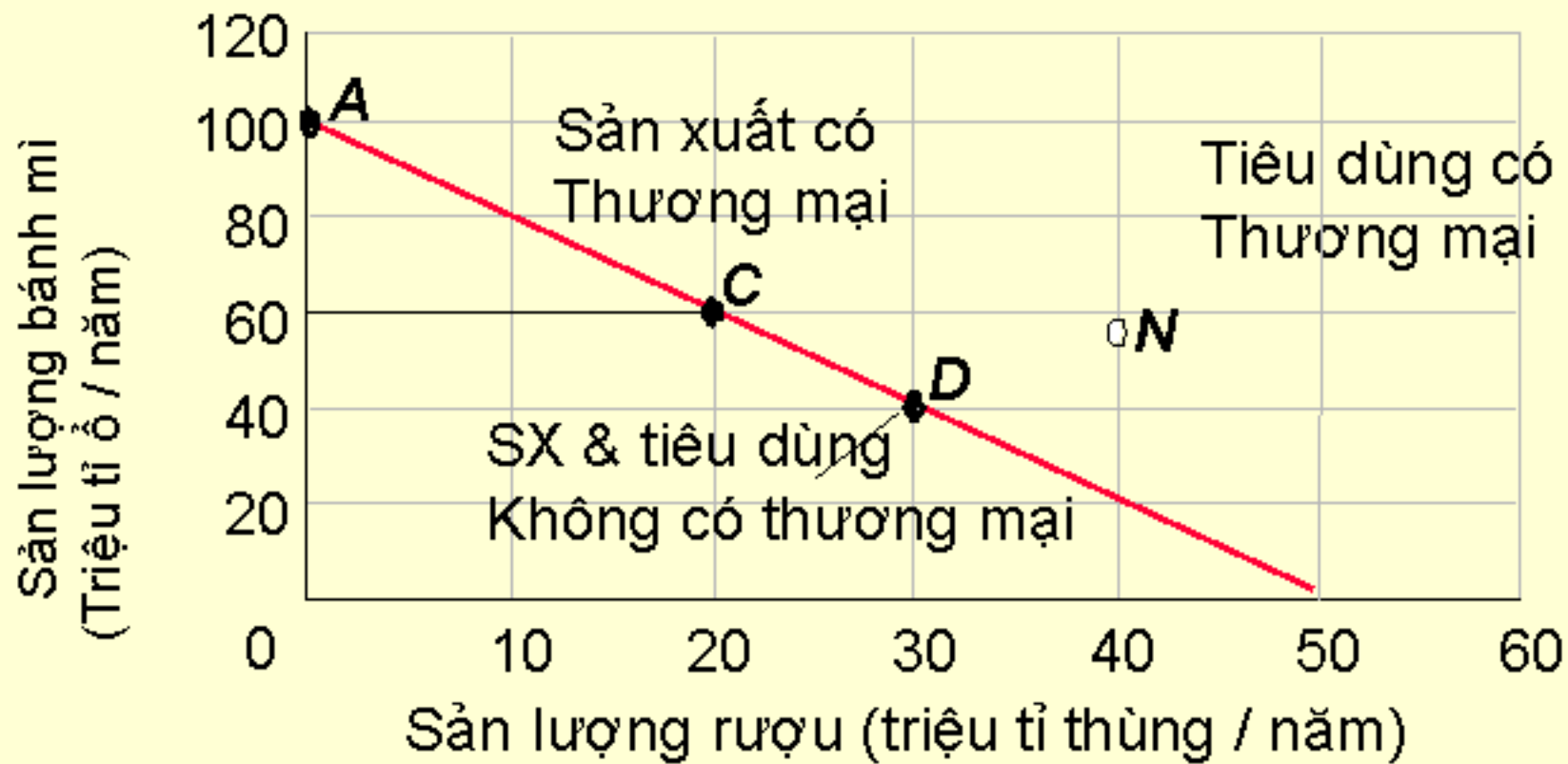
	Bánh mì	Rượu
Nước A (ở điểm C)	60	20
Nước B (ở điểm K)	3	48
Sản lượng thế giới	63	68

Lợi ích từ chuyên môn hóa

	Hỗn hợp sản Lượng cũ		Hỗn hợp sản lượng mới	
	B.mì	Rượu	B.mì	Rượu
Nước A	40 <i>(điểm D)</i>	30	60 <i>(điểm C)</i>	20
Nước B	9 <i>(điểm I)</i>	24	3 <i>(điểm K)</i>	48
Tổng sản lượng	49	54	63	68

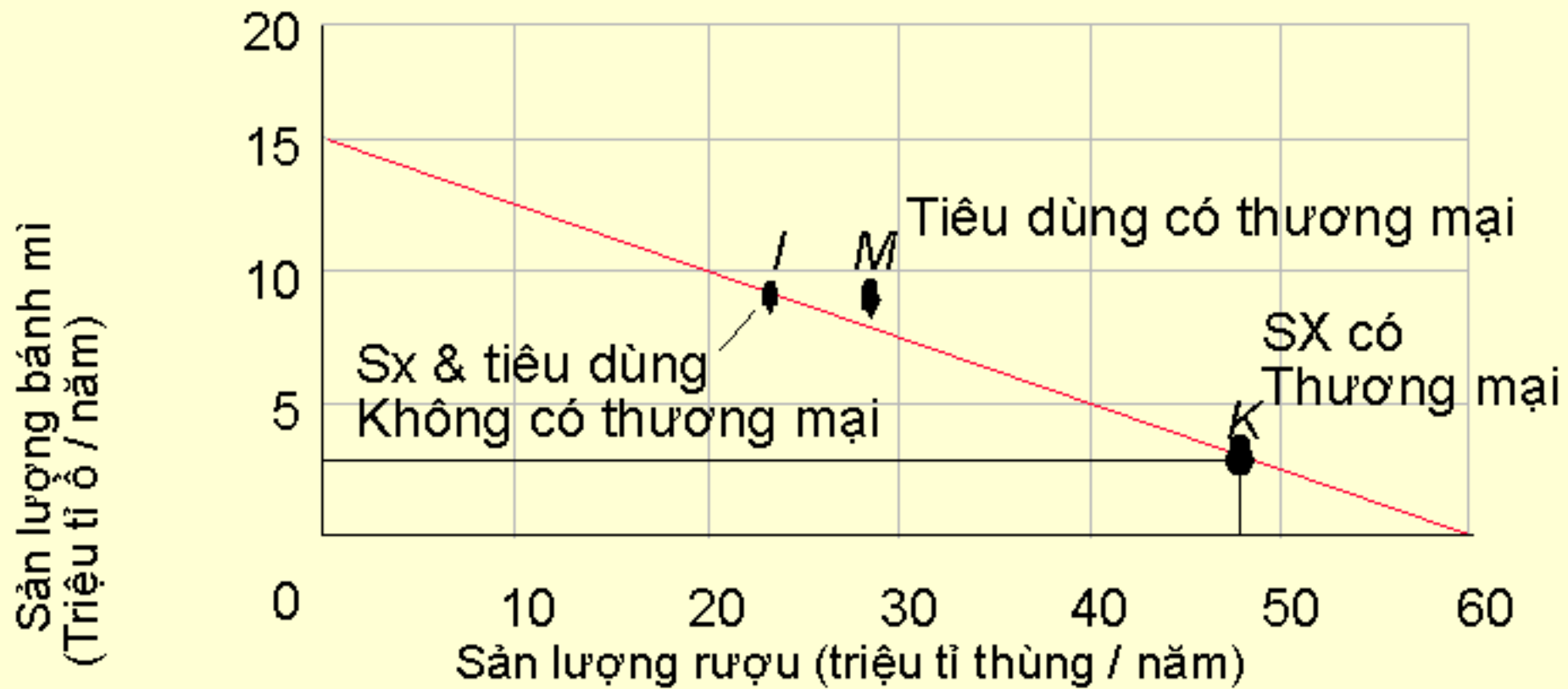
Khả năng tiêu dùng có thương mại

(a) SX & tiêu dùng của Nước A



Khả năng tiêu dùng có thương mại

(b) SX & tiêu dùng của nước B



-
- Mỗi quốc gia sản xuất ra những thứ mà nó làm tốt nhất, sau đó buôn bán với các nước khác để lấy được những hàng hóa mà nó muốn tiêu thụ.
 - Khi một nước tham gia thương mại quốc tế, khả năng tiêu thụ của nó luôn vượt quá khả năng sản xuất của nó.

Theo đuổi lợi thế so sánh

- Quyết định xuất khẩu dựa trên lợi thế so sánh (comparative advantage).
 - **Lợi thế so sánh** - khả năng của một nước sản xuất ra một hàng hóa cụ thể với chi phí cơ hội thấp hơn các đối tác buôn bán của nó.
 - **Chi phí cơ hội** - những hàng hóa chúng ta mong muốn nhất bị bỏ qua để sản xuất những thứ khác.

Theo đuổi lợi thế so sánh

- Sản lượng trên toàn thế giới và tiềm năng thu lợi từ thương mại chắc chắn sẽ được tối đa khi mỗi quốc gia theo đuổi lợi thế so sánh của mình.

Lợi thế tuyệt đối

- Lợi thế tuyệt đối (absolute advantages) là khả năng của một quốc gia sản xuất một hàng hóa cụ thể với ít nguyên liệu (trên một đơn vị sản phẩm) hơn là một quốc gia khác.
- Một lợi thế tuyệt đối sẽ không quan trọng

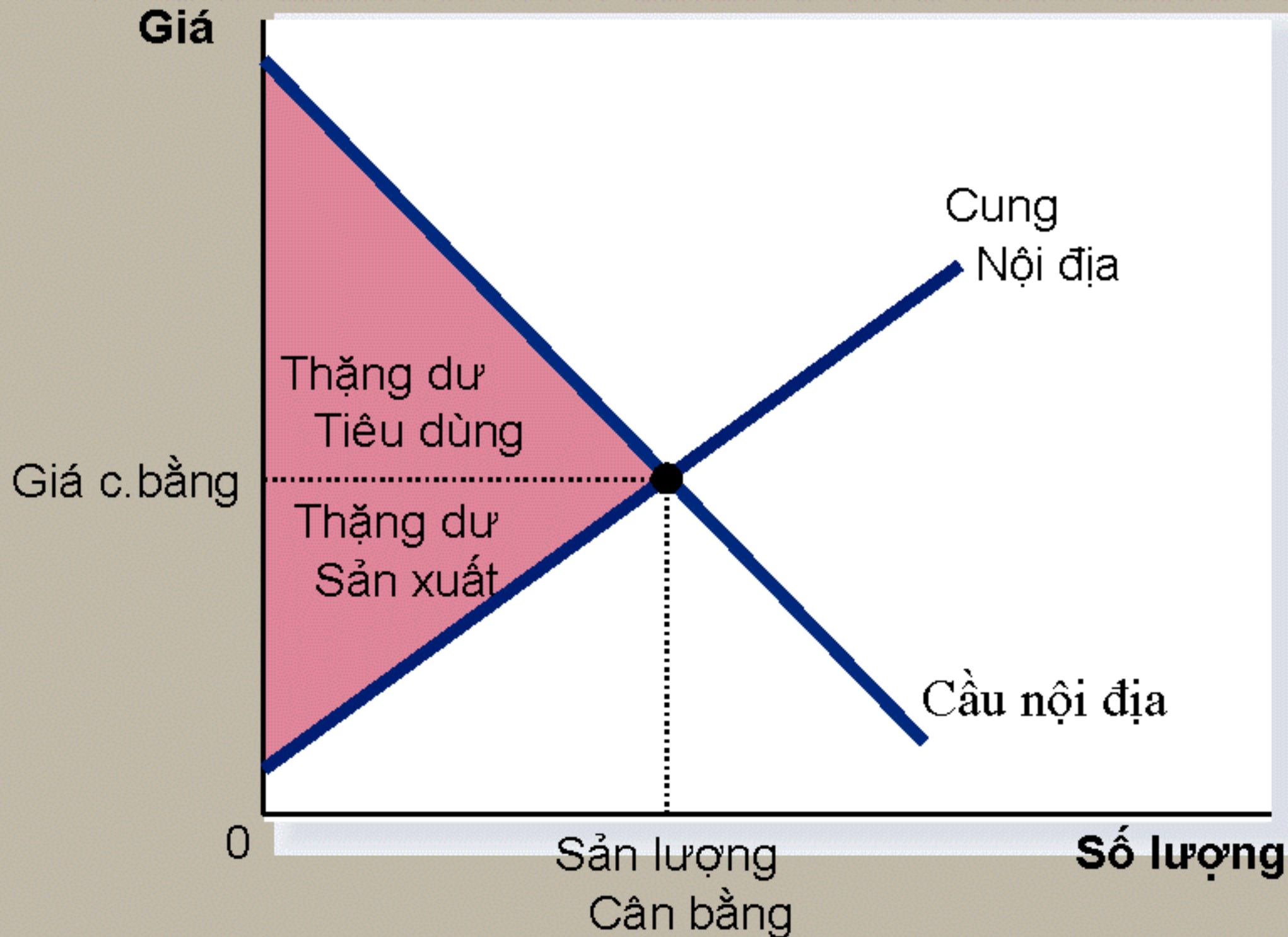
Tỷ giá thương mại

- ***Tỷ giá thương mại (Terms of trade)*** là tỷ lệ mà các hàng hóa được trao đổi – số lượng hàng hóa A đưa ra để đổi lấy hàng hóa B.
- Một quốc gia chỉ tham gia thương mại khi tỷ giá thương mại tốt hơn đối với các cơ hội trong nước.
- Tỷ giá thương mại giữa hai quốc gia sẽ nằm giữa các chi phí cơ hội trong sản xuất của họ.

The World Price and Comparative Advantage

- Nếu một quốc gia tham gia vào thương mại quốc tế, nó sẽ là quốc gia nhập khẩu hay xuất khẩu một hàng hóa nào đó?

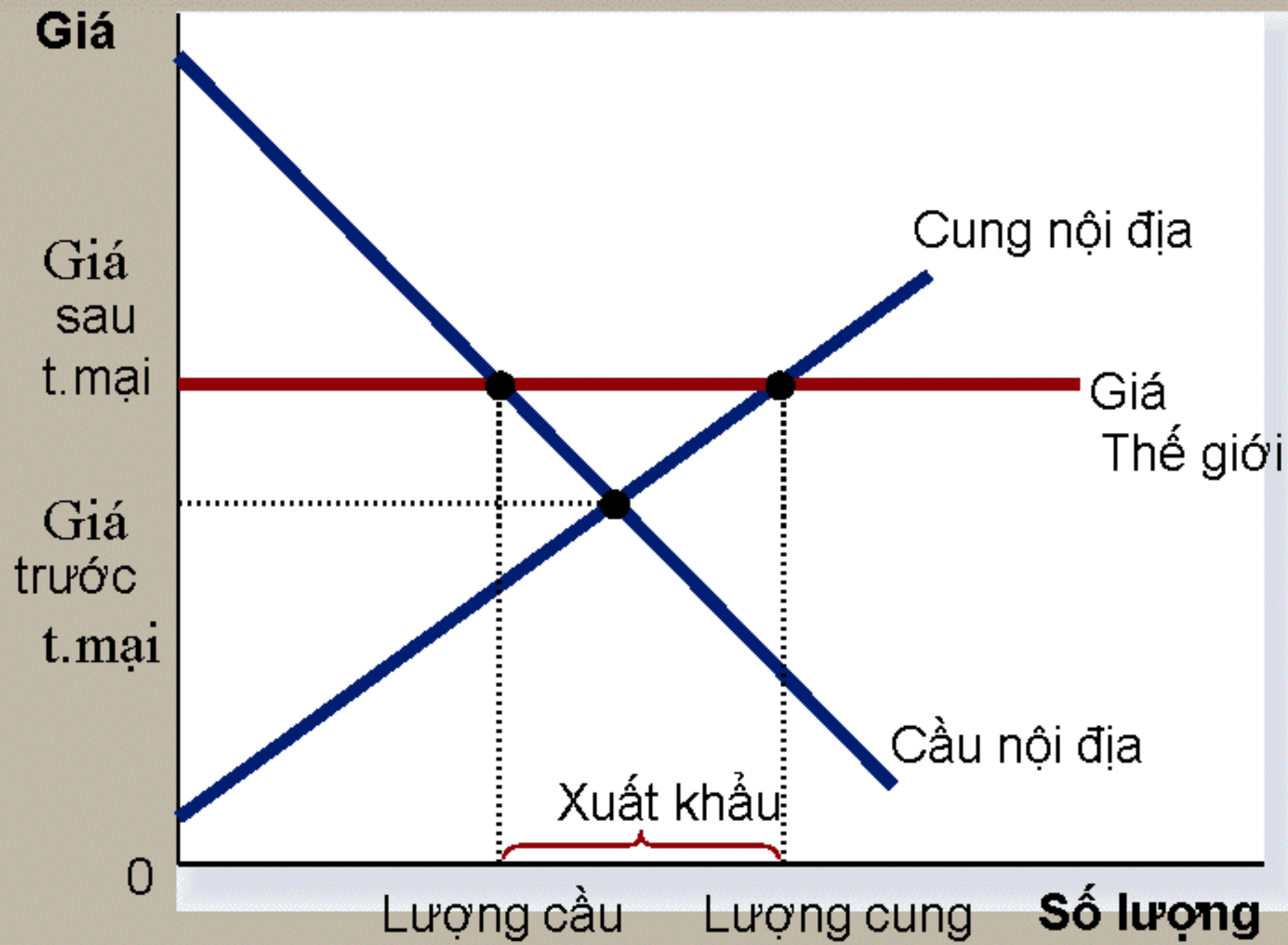
Cân bằng không có thương mại quốc tế



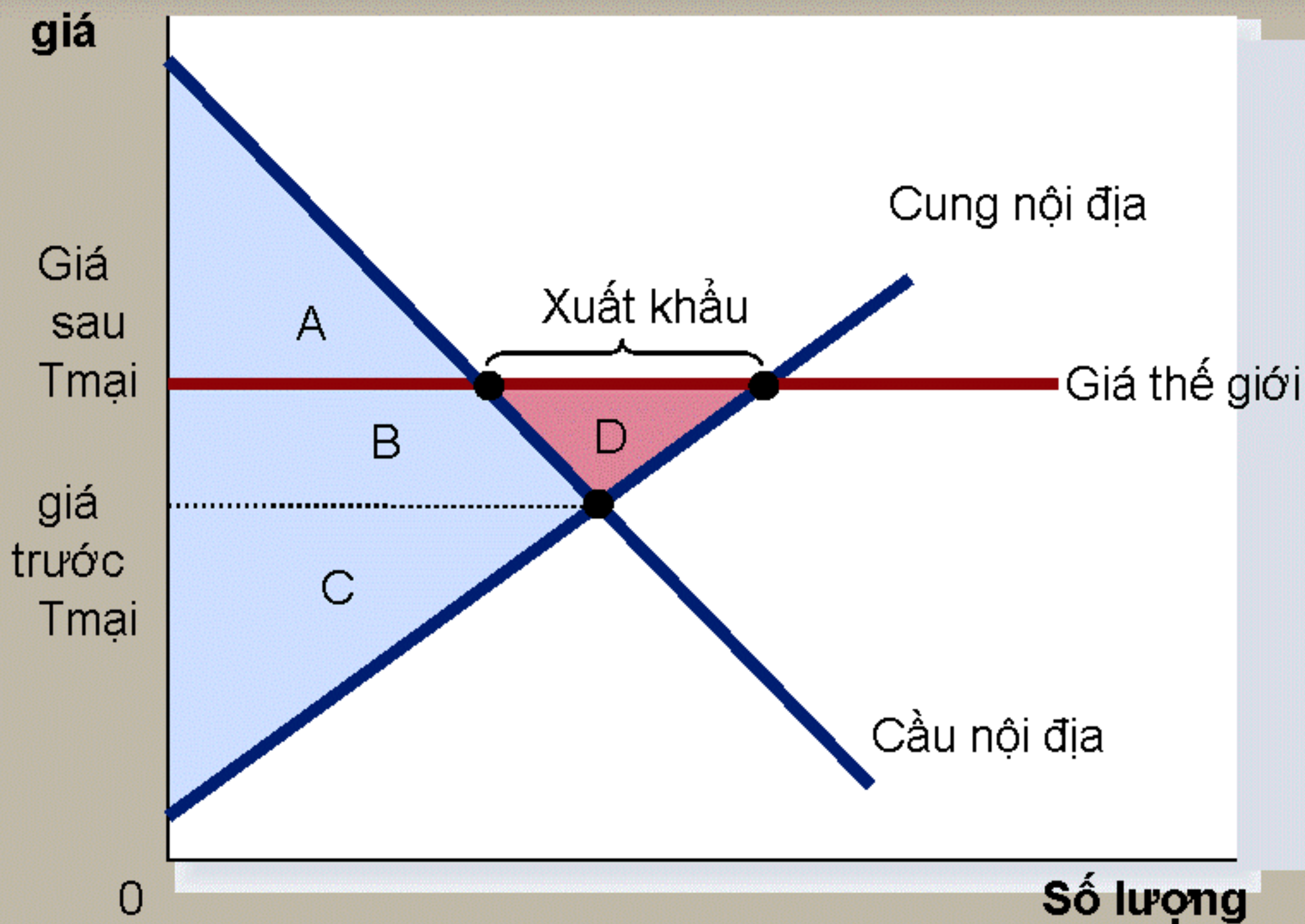
The World Price and Comparative Advantage

- Nếu một quốc gia có lợi thế so sánh, thì giá nội địa sẽ thấp hơn giá thế giới và quốc gia này sẽ là nhà xuất khẩu.

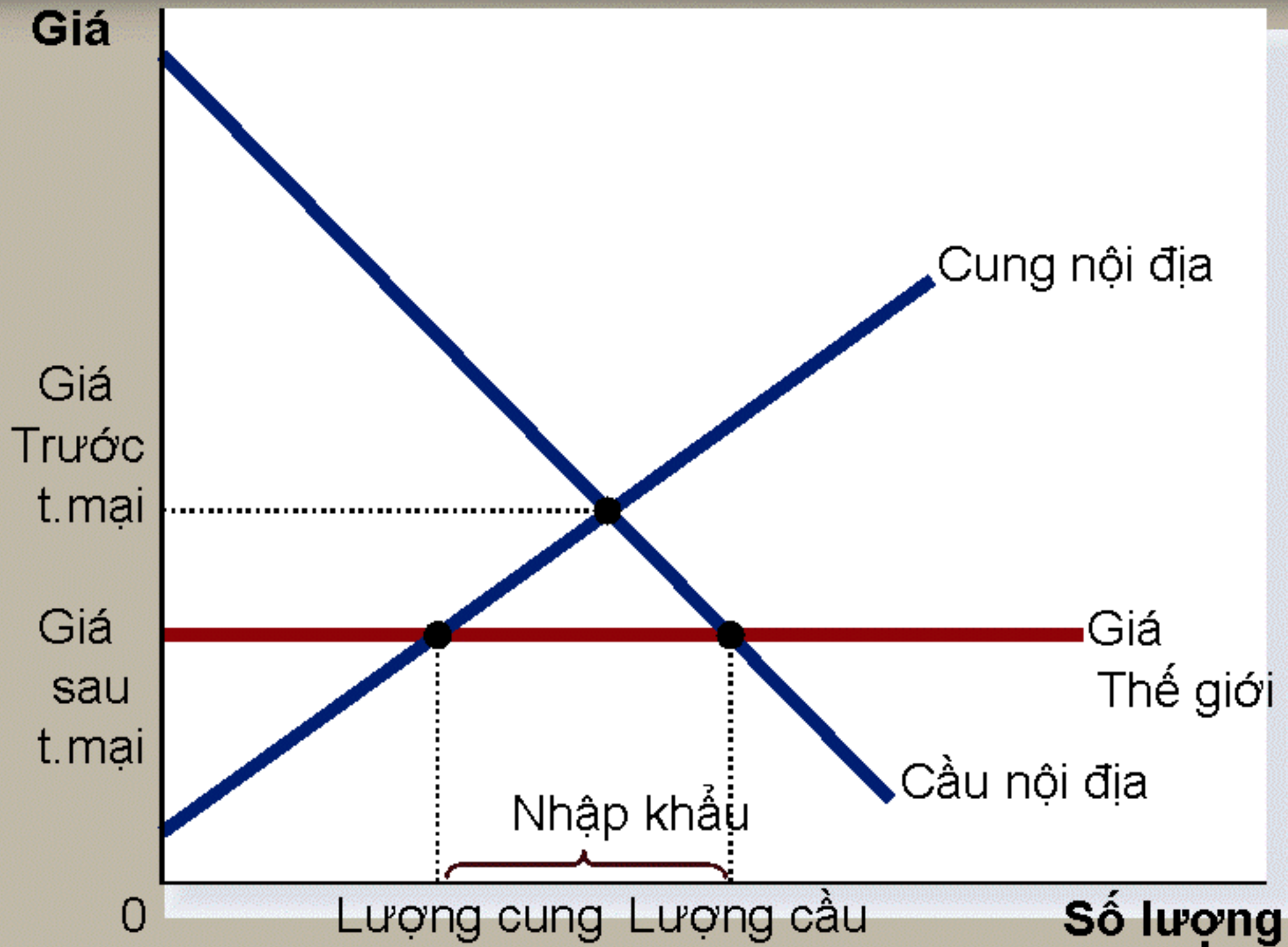
Thương mại quốc tế ở quốc gia xuất khẩu



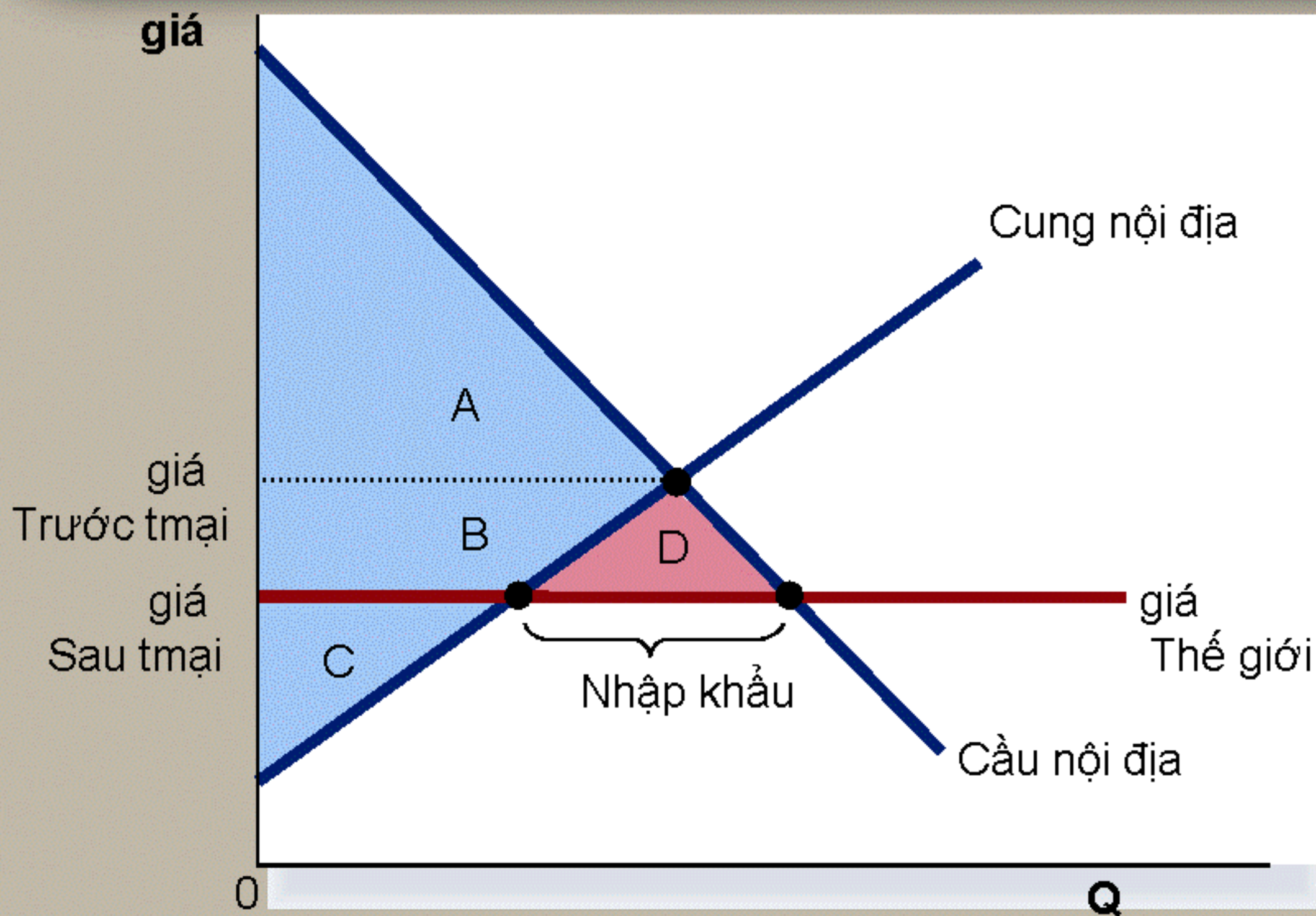
Thương mại tự do ảnh hưởng thế nào đến quốc gia XK



Thương mại quốc tế ở quốc gia nhập khẩu



Thương mại tự do ảnh hưởng thế nào đến quốc gia nhập khẩu



Một số lợi ích khác từ thương mại

- Hàng hóa đa dạng
- Chi phí sản xuất thấp hơn do lợi thế kinh tế nhờ qui mô (economies of scale)
- Tăng cạnh tranh

Áp lực bảo hộ

- Mặc dù khả năng thu lợi từ thương mại là quá rõ nhưng không phải ai cũng ủng hộ tự do thương mại.
- Các ngành SX trong nước sẽ phải cạnh tranh với hàng nhập khẩu.

Sức ép kinh tế vi mô

- Những ngành bị ảnh hưởng sẽ cố gắng hạn chế nhập khẩu để bảo vệ công việc làm và thu nhập của họ.
- Những người làm trong các ngành cạnh tranh với hàng nhập khẩu – có một lợi ích kinh tế trong việc hạn chế thương mại.
- Thương mại không chỉ thay đổi mức hỗn hợp sản lượng mà còn phân phối lại thu nhập từ các ngành cạnh tranh với nhập khẩu sang các ngành xuất khẩu.

Lợi ích rỗng

- Những hạn chế thương mại được lập ra để bảo vệ những lợi ích kinh tế vĩ mô cụ thể làm giảm tổng lợi ích có từ thương mại quốc tế.

Các sức ép khác

- An ninh quốc gia
- Chống bán phá giá (*Dumping*)
- Bảo vệ các ngành non trẻ

Thuế nhập khẩu (Tariffs)

- Một hạn chế thương mại thường xuyên được sử dụng là thuế nhập khẩu.
- Thuế nhập khẩu làm chúng đắt đỏ hơn với người tiêu dùng nội địa và như vậy làm cho chúng kém sức cạnh tranh hơn so với hàng sản xuất trong nước.

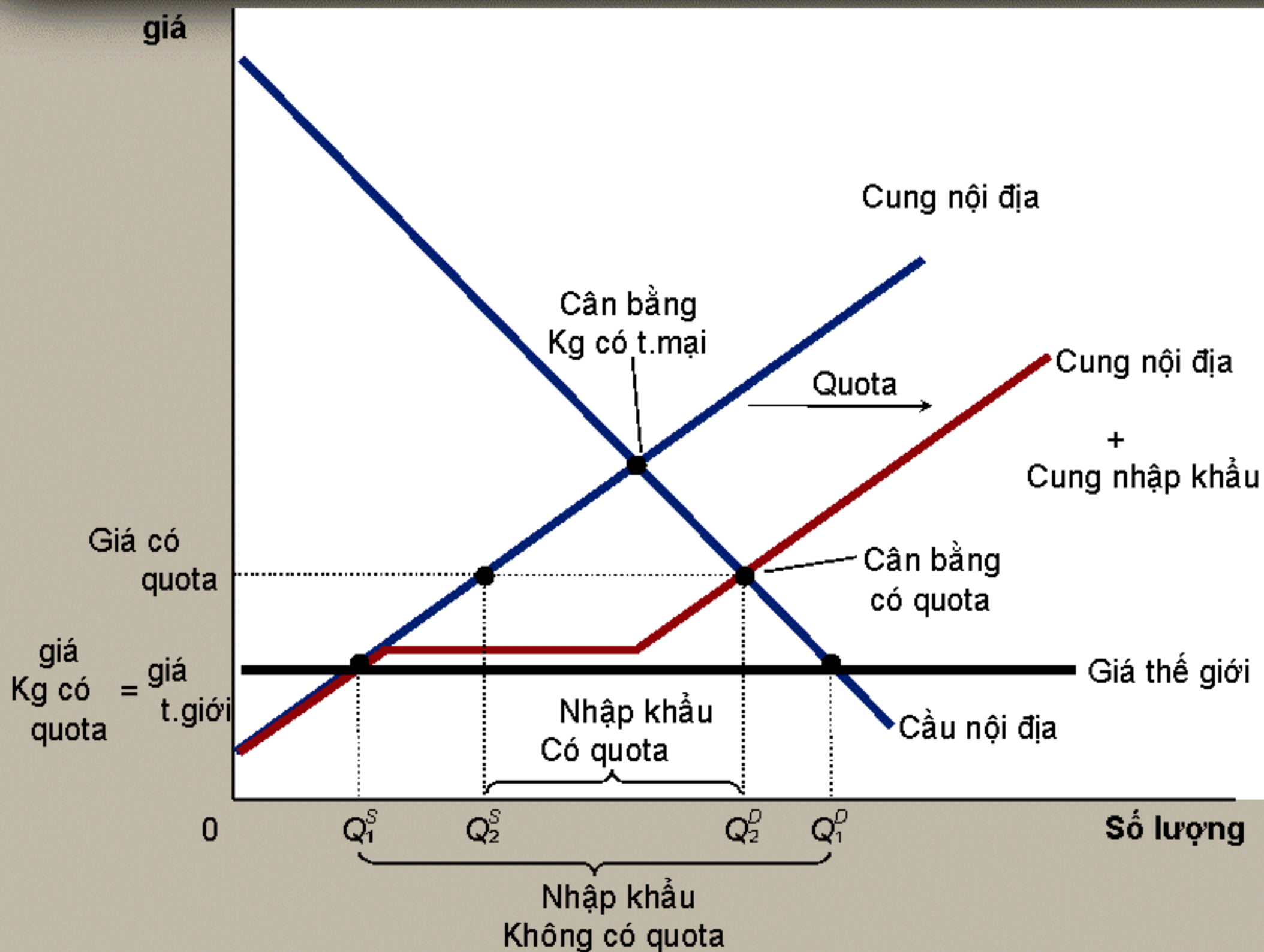
Thuế nhập khẩu

- Thuế nhập khẩu sẽ chuyển giao vấn đề thất nghiệp cho quốc gia khác → giảm mua hàng XK của chúng ta.
- Khi các quốc gia khác dùng thuế quan để trả đũa thì thương mại thế giới sẽ giảm sút và thất nghiệp sẽ tăng lên ở tất cả các quốc gia.

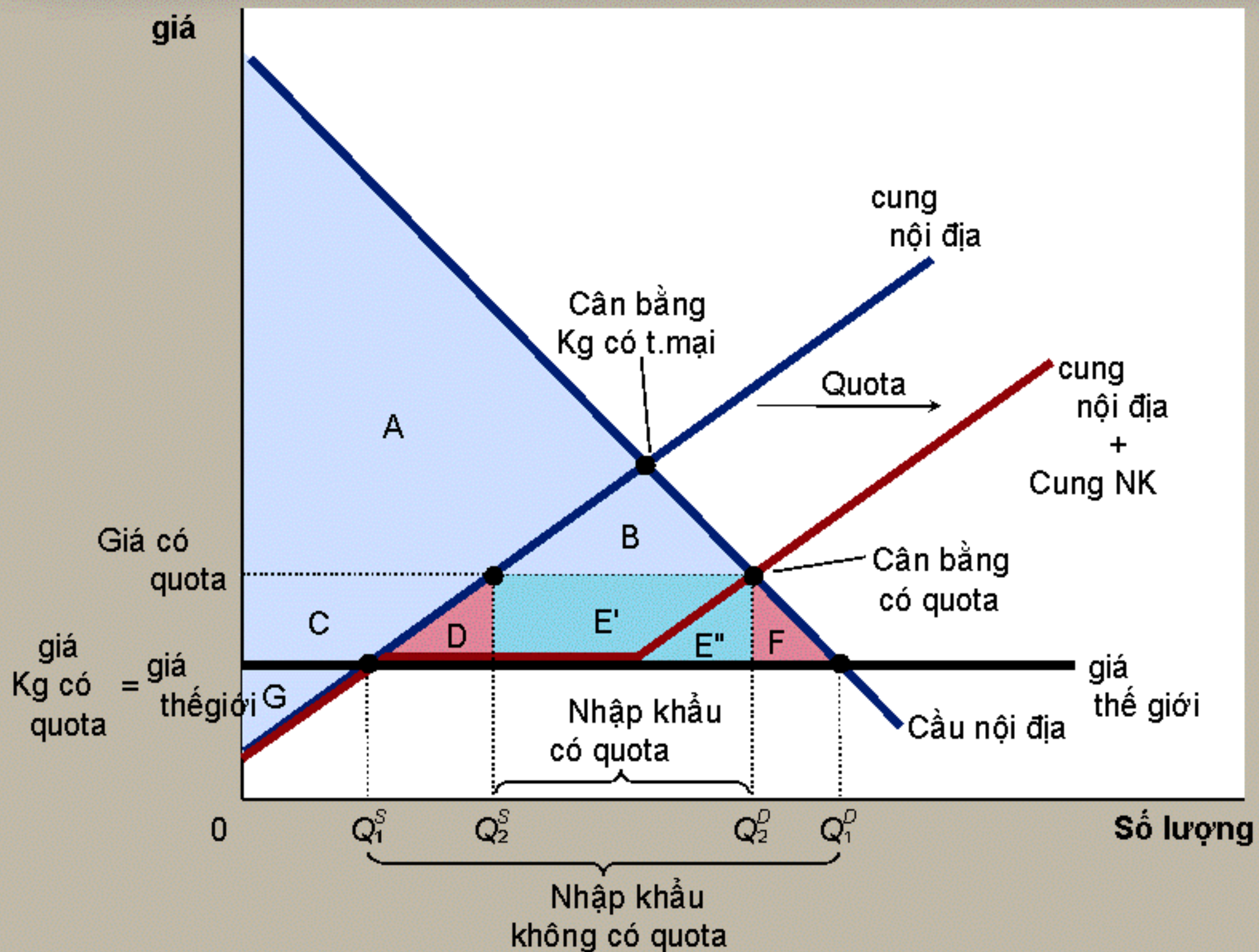
Hạn ngạch (Quotas)

- Hạn ngạch NK: giới hạn số lượng một loại hàng hóa cố định được nhập khẩu trong một thời kỳ nhất định.

Ảnh hưởng của hạn ngạch



Ảnh hưởng của hạn ngạch



Một số rào cản khác

- Hiệp định hạn chế tự nguyện (***voluntary restraint agreement - VRA***) là một sự thỏa thuận nhằm giảm lượng buôn bán một hàng hóa cụ thể - một hạn ngạch tự nguyện.
- Các hàng rào phi thuế quan (Nontariff Barriers)

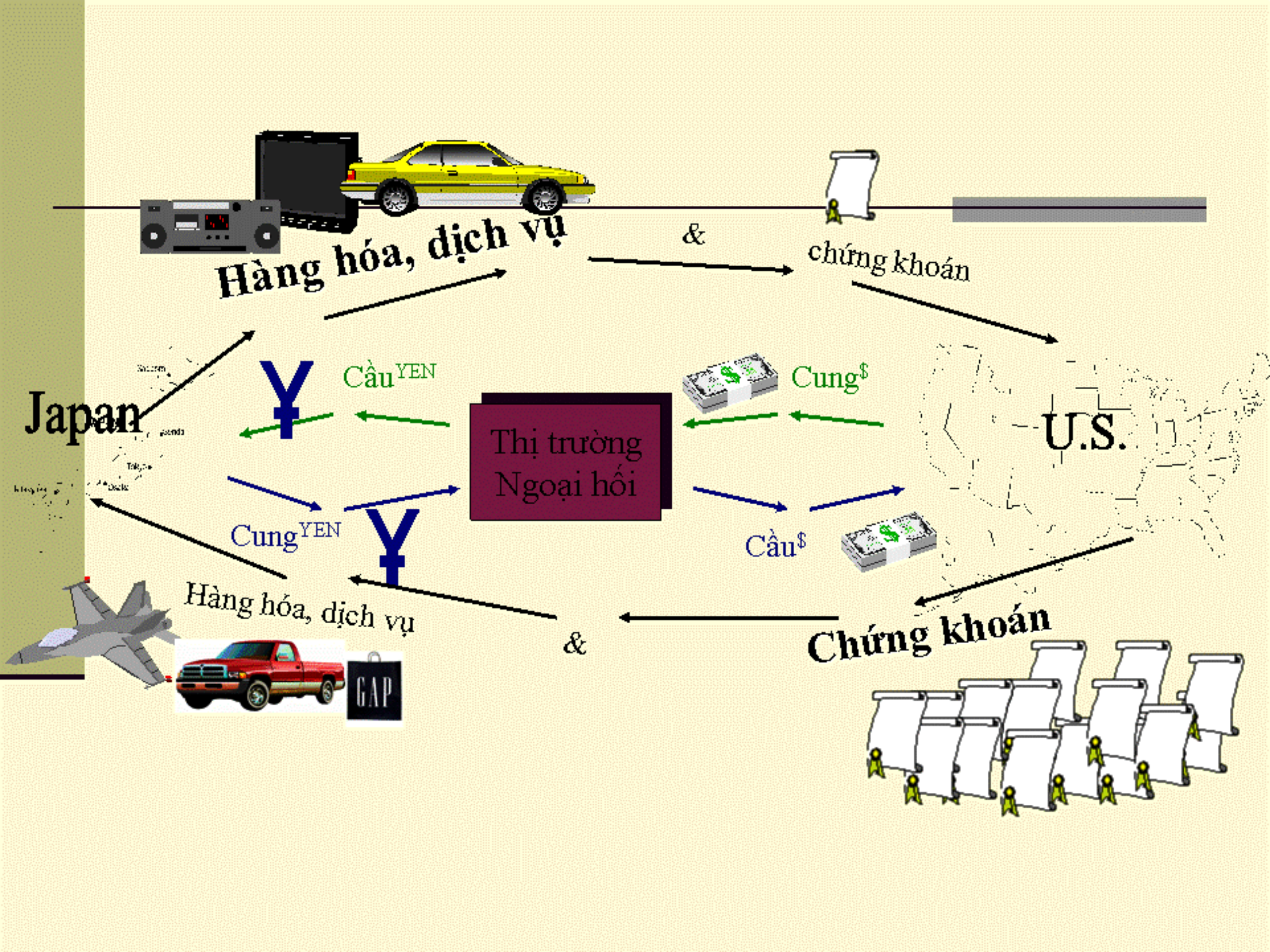
Các thỏa hiệp chung trong thương mại quốc tế

- GATT / WTO
- EU
- NAFTA
- AFTA

Exchange Rates



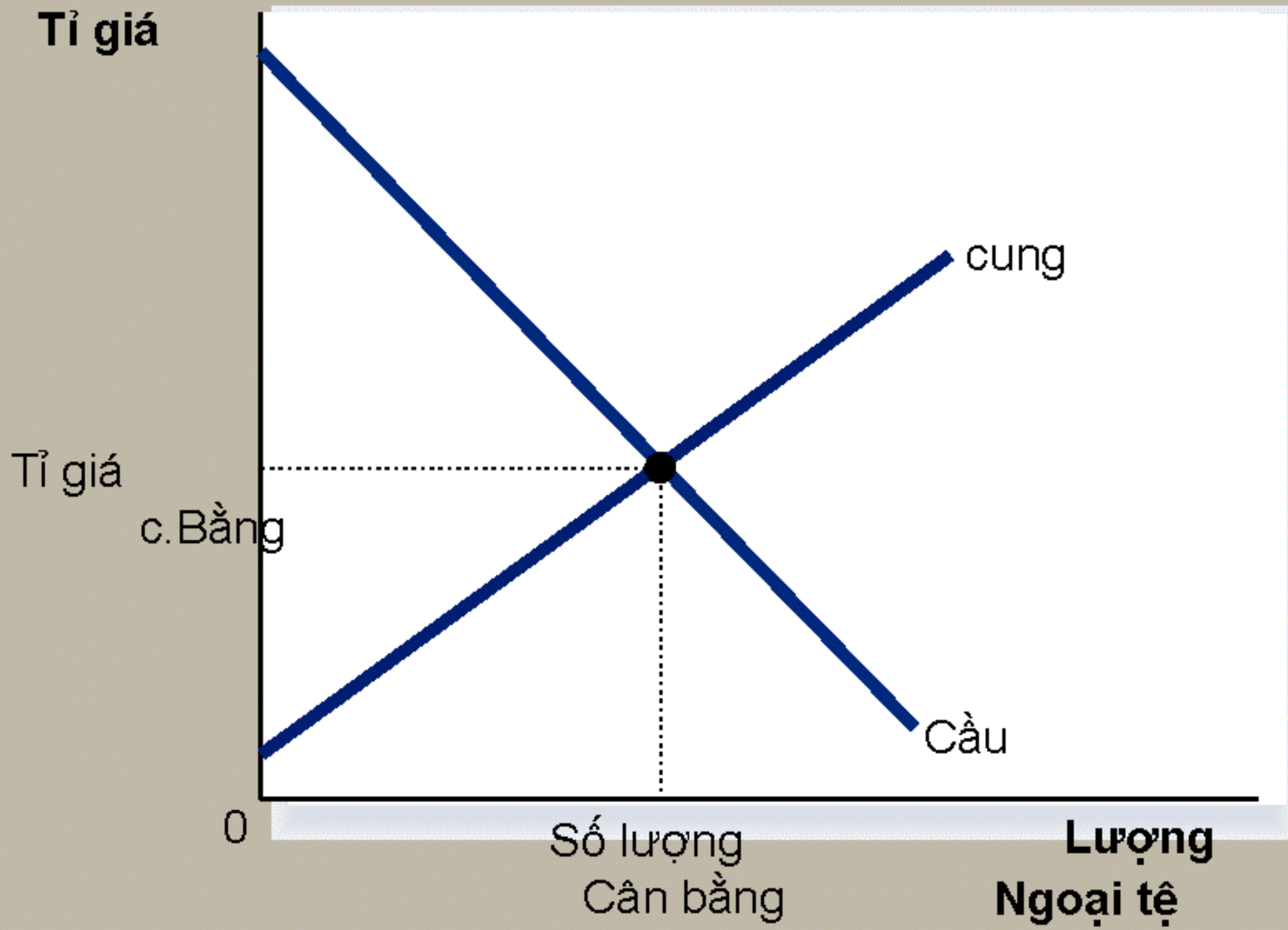
Tỷ giá hối đoái



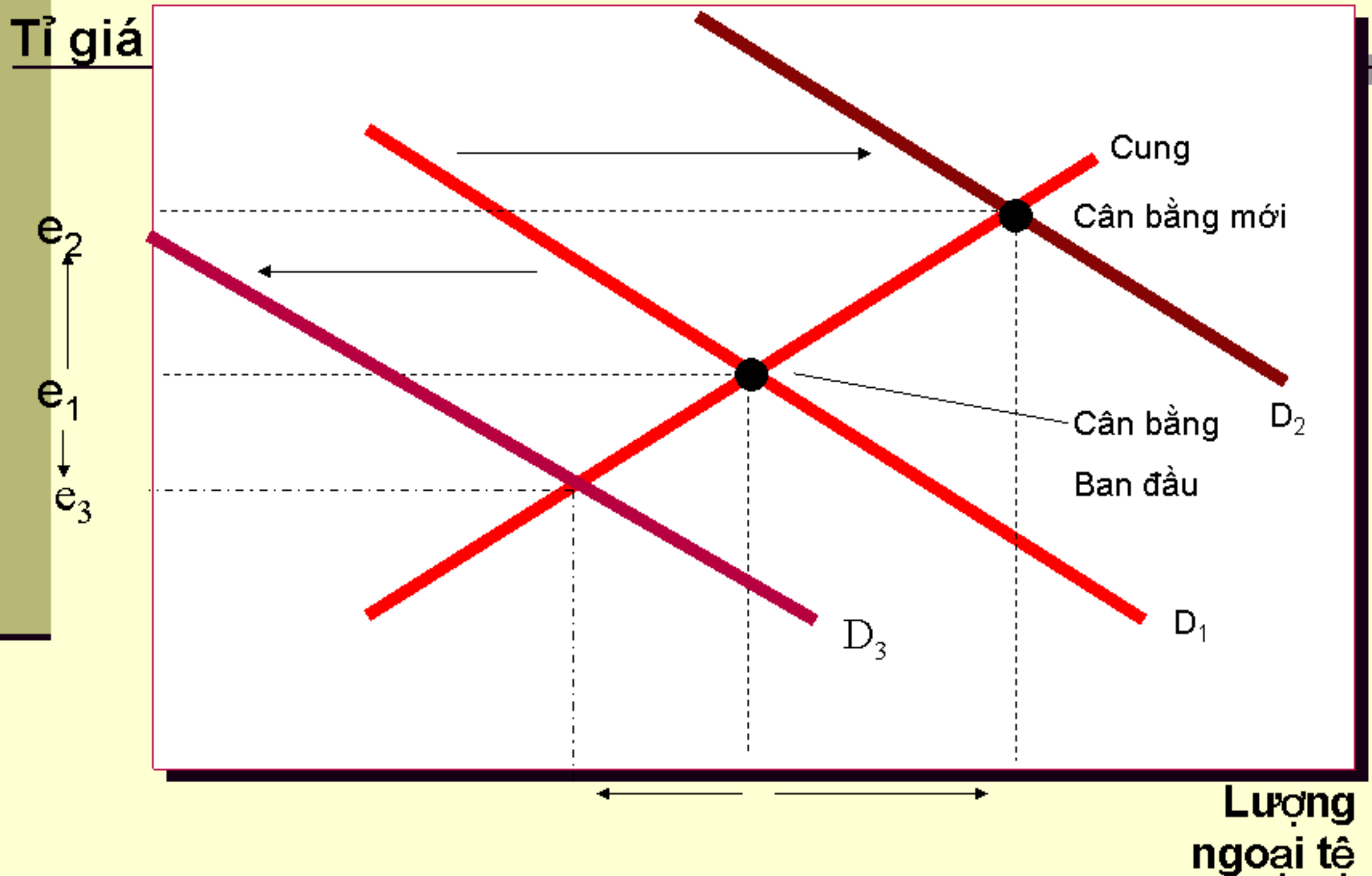
Định nghĩa tỉ giá hối đoái

- **TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI:** là tỷ lệ trao đổi giữa đồng tiền trong nước với đồng tiền nước ngoài hay nó là giá của đồng tiền một nước được thể hiện bằng đồng tiền của nước khác.

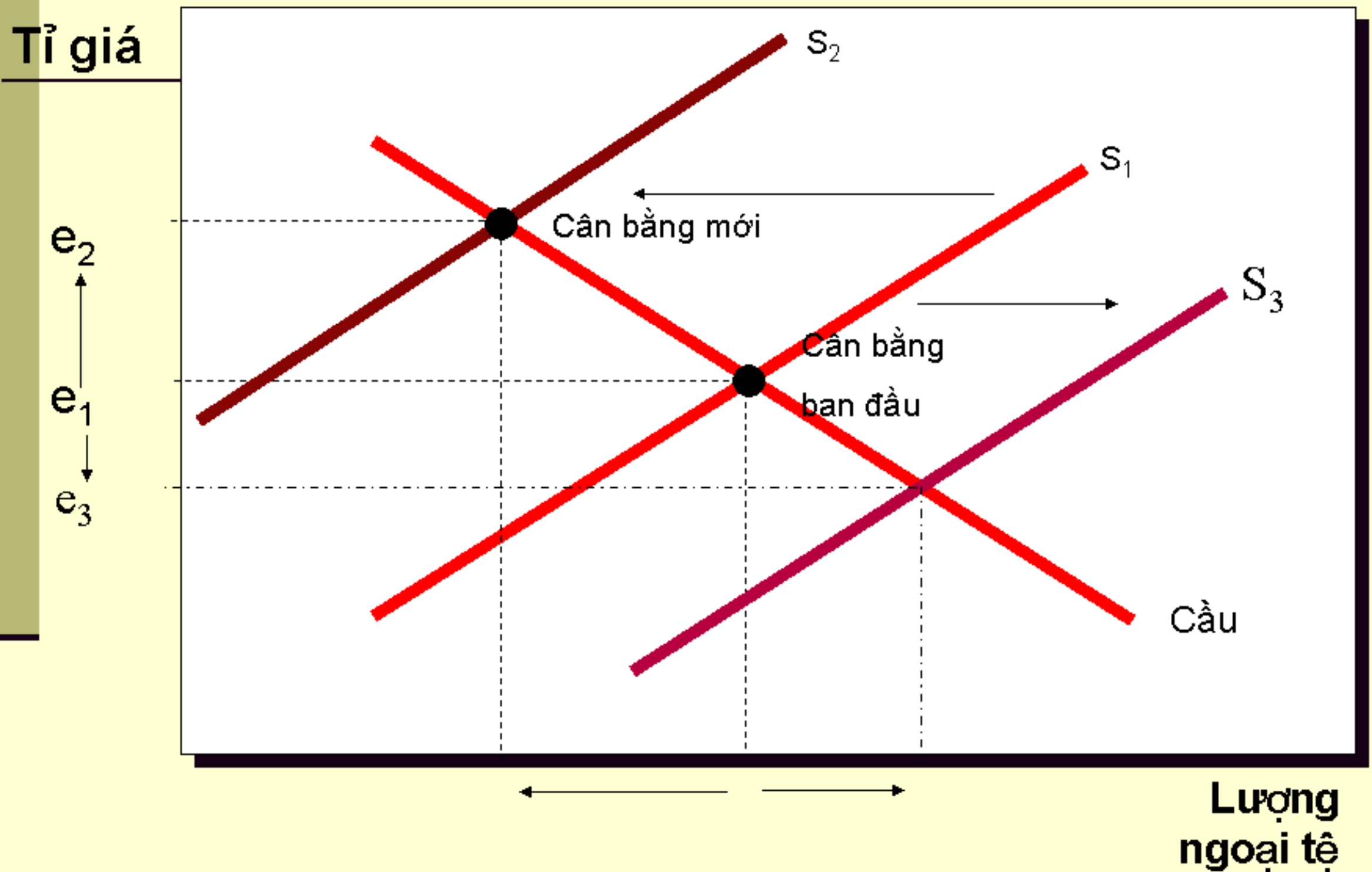
Xác định tỉ giá



Tăng (giảm) cầu ảnh hưởng tỉ giá cân bằng



Tăng (giảm) cung ảnh hưởng tỉ giá cân bằng



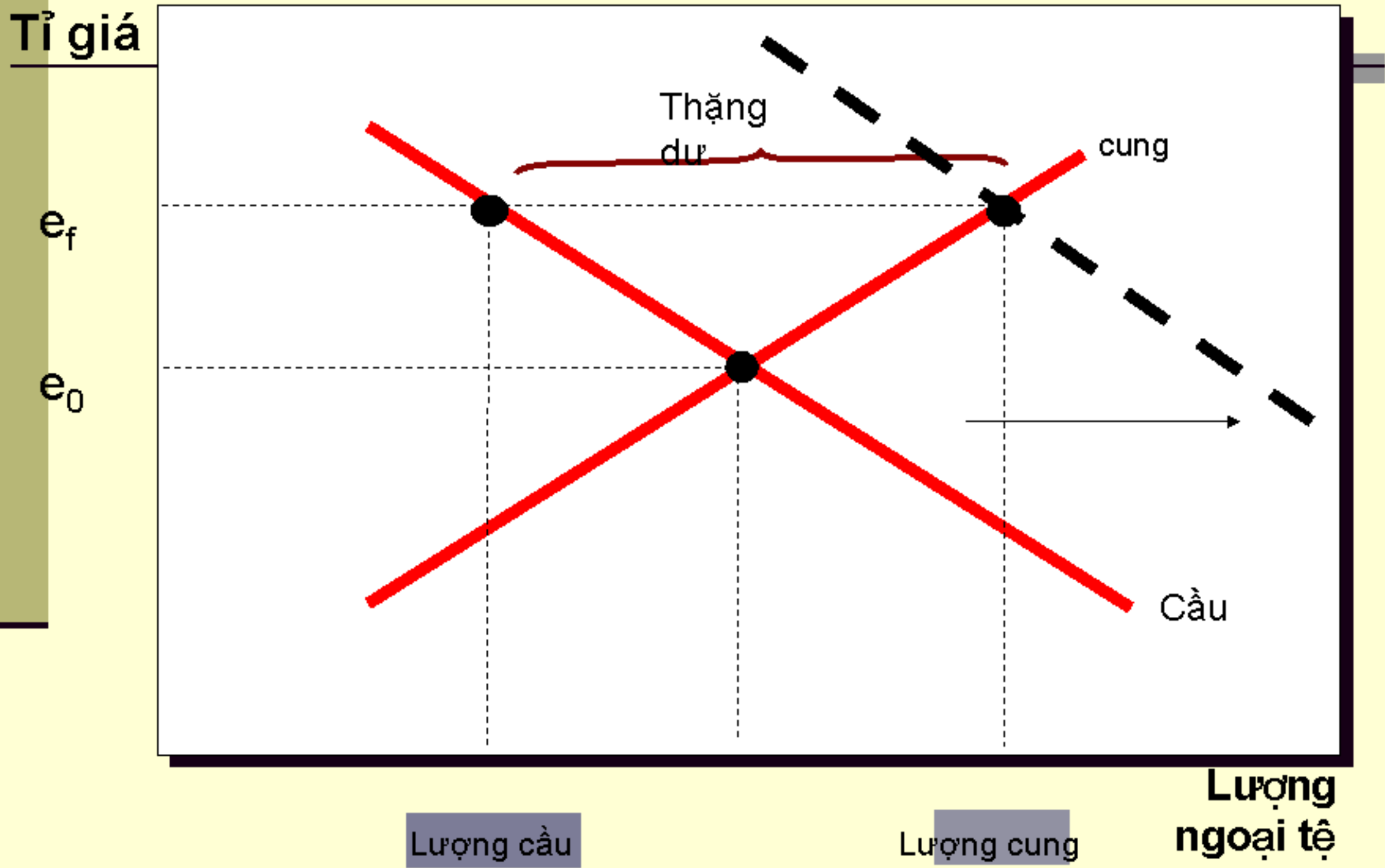
Những lực lượng thị trường

- Một số nguyên nhân quan trọng làm dịch chuyển đường cung hoặc cầu ngoại tệ:
 - Tương quan thu nhập thay đổi.
 - Tương quan giá cả thay đổi.
 - Thay đổi trong sản phẩm sẵn có.
 - Tương quan lãi suất thay đổi.
 - Đầu cơ.

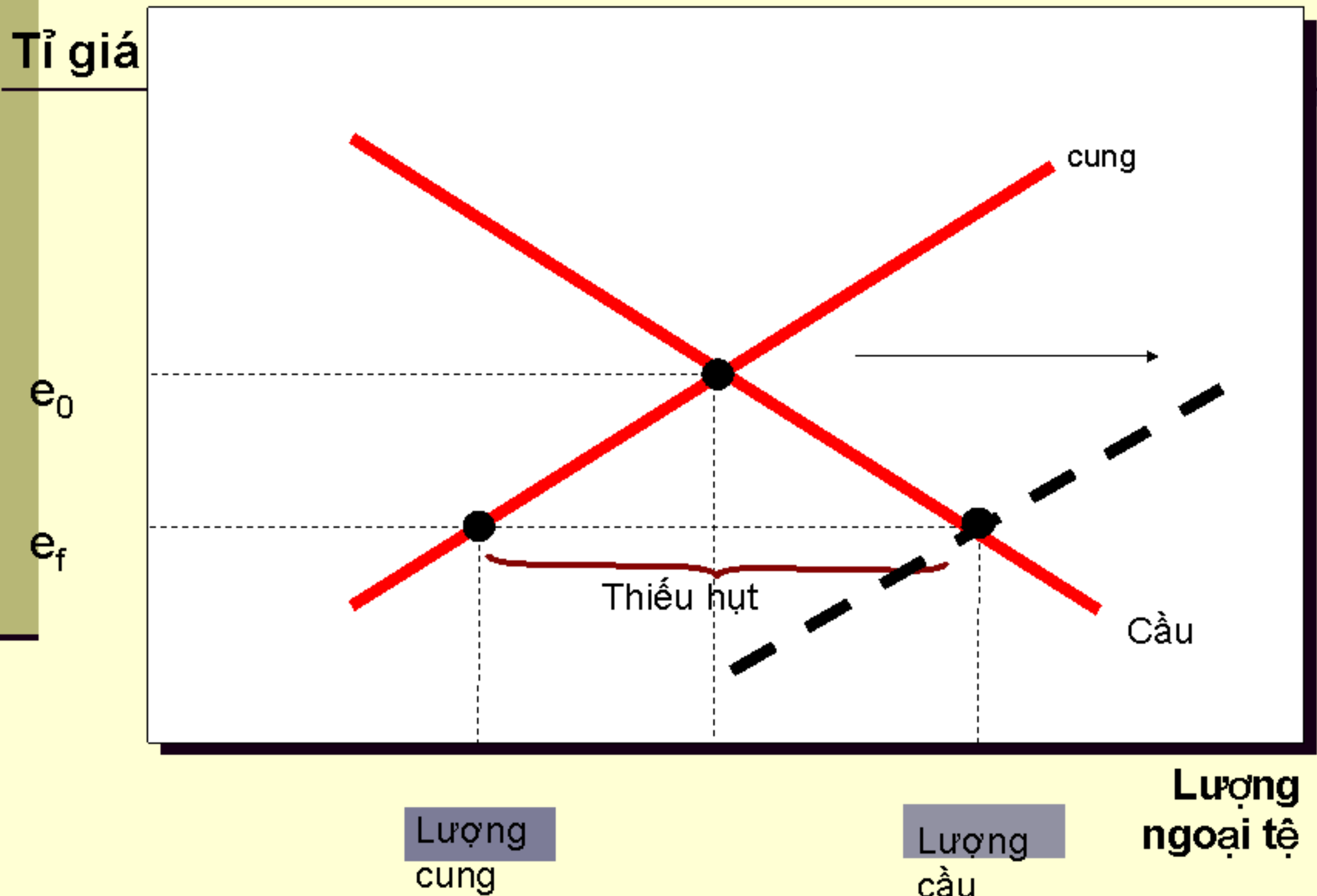
Ảnh hưởng của sự thay đổi tỉ giá đến XNK

Tỷ giá hối đoái	$e = 15.000$	$e = 16.000$
Giá tôm (USD)	10	9,375
Giá máy tính	15.000.000	16.000.000

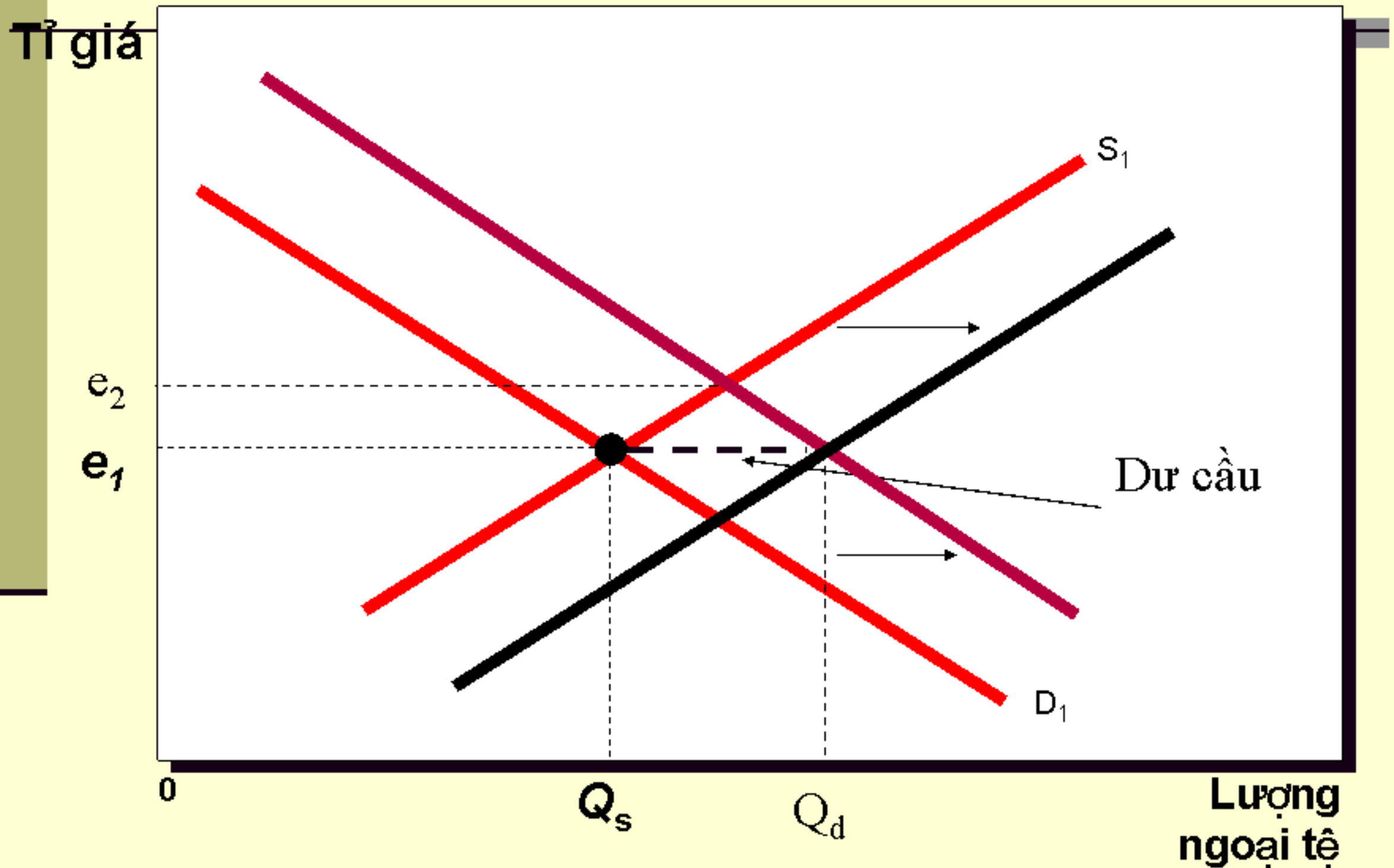
Tỉ giá cố định a): dư cung



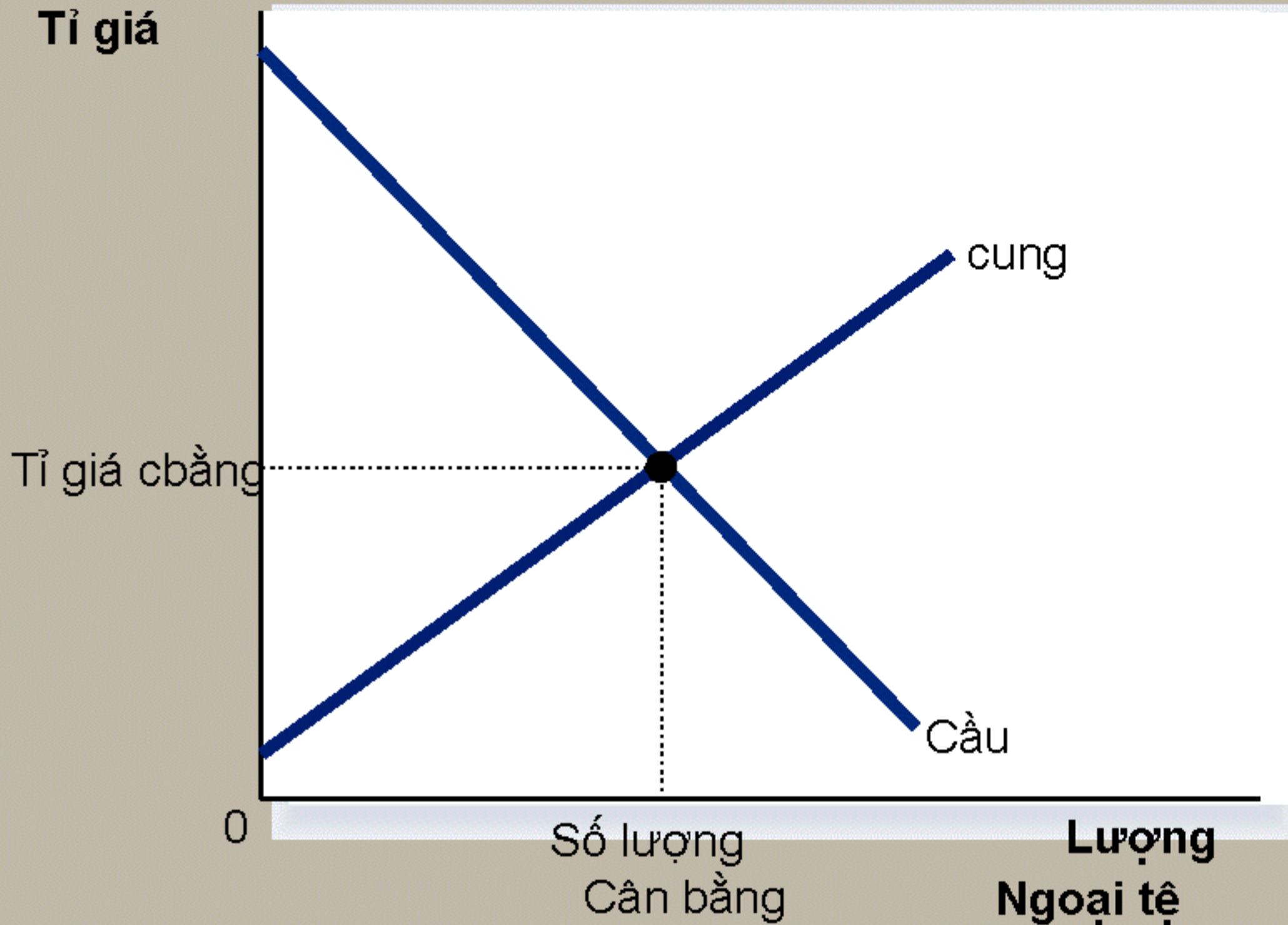
Tỉ giá cố định b): dư cầu



Tỉ giá cố định & thâm hụt cán cân thanh toán



Tỉ giá thả nổi



Ảnh hưởng của sự thay đổi tỉ giá

- Hiệu ứng đường cong chữ J
- Ảnh hưởng đến giá hàng nội địa
- Ảnh hưởng đến nợ nước ngoài.

Tỷ giá hối đoái thực

Tỷ giá hối đoái thực = tỷ giá hối đoái danh nghĩa \times (giá hàng nước ngoài tính bằng ngoại tệ / giá hàng trong nước tính bằng nội tệ)

Tỷ giá thực tăng \rightarrow tăng khả năng cạnh tranh của hàng trong nước và ngược lại.

KẾT THÚC





Tăng trưởng kinh tế

Chương 7

Tăng trưởng

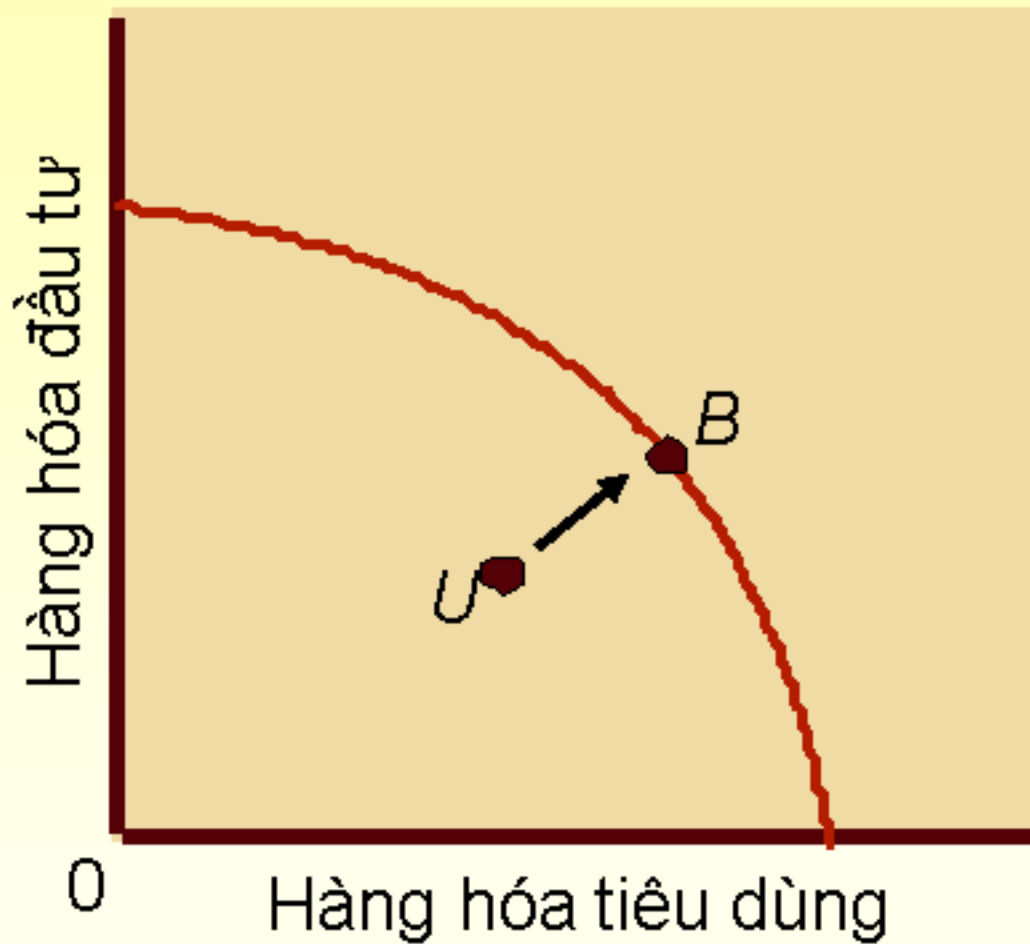
Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng sản lượng thực của nền kinh tế.

2 cách làm tăng sản lượng:

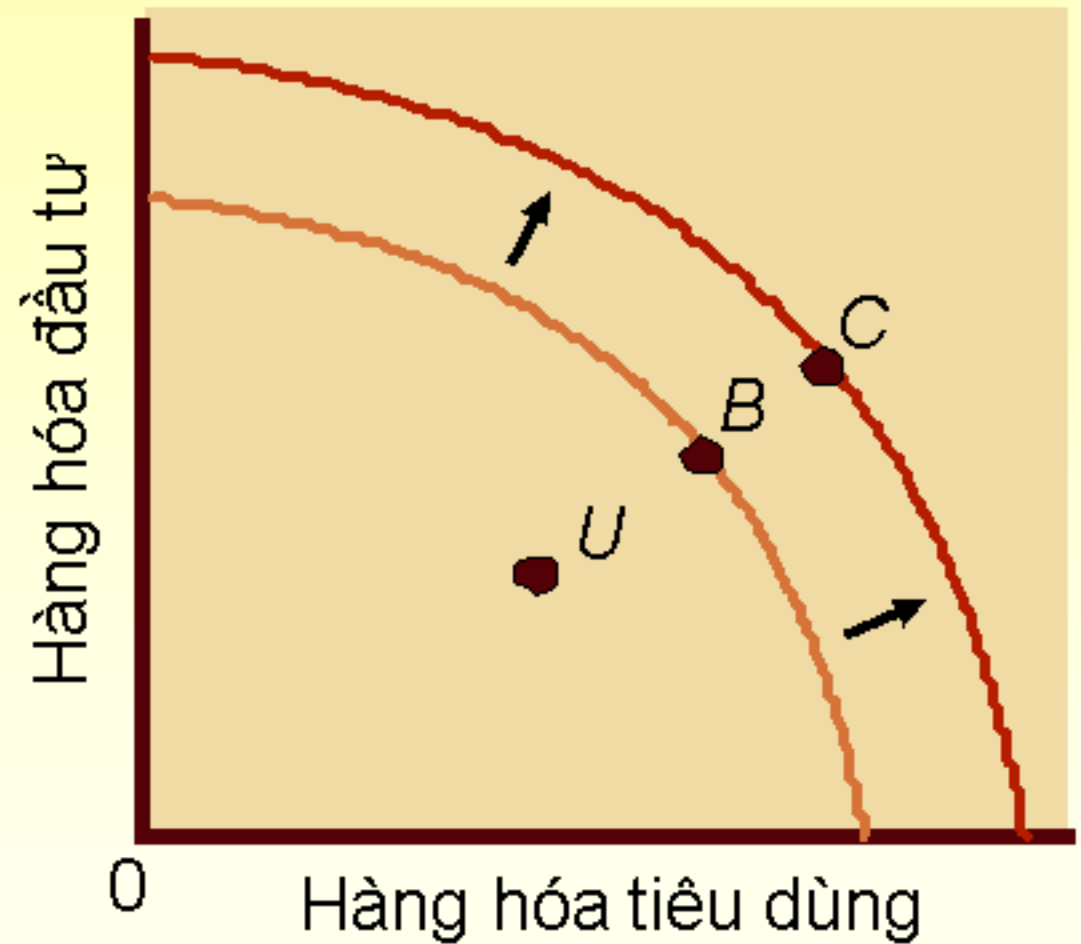
- Tăng sử dụng năng lực sản xuất hiện có**
- Mở rộng năng lực sản xuất**

Tăng trưởng

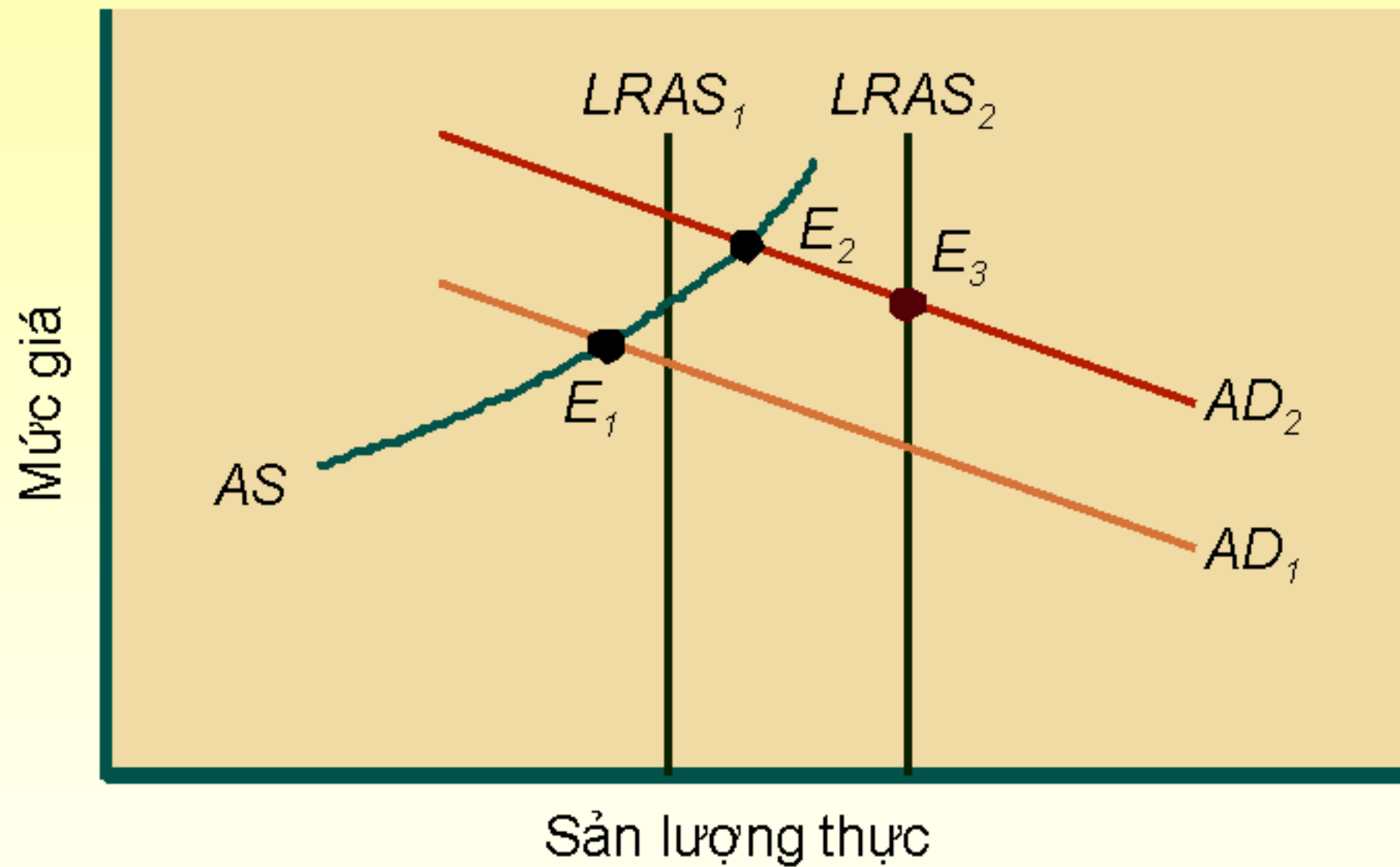
Ngắn hạn: tăng sử dụng năng lực hiện có



Dài hạn: mở rộng năng lực sản xuất



Dịch chuyển đường cung dài hạn



Đo lường tăng trưởng kinh tế

$$V(t) = \frac{\text{Chỉ tiêu năm}(t) - \text{chỉ tiêu năm}(t-1)}{\text{Chỉ tiêu năm}(t-1)} 100$$

$$\bar{V} = \left(\sqrt[n-1]{\frac{\text{Chỉ tiêu ở năm cuối}}{\text{Chỉ tiêu ở năm đầu}}} - 1 \right) 100$$

Các yếu tố tạo ra tăng trưởng kinh tế

- ❖ **Năng suất là yếu tố quyết định mức sống của một quốc gia.**
- ❖ **Các yếu tố quyết định năng suất:**
 - ◆ **Vốn hiện vật**
 - ◆ **Vốn nhân lực**
 - ◆ **Tài nguyên thiên nhiên**
 - ◆ **Tri thức công nghệ**

Tăng trưởng kinh tế và chính sách của chính phủ

- ◆ **Khuyến khích tiết kiệm và đầu tư**
- ◆ **Khuyến khích đầu tư từ nước ngoài**
- ◆ **Khuyến khích giáo dục và đào tạo**
- ◆ **Thiết lập quyền sở hữu tài sản và ổn định chính trị.**

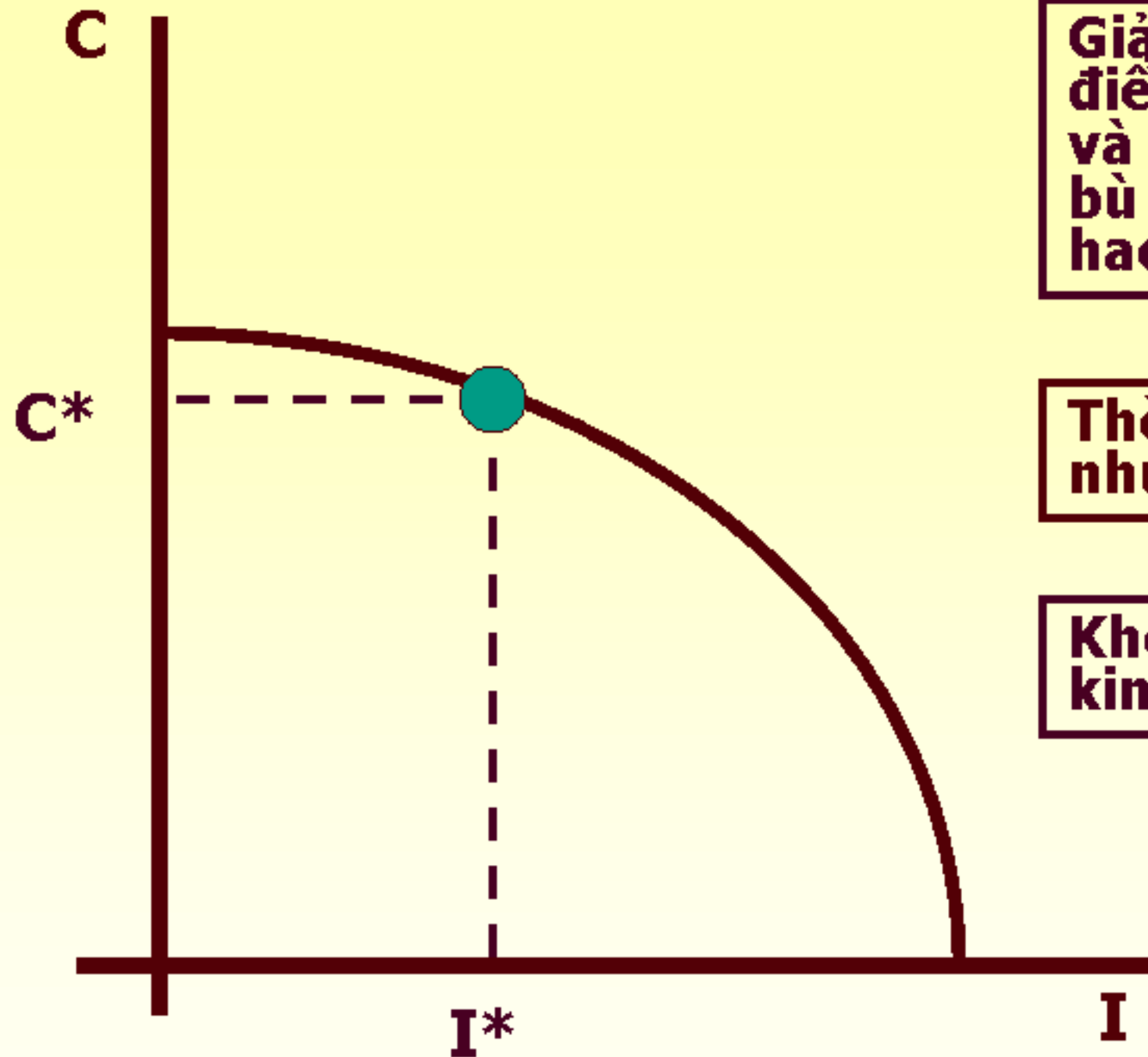
Tăng trưởng kinh tế và chính sách của chính phủ

- ◆ **Thúc đẩy thương mại tự do.**
- ◆ **Kiểm soát tốc độ tăng dân số.**
- ◆ **Thúc đẩy nghiên cứu và triển khai.**

Tầm quan trọng của tiết kiệm và đầu tư

- ◆ Khi xã hội đầu tư nhiều hơn vào tư bản, nó buộc phải tiêu dùng ít hơn và tiết kiệm nhiều hơn → xã hội đối mặt với sự đánh đổi.
- ◆ Tỷ trọng đầu tư trong GDP cao thường có tỷ lệ tăng trưởng cao.

Đầu tư và tăng trưởng

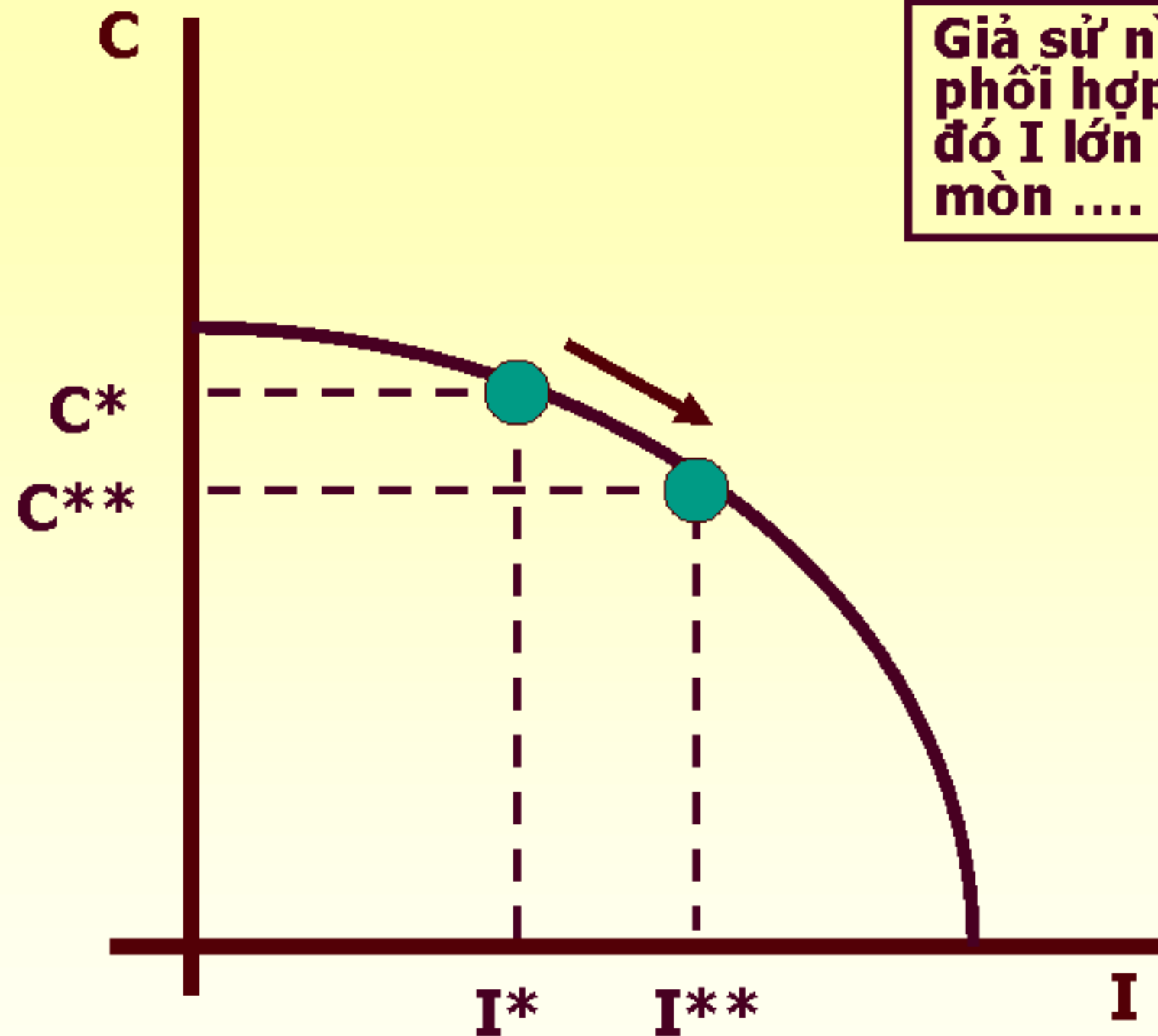


Giả sử nền KTế đang ở điểm phối hợp giữa C và I trong đó I chỉ đủ bù đắp cho phân vốn hao mòn(C^*, I^*)

Thời kỳ tới, PPF vẫn như cũ.

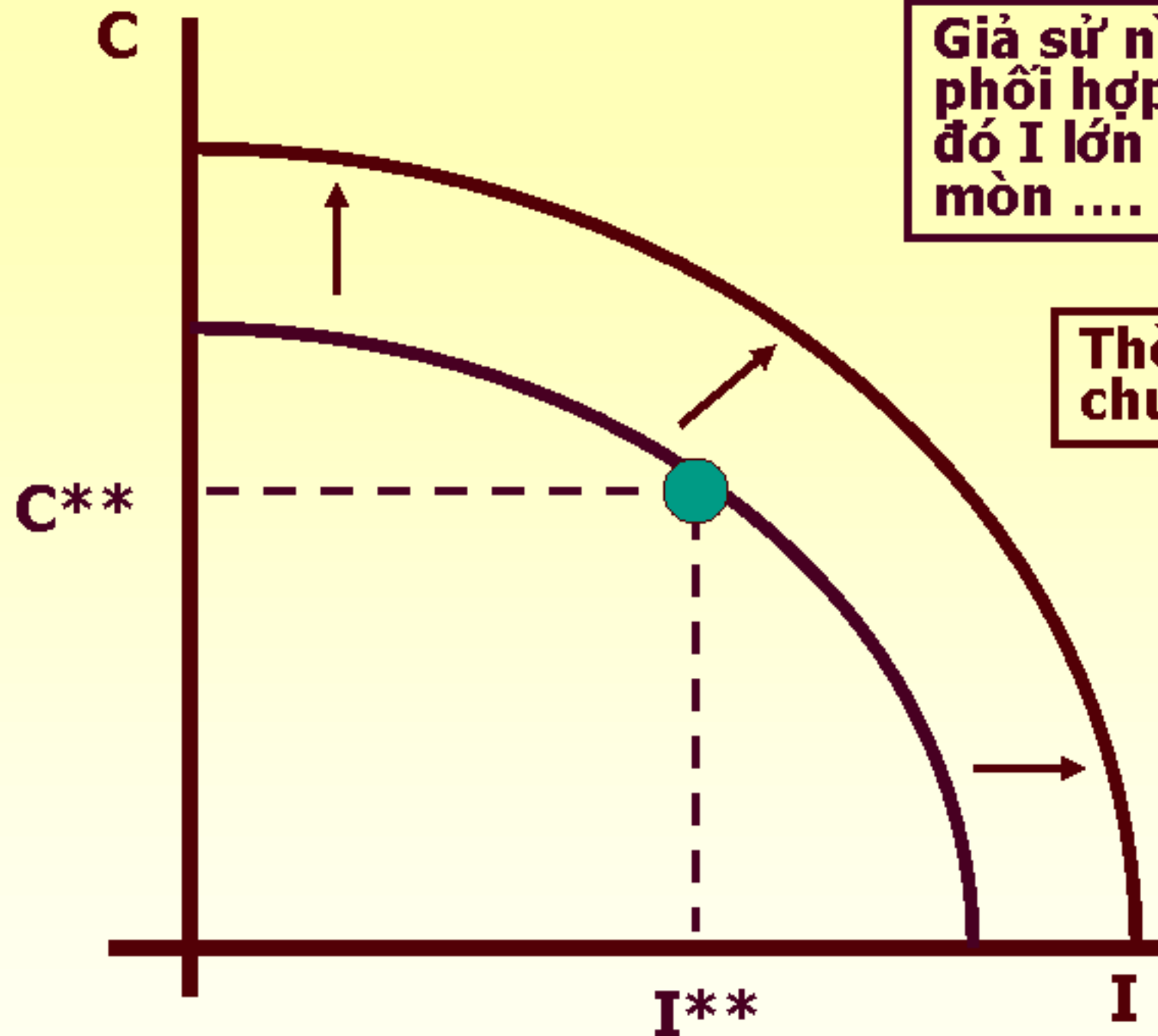
Không có tăng trưởng kinh tế

Đầu tư và tăng trưởng



Giả sử nền KTế đang ở điểm phối hợp giữa C và I trong đó I lớn hơn phân vốn hao mòn (C^{**}, I^{**})

Đầu tư và tăng trưởng

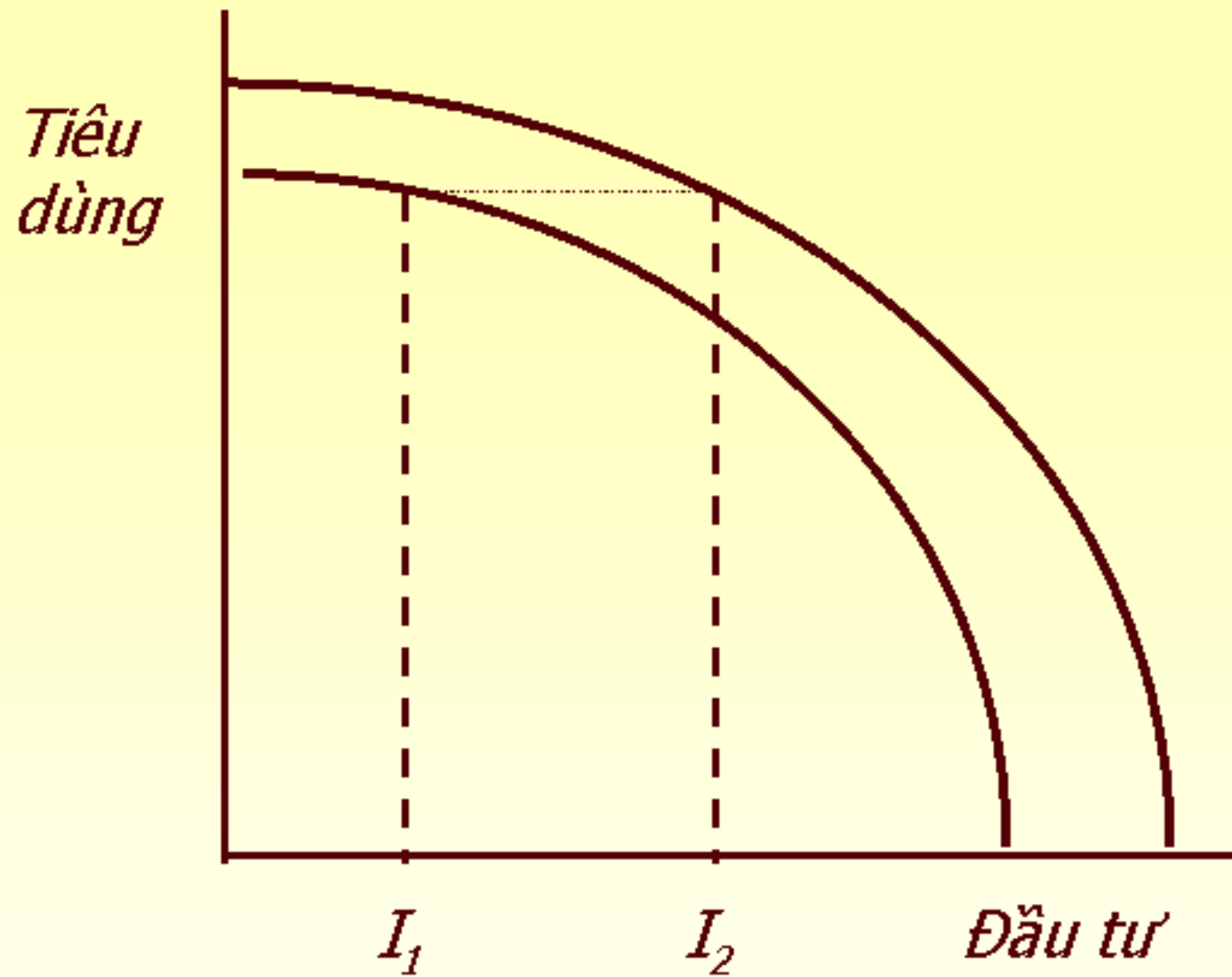


Giả sử nền KT đang ở điểm phối hợp giữa C và I trong đó I lớn hơn phân vốn hao mòn (C^{**} , I^{**})

Thời kỳ tới, PPF dịch chuyển ra ngoài.

Nền kinh tế tăng trưởng.

Tiết kiệm và đầu tư



Tầm quan trọng của tiết kiệm và đầu tư

Nếu tỷ lệ tiết kiệm vẫn giữ như ban đầu thì tỷ lệ tăng trưởng có tăng thêm không hay chỉ duy trì trong một khoảng thời gian nào đó?

Đầu tư từ nước ngoài

- ◆ **Đầu tư nước ngoài trực tiếp**
 - ◆ Khoản đầu tư thuộc quyền sở hữu và được điều hành bởi một thực thể nước ngoài.
- ◆ **Đầu tư nước ngoài gián tiếp**
 - ◆ Khoản đầu tư được tài trợ bằng tiền nước ngoài nhưng được cư dân trong nước điều hành.

Giáo dục

- ◆ Đầu tư vào vốn nhân lực cũng đóng vai trò quan trọng như đầu tư vào vốn hiện vật trong việc đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế dài hạn của quốc gia.
- ◆ Một người được đào tạo tốt có thể đưa ra những ý tưởng mới về việc sản xuất hàng hóa và dịch vụ theo cách tốt nhất.

Quyền sở hữu tài sản và ổn định chính trị

- ◆ *Quyền sở hữu tài sản (Property rights): khả năng thực thi quyền của mình đối với những nguồn lực mà họ sở hữu.*
 - ◆ Quyền sở hữu tài sản là một tiền đề quan trọng để thị trường hoạt động.
 - ◆ Sự bất ổn chính trị đe dọa quyền sở hữu tài sản.

Tự do thương mại

- ◆ **Thương mại cũng là một loại công nghệ.**
- ◆ **Một nước tháo dỡ rào cản thương mại sẽ tăng trưởng kinh tế giống hệt khi nó đạt được tiến bộ trong công nghệ.**

Kiểm soát tốc độ tăng dân số

- ◆ Các nước có dân số đông có khuynh hướng tạo ra GDP lớn hơn các nước ít dân.
- ◆ Tuy nhiên, gia tăng dân số cao làm giảm GDP bình quân đầu người.

Nghiên cứu và triển khai

- ◆ **Tiến bộ công nghệ giúp cho mức sống ngày càng tăng.**
- ◆ **Chính phủ thúc đẩy hoạt động nghiên cứu: tài trợ tiền, ưu đãi thuế, cấp bằng sáng chế.**

Phát triển kinh tế

- ◆ **Thu nhập bình quân đầu người**
- ◆ **Giáo dục và trình độ dân trí**
- ◆ **Dân số và việc làm**